

Sự tích

(Tám sự tích Phật lực)



Hòa thượng Thích Thiện Hoa

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU	5
SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ NHẤT.....	7
ĐỨC BỒ TÁT TOÀN THẮNG ÁC MA THIÊN	7
SỨ MẠNG ĐỨC BỒ TÁT GIÁNG SANH.....	8
ĐỨC BỒ TÁT XUẤT GIA	9
ÁC MA THIÊN CẢN TRỞ ĐỨC BỒ TÁT XUẤT GIA	10
ĐỨC BỒ TÁT THỌ GIÁO PHÁP HÀNH THIỀN ĐỊNH	12
ĐỨC BỒ TÁT HÀNH KHỔ HẠNH	13
ÁC MA THIÊN KHUYÊN ĐỨC BỒ TÁT	13
ÁC MA THIÊN TRANH GIÀNH NGÔI BỒ ĐOÀN	18
CUỘC CHIẾN CỦA ÁC MA THIÊN	20
VŨ KHÍ CUỐI CÙNG	22
CUỘC ĐẤU TRÍ CUỐI CÙNG	23
ĐỨC BỒ TÁT TOÀN THẮNG ÁC MA THIÊN	24
ĐỨC BỒ TÁT CHỨNG ĐẮC TAM MINH.....	24
Giải thích từ ngữ:.....	27
SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ NHÌ.....	28
ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG DẠ XOA ÀLAVAKA.....	28
NỘP NGƯỜI CHO DẠ XOA	31
ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG DẠ XOA ÀLAVAKA.....	32
DẠ XOA ÀLAVAKA DÙNG PHÉP MÀU	35
VŨ KHÍ DUSSÀVUDHA	37
TÁM CÂU HỎI	39
NỘP THÁI TỬ ÀLAVAKAKUMÀRA.....	43
Giải thích từ ngữ:.....	46
Saddhà:.....	46
Appamàda:.....	46
Annava:	46
Vīriya:.....	47
Dukkha:.....	47
Pannà:.....	47

Parisujjhati:	47
SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ BA.....	47
ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG VOI NÀLÀGIRI.....	47
LÀN ĐẦU TIÊN TỖ KHUÙ DEVADATTA OAN TRÁI VỚI ĐỨC PHẬT	49
TỖ KHUÙ DEVADATTA ÂM MUỖ GIẾT ĐỨC PHẬT	51
THI HÀNH LỆNH TỖ KHUÙ DEVADATTA	52
TỖ KHUÙ DEVADATTA CỐ GIẾT ĐỨC PHẬT	53
CẢM THẮNG VOI NÀLÀGIRI.....	54
Chú thích:.....	59
SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ TƯ	61
ĐỨC PHẬT CẢM HÓA ANGULIMÀLA	61
ĐỨC PHẬT CẢM HÓA ANGULIMÀLA	67
ĐỨC VUA PANESADI CA TỤNG ĐỨC PHẬT	69
ĐẠI ĐỨC ANGULIMÀLA CHỨNG ĐẮC THÁNH QUẢ ARAHÁN	73
ĐẠI ĐỨC ANGULIMÀLA CẢM HỨNG TỰ THUYẾT.....	73
SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ NĂM.....	76
ĐỨC PHẬT THẮNG NÀNG CINCÀMÀNAVIKÀ.....	76
ĐỨC PHẬT THẮNG NÀNG CINCÀMÀNAVIKÀ.....	79
CÂU CHUYỆN TIỀN KIẾP	81
ĐỨC BỒ TÁT XUẤT GIA LÀM ĐẠO SĨ.....	87
SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ SÁU	90
ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG BÀ LA MÔN SACCAKA.....	90
SACCAKA GẶP ĐẠI ĐỨC ASSAJI	91
SACCAKA LUẬN CHIẾN VỚI ĐỨC PHẬT	92
SACCAKA TỰ THỨ.....	102
SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ BẢY.....	104
ĐỨC PHẬT CHO PHÉP ĐẠI ĐỨC MAHÀMOGGALLÀNA	104
THU PHỤC RỒNG CHÚA NANDOPANANDA.....	104
SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ TÁM.....	109
ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG PHẠM THIÊN BAKA	109

ĐỨC PHẬT NHẮC LẠI TIỀN KIẾP CỦA PHẠM THIÊN BAKA	111
PHẦN PHỤ LỤC.....	115
QUẢ CỦA NGHIỆP (KAMMAPHALA).....	115
Nguyên nhân đầu tiên Tỳ khuru Devadatta kết oan trái với Đức Phật.	116
Nguyên nhân từ bất thiện nghiệp quá khứ nào khiến Tỳ khuru Devadatta lăn đá làm bầm bàn chân của Đức Phật?	119
Nguyên nhân từ bất thiện nghiệp quá khứ nào khiến nàng Cincàmànavikà vu khống Đức Phật?	120
Nguyên nhân từ bất thiện nghiệp quá khứ nào, mảnh đá vỡ văng đụng đầu ngón chân của Đức Phật?	120
Nguyên nhân từ bất thiện nghiệp quá khứ nào khiến voi Nàlàgiri định xông đến chà Đức Phật?	121
Dịch nghĩa:	123

-ooOoo-

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammàsambuddhassa

Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, Bậc Arahán, Bậc Chánh Đẳng Giác

*Buddhanca Dhammam Samghanca, sàdaram abhivandiya.
Jayama ngalagàthàyam, dassemi vatthudìpanam.*

*Con hết lòng thành kính đánh lễ,
Đức Phật, Đức Pháp cùng Đức Tăng.
Con xin trình bày tám sự tích,
Những Phật lực, hạnh phúc thù thắng.*

-ooOoo-

LỜI NÓI ĐẦU

Trong các buổi lễ tụng kinh cầu an, chư Tăng cũng như những người cận sự nam - nữ không thể thiếu bài kệ "**Jayamangalagàthà - Bài kệ Hạnh phúc thù thắng**". Bởi vì bài kệ này tán dương, ca tụng oai lực của Đức Phật đã cảm thắng tám trường hợp xảy ra vô cùng khó khăn. Mỗi trường hợp Đức Phật vận dụng mỗi pháp, không những để đối trị mà còn làm cho đối phương cảm phục phát sanh đức tin xin quy y nơi Tam bảo.

Bài kệ "**Hạnh phúc thù thắng**" gồm có tám đoạn riêng rẽ, mỗi đoạn nói đến một trường hợp xảy ra và Đức Phật vận dụng mỗi pháp để cảm thắng đối phương, khiến cho đối phương phải cảm phục trước oai lực của Ngài.

Tám trường hợp và tám pháp đối trị.

- 1- Đức Bồ Tát đã toàn thắng Ác Ma Thiên, vua trời cõi Tha hóa tự tại, do nhờ 30 pháp hạnh ba la mật tròn đủ.
- 2- Đức Phật đã cảm thắng dạ xoa Àlavaka rất hung ác hơn cả Ác Ma Thiên, do nhờ pháp nhẫn nại.
- 3- Đức Phật đã cảm hóa được voi dữ Nàlàgiri, do nhờ pháp rải tâm từ.
- 4- Đức Phật đã cảm hóa được kẻ cướp sát nhân Angulimàla rất hung bạo và cũng rất tinh nhuệ, do nhờ phép thân thông.
- 5- Đức Phật đã thắng lời vu khống của nàng Cincàmànavikà, tự phơi bày sự thật trước tứ chúng, do nhờ pháp an tịnh.
- 6- Đức Phật đã soi sáng vào chỗ tối tăm của vị ngoại đạo Saccaka đầy kiêu căng và tự phụ, do nhờ đước tuệ.
- 7- Đức Phật dạy bảo Đại Đức Moggallàna dùng thân thông để thu phục rồng chúa Nandopananda, là rồng tà kiến có nhiều thân thông.
- 8- Đức Phật đã khuất phục Phạm thiên Baka chấp thủ thường kiến mê lầm, do nhờ trí tuệ.

Tám trường hợp xảy ra trên, bản Sư đã sưu tầm từ trong Tam tạng và Chú giải Pàli từng sự tích giúp cho độc giả hiểu rõ oai lực của Đức Phật.

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta thường gặp những cảnh trái ý nghịch lòng, gây oan trái, làm khổ lẫn nhau, không đem lại sự lợi ích, sự an lạc nào cho mình và người. Để hóa giải những trường hợp ấy, chúng ta

phải bình tĩnh sáng suốt, biết suy xét nên sử dụng pháp nào, trong hoàn cảnh nào để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lẫn nhau.

Chư Trưởng lão ở thời xưa thường khuyên dạy các hàng Phật tử, hàng ngày nên tụng đọc bài kệ tán dương oai lực của Đức Phật này, sẽ thoát khỏi mọi điều lo sợ, những tai họa, tất cả điều nguy hiểm, được sự an lành, hạnh phúc cao quý.

Tập sách "8 Sự Tích Phật Lực" này thành tựu là nhờ sự đóng góp của nhiều người như:

- Pháp huynh Viên Minh và Pháp đệ Giới Đức về phần trình bày nội dung và ngữ pháp.
- Cô Tâm Huệ đánh bản thảo vào computer.
- Rakkhitasila antevāsika trình bày dàn trang, in ấn.
- Gia đình ông bà Trần Văn Cảnh - Trần Kim Duyên, gia đình cô Phạm Thị Tịnh (Bénédicte), gia đình Hoàng Quang Chung, gia đình Nguyễn Huyền Trang cùng chư thí chủ có đức tin trong sạch hùn phước tài chánh ấn hành tập sách này.

Bần sư thành tâm hoan hỷ mọi phước thiện của tất cả quý vị, cầu nguyện oai lực Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo hộ trì cho tất cả quý vị cùng thân bằng quyến thuộc của quý vị thân tâm thường an lạc; và phần phước thiện pháp thí thanh cao này là của cải quý báu của riêng mình, để tạo duyên lành trên con đường giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

"Idam no nàtīnam hotu, sukhitā hontu nātayo".

Cầu mong phước thiện thanh cao này được thành tựu đến cho thân bằng quyến thuộc của chúng con. Cầu mong họ được thoát khỏi khổ, được an lạc lâu dài.

***Imam punnabhāgam mātāpitu ācariyanāti mittānānceva
sesabbasattānanca dema sabbepi te punnapattim laddhāna, sukhitā
hontu.***

Chúng con xin hồi hướng (chia) phần phước thiện thanh cao này đến cho tất cả chúng sinh, nhất là ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân bằng quyến thuộc, bè bạn, cùng tất cả chư thiên và nhân loại. Cầu mong tất cả quý vị hoan hỷ thọ lãnh phần phước thiện thanh cao này rồi, thoát khỏi khổ, được an lạc lâu dài.

"Idam no punnam āsavakkhayāvaham hotu".

Cầu mong phước thiện này của chúng con, làm duyên lành dắt dẫn chúng con đến sự chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi phiền não trầm luân.

Tổ đình Bửu Long - Phật lịch 2545/2001
Dhammarakkhita Bhikkhu
(Tỳ khuru Hộ Pháp)

SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ NHẤT

ĐỨC BỒ TÁT TOÀN THẮNG ÁC MA THIÊN

-ooOoo-

Đức Bồ Tát đã toàn thắng Ác Ma Thiên có quyền lực bậc nhất, do nhờ 30 pháp hạnh ba la mật tròn đủ.

Trong Tăng Chi bộ kinh (*Anguttaranikàya*, *Catukkanipàta*, kinh *Pannatisutta*), Đức Phật dạy có bốn chúng sinh được chế định là bậc siêu việt nhất (*aggapannatti*).

- Trong tất cả chúng sinh có thân hình to lớn, chỉ có Ràhu Asurinda là thiên nam có thân hình to lớn nhất.
- Trong tất cả chúng sinh hưởng lạc ngũ trần, chỉ có Đức vua Mandhātu, bậc Chuyển luân thánh vương, là người hưởng lạc bậc nhất.
- Trong tất cả chúng sinh có quyền lực, chỉ có Ác Ma Thiên là thiên vương có quyền lực bậc nhất.
- Trong tất cả loài người, vua chúa, Sa môn, Bà la môn, chư thiên, Phạm thiên toàn cõi thế giới, chỉ có Đức Phật là bậc Vô thượng.

Ác Ma Thiên là thiên vương có quyền lực bậc nhất ở cõi Tha hóa tự tại thiên (*Paranimmitavasavatti*), là tầng trời thứ sáu tột cùng của cõi trời Dục giới, y có ác tâm không muốn một chúng sinh nào giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong tam giới, nên y cám dỗ bằng những miếng mồi ngũ trần của y như sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc êm ấm, hoặc danh cao, chức lớn, quyền lợi... để làm cho chúng sinh ấy say mê, đắm đuối trong sắc thân, trong cảnh giới ấy. Nếu dùng mồi cám dỗ không được, y dùng đến phép thuật, các loại vũ khí, làm cho đối phương phải khuất phục.

SỨ MẠNG ĐỨC BỒ TÁT GIÁNG SANH

Theo bộ Chú giải Buddhavamsa, Đức Bồ Tát Siddhattha, tiền thân kiếp áp chót là một vị thiên nam ở cõi trời Tusita (*Đâu suất đà thiên*) tên là Setaketu. Đến thời kỳ Đức Bồ Tát sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, nên chư thiên, Phạm thiên trong mười ngàn thế giới hội họp lại cùng nhau đến kính thỉnh Ngài tái sanh làm người, đi xuất gia để trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, tế độ chúng sinh.

Đức Setaketu bèn quán xét 5 điều:

- Thời kỳ tuổi thọ con người: Khoảng 100 năm.
- Châu để tái sanh: Nam thiên bộ châu.
- Quốc độ tái sanh: Trung Ấn Độ, kinh thành Kapilavatthu.
- Dòng dõi tái sanh: Hoàng tộc Sakya.
- Thời gian tuổi thọ Phật mẫu: Chánh cung Hoàng hậu Mahāmāyādevī có tuổi thọ còn đúng 10 tháng lẻ 7 ngày.

Ngài quán xét thấy đầy đủ 5 điều trên, nên nhận lời thỉnh cầu của chư thiên, Phạm thiên.

Từ cõi trời Tusita, Ngài giáng sanh vào lòng Phật mẫu Mahāmāyādevī, Chánh cung Hoàng hậu của Đức vua Suddhodana trị vì kinh thành Kapilavatthu, nhằm vào ngày rằm tháng sáu âm lịch. Lúc ấy, Hoàng hậu ở độ 55 tuổi 6 tháng 20 ngày, Bà mang thai tròn đúng 10 tháng. Đến ngày rằm tháng tư âm lịch năm sau, Ngài đản sanh tại vườn Lumbini và đặt tên là Siddhattha. Ngài có đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Đức vua Suddhodana thỉnh mời các vị thầy Bà la môn vào cung điện xem tướng cho Ngài. Có 7 vị Bà la môn đều tiên đoán rằng: "*Nếu Thái tử sống tại gia sẽ trở thành bậc Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác*". Trong 7 vị ấy, Sudatta, một Bà la môn nhỏ tuổi nhất thuộc dòng Kondanna, khẳng định rằng: "*Chắc chắn Thái tử sẽ xuất gia và sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác*".

Sau khi Ngài đản sanh được 7 ngày thì Hoàng hậu Mahāmāyādevī quy thiên, tái sanh lên cõi trời Tusita, trở thành một vị thiên nam tên **Santussita**.

Thái tử Siddhattha trưởng thành, năm 16 tuổi, được phụ vương truyền ngôi vua và thành hôn cùng Công chúa Yasodhara, Ngài trị vì thiên hạ đem lại sự hạnh phúc an lành cho muôn dân.

ĐỨC BỒ TÁT XUẤT GIA

Lần đầu tiên vào ngày rằm tháng 6, Đức vua Bồ Tát đi du ngoạn vườn Thượng uyển. Trên đường đi, bỗng nhiên Ngài nhìn thấy **một người già**, do chư thiên biến hóa để làm cho Ngài phát sanh động tâm (*samvega*). Thật vậy, Ngài chưa từng nhìn thấy người già như thế bao giờ, cho nên Ngài suy tư: "*Chắc hẳn ta cũng có **sự già** như thế, không thể tránh khỏi sự già được*", nổi ưu tư tràn ngập trong lòng, không còn muốn đi nữa, Ngài truyền bảo người đánh xe đưa Ngài hồi cung.

Lần thứ nhì, cách 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng 10, Đức vua lại đi du ngoạn vườn Thượng uyển. Trên đường đi, lần này Ngài nhìn thấy **một người bệnh**, cũng do chư thiên biến hóa. Cũng như lần trước, Ngài suy tư: "*Chắc hẳn ta cũng có **sự bệnh** như thế, không thể tránh khỏi sự bệnh được*", tâm trạng u buồn, Ngài truyền lệnh bảo người đánh xe đưa Ngài hồi cung.

Lần thứ ba, cách 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng hai, để vơi bớt nỗi buồn, Đức vua lại muốn đi du ngoạn vườn Thượng uyển. Trên đường đi, bất chợt Ngài nhìn thấy **một người chết**, cũng do chư thiên biến hóa. Cũng như hai lần trước, Ngài suy tư: "*Chắc hẳn ta cũng có **sự chết** như thế, không thể tránh khỏi sự chết được*", nỗi lo sợ phát sanh trong lòng, Ngài truyền lệnh bảo người đánh xe đưa Ngài hồi cung.

Từ đó, Đức Bồ Tát lúc nào cũng suy tư về sự già, sự bệnh, sự chết. Ngài tự hỏi, có con đường nào giải thoát sự già, sự bệnh, sự chết hay không? Sở dĩ có sự già, sự bệnh, sự chết là vì có **sự tái sanh**. Ôi! Sự tái sanh đáng kinh sợ thật!

Lần thứ tư, sau 4 tháng, vào ngày rằm tháng sáu, để khuây khỏa nỗi u buồn, lo sợ trong lòng, một lần nữa, Đức vua đi du ngoạn vườn Thượng uyển. Trên đường đi, Ngài nhìn thấy một **Bậc xuất gia** đang tĩnh tọa dưới cội cây tổ vể an nhiên tự tại, cũng do chư thiên biến hóa, để làm cho Ngài nghĩ đến việc xuất gia. Thật vậy, khi Đức Bồ Tát nhìn thấy Bậc xuất gia liền trút bỏ mọi nỗi ưu tư nặng trĩu trong lòng về sự già, sự bệnh, sự chết. Ngài quyết định xuất gia ngay đêm ấy để tìm con đường giải thoát sự tái sanh, là giải thoát khổ lão, bệnh, tử.... Hôm ấy, Đức Bồ Tát cảm thấy vô cùng hoan hỷ, nên Ngài vẫn tiếp tục đi du lãm vườn Thượng uyển.

Khi Đức Bồ Tát hồi cung, trong đêm ấy nghe tin Hoàng hậu Yasodhara hạ sanh Hoàng tử, tình thương con trời dậy trong lòng, Ngài than rằng: "**Sự ràng buộc lớn!**". Do đó, Hoàng tử được đặt tên là "**Ràhula**". Mặc dù vậy, chí nguyện xuất gia của Đức Bồ Tát vẫn không thay đổi, đêm ấy Ngài đến tìm Channa, người cận thân thân tín, bảo:

"Này Channa, đêm nay ta sẽ rời hoàng cung đi xuất gia, người hãy sửa soạn cho ta con ngựa Kandaka ngay bây giờ, không cho một ai hay biết".

Bỗng nhiên Ngài thoáng nghĩ: "Trước khi xuất gia, ta nên đến nhìn mặt Hoàng nhi". Ngài lên vào phòng Hoàng hậu Yasodhara, dưới ánh đèn mờ nhạt, Hoàng hậu đang nằm nghiêng, choàng cánh tay trái qua Hoàng tử, vì đứng đằng sau nên không thể nhìn rõ mặt, Ngài thầm nghĩ: *"Nếu ta đến gần e Hoàng hậu sẽ thức giấc làm trở ngại việc xuất gia của ta trong đêm nay. Bây giờ ta chưa nhìn thấy mặt hoàng nhi, thì chờ sau khi ta chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, ta sẽ trở về gặp sau cũng không muộn".*

Đức Bồ Tát nhẹ nhàng bước ra, lên ngựa Kandaka, còn Channa theo sau, vào lúc nửa đêm ngày rằm tháng sáu âm lịch, trốn khỏi hoàng cung đi xuất gia. Mỗi vó ngựa đều có bàn tay chư thiên nâng đỡ, không phát ra một tiếng động, nên không một ai hay biết. Đến cửa thành có chư thiên mở cửa cho ngựa Kandaka phi nhanh qua.

ÁC MA THIÊN CẢN TRỞ ĐỨC BỒ TÁT XUẤT GIA

Khi Đức Bồ Tát ra khỏi thành, Ác Ma Thiên ở cõi Tha hoá tự tại thiên biết rõ chí nguyện xuất gia của Ngài, sợ rằng nếu Ngài trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, thì không chỉ riêng Ngài giải thoát cảnh khổ tử sanh luân hồi trong tam giới, mà Ngài còn tế độ chúng sinh khác cũng giải thoát như Ngài. Như vậy, họ sẽ giải thoát quyền lực của y, nên Ác Ma Thiên tìm cách cản trở việc xuất gia của Đức Bồ Tát.

Ác Ma Thiên liền hiện xuống cản đường Đức Bồ Tát thưa rằng: *"Kính thưa bậc Thượng nhân, xin Ngài đừng vội xuất gia, Ngài nên trở lại hoàng cung vì chỉ còn 7 ngày nữa Ngài chắc chắn sẽ trở thành bậc Chuyển luân thánh vương trị vì bốn châu lớn, hai ngàn châu nhỏ, có đầy đủ thất báu: xe báu, ngựa báu, voi báu, ngọc ma ni báu, Hoàng hậu báu, phủ hộ báu, tể tướng báu, thọ hưởng lạc thú ở cõi đời. Thưa Ngài".*

Đức Bồ Tát hỏi rằng:

- Người là ai mà dám cản đường ta.

Ác Ma Thiên trả lời rằng:

- Tôi bậc Thượng nhân, quả nhân là Ma vương (Màra) ở cõi Tha hoá tự tại thiên.

- Này Ác Ma Thiên, những điều người nói ta đã biết rõ, nhưng ta không cần trở thành bậc Chuyển luân thánh vương, ta chỉ mong trở thành bậc Chánh Đẳng Giác để tế độ chúng sinh, giải thoát cảnh khổ tử sanh luân

hồi trong ba giới bốn loài. Này Ác Ma, hãy tránh ra, người không thể cản được ta đâu!

Ác Ma Thiên không thuyết phục được Đức Bồ Tát, nên kể từ ngày ấy, luôn luôn theo dõi, cố tìm chỗ sơ hở, nhược điểm của Đức Bồ Tát để ngăn cản Ngài.

Đêm rằm tháng sáu, ánh trăng sáng tỏ lạ thường, chư thiên lại còn dùng hào quang của mình làm ánh sáng soi đường cho Ngài, ánh hào quang lan rộng khắp toàn thể giới, trên mặt đất các loài hoa nở rộ, toả ra mùi hương thơm ngát, trên hư không, chư thiên rải đầy hoa manda, vật thơm và các nhạc cụ ở cõi trời trỗi lên, những khúc nhạc du dương trầm hùng... để cúng dường Đức Bồ Tát. Ngài đi qua xứ Sakya, Koliya và Malla khoảng 30 do tuần, chỉ trong một đêm, đến bờ sông Anomà, Ngài ra hiệu cho ngựa Kandaka và vị cận thân cùng bay qua bên kia sông. Xuống ngựa, Ngài bảo Channa rằng:

- Này Channa, ta sẽ làm lễ xuất gia tại nơi đây, còn con hãy đem những đồ trang phục và ngựa Kandaka của ta trở về hoàng cung tâu cho phụ hoàng ta biết.

Channa lưu luyến với Ngài tâu:

- Tâu thánh thượng, xin Ngài cho phép kẻ hạ thân này được xuất gia cùng Ngài.

Ngài không cho phép Channa xuất gia, rồi truyền lệnh đem tất cả đồ trang phục trở về hoàng cung trình cho Đức vua Suddhodana biết. Vị cận thân tuân lệnh, cúi đầu xin phép lên đường. Khi ấy, Ngài dùng thanh kiếm báu cạo sạch râu, cắt tóc ngắn độ còn hai lông tay, cắt xong, phần tóc còn lại, tự xoắn theo vòng xoáy khu ốC sang bên phải nằm sát trên da đầu. Chỉ một lần ấy thôi, từ đó về sau suốt cả cuộc đời, Ngài không phải cắt tóc, cạo râu nữa.

Sau khi cắt xong, Ngài cầm nắm tóc trên tay phát nguyện: ***"Nếu tôi sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, thì xin cho nắm tóc này ở trên hư không; nếu tôi không thể trở thành Bậc Chánh Giác, thì nắm tóc này sẽ rơi xuống đất"***.

Ngài ném nắm tóc lên. Thật phi thường thay! nắm tóc bay thẳng lên hư không khoảng một do tuần rồi ở nguyên một chỗ, Đức vua trời Sakka đem hộp bằng ngọc đựng nắm tóc của Ngài để tôn thờ nơi ngôi bảo tháp Cùlamani tại cung Tam thập tam thiên.

Khi ấy, vị Đại Phạm thiên Ghatikàra là bạn thân cũ của tiền thân Ngài trong thời kỳ Đức Phật Kassapa, biết Ngài hôm nay xuất gia nên đem 8 món đồ dùng của Sa môn đến kính dâng Ngài. Ngài mặc y cà sa màu lồi mứt xuất gia trở thành Tỳ khưu.

ĐỨC BỒ TÁT THỌ GIÁO PHÁP HÀNH THIỀN ĐỊNH

Ngài tìm đến vị Đạo sư Àlāra Kālāmagotta xin thọ giáo, vị Đạo sư hân hoan tiếp nhận Ngài rồi truyền dạy pháp môn thiền định. Trải qua thời gian không lâu, Ngài đã chứng đắc năm bậc thiền hữu sắc và chứng đắc đến đệ tam thiền vô sắc gọi là *Vô sở hữu xứ thiền* (*Akincannāyatanañjhanā*), ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo sư Àlāra Kālāmagotta đã chứng đắc.

Vị Đạo sư tán dương, ca tụng Ngài:

- Tôi đã chứng đắc đến bậc thiền vô sắc nào, hiền giả cũng chứng đắc đến bậc thiền vô sắc ấy. Hiền giả chứng đắc bậc thiền vô sắc nào, tôi cũng đã chứng đắc bậc thiền vô sắc ấy.

Này Hiền giả, từ nay hai chúng ta cùng nhau làm Đạo sư dạy dỗ nhóm đệ tử này.

Ngài nghĩ rằng: "*Bậc đệ tam thiền vô sắc Vô sở hữu xứ thiền này sẽ cho quả tái sanh lên cõi phạm thiên vô sắc giới, Vô sở hữu xứ thiền, có tuổi thọ sống lâu đến 60.000 đại kiếp, không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ uẩn, không diệt tận được tham ái, không đoạn tuyệt được phiền não, không chứng ngộ chân lý Tứ Thánh đế, không tịch diệt Niết Bàn, không giải thoát được mọi cảnh khổ sanh, lão, bệnh, tử luân hồi trong tam giới*".

Đức Bồ Tát không bằng lòng với sở đắc của mình, nên Ngài xin từ giã vị Đạo sư Àlāra Kālāmagotta khả kính, để đi tìm pháp môn khác hầu mong giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử.

Sau khi từ giã vị Đạo sư Àlāra Kālāmagotta, Ngài tìm đến vị Đạo sư Udaka Rāmaputta xin thọ giáo, vị Đạo sư hân hoan tiếp nhận Ngài rồi truyền dạy pháp môn thiền định. Trải qua thời gian không lâu, Ngài đã chứng đắc 5 bậc thiền hữu sắc và chứng đắc đệ tứ thiền vô sắc gọi là "*Phi tướng phi phi tướng xứ thiền*" (*Nevasannānāsannāyatanañjhanā*), là bậc thiền tốt cùng của thiền vô sắc giới, ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo sư Udaka Rāmaputta đã chứng đắc.

Vị Đạo sư tán dương ca tụng Ngài rằng:

- Tôi đã chứng đắc bậc thiên vô sắc tốt cùng nào, hiền giả cũng chứng đắc bậc thiên vô sắc tốt cùng ấy. Hiền giả chứng đắc bậc thiên vô sắc tốt cùng nào, tôi cũng đã chứng đắc bậc thiên vô sắc tốt cùng ấy.

Này Hiền giả, tôi xin thỉnh hiền giả làm Đạo sư dạy dỗ nhóm đệ tử này.

Ngài suy xét rằng: "*Bậc đệ tử thiên vô sắc **Phi tướng phi phi tướng xứ thiên** này sẽ cho quả tái sanh lên cõi trời Phạm thiên vô sắc giới, Phi tướng phi phi tướng xứ thiên có tuổi thọ sống lâu đến 84.000 đại kiếp, không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ uẩn, không diệt tận được tham ái, không đoạn tuyệt được phiền não, không chứng ngộ chân lý Tứ Thánh đế, không tịch diệt Niết Bàn, không giải thoát được mọi cảnh khổ sanh, lão, bệnh, tử luân hồi trong tam giới*".

Ngài xin từ giã Đạo sư Udaka Ràmaputta khả kính, để đi tìm pháp môn khác, hầu mong giải thoát khổ sanh, lão, bệnh, tử.

ĐỨC BÒ TÁT HÀNH KHỔ HẠNH

Từ giã vị Đạo sư Udaka Ràmaputta, Đức Bò Tát đi đến khu rừng Uruvela gần con sông Neranjarà, nơi đây có nhóm năm Tỳ khuru, Ngài Kondanna trưởng nhóm cùng với các Ngài Vappa, Ngài Bhaddhiya, Ngài Mahànàma và Ngài Assaji xin theo hộ độ Đức Bò Tát.

Đức Bò Tát tinh tấn hành pháp khổ hạnh (*Dukkaracariyà*), phương pháp nín thở ra - vô bằng miệng và mũi, hơi thở thoát ra ở hai lỗ tai, rồi tiếp tục nín thở ra

- vô bằng miệng, bằng mũi và ngăn không để hơi thoát ra hai lỗ tai, hơi đậm lên trên đầu đau dữ dội, hơi đậm xuống bụng đau tức tối, hơi phát nóng toàn thân kinh khủng đến nỗi làm cho Ngài chết ngất.

Có số chư thiên tưởng rằng: "*Sa môn Gotama đã chết rồi*". Số khác tưởng rằng: "*Sa môn Gotama đang gần chết!*". Số khác cho rằng: "*Sa môn Gotama không phải chết, cũng không phải đang gần chết, mà Sa môn Gotama đang hành pháp bậc Thánh Arahán*".

ÁC MA THIÊN KHUYÊN ĐỨC BÒ TÁT

Trước đây Ác Ma Thiên đã từng cản trở Đức Bò Tát đi xuất gia không được, từ đó ngày đêm y vẫn theo dõi Đức Bò Tát hòng tìm lỗi lầm của Ngài nhưng vẫn chưa thấy, dù một lỗi nhỏ, chỉ thấy Ngài có chí kiên trì, có tánh cương quyết tinh tấn không thoái chí, như vậy không sớm thì muộn chắc chắn sẽ chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác. Ác Ma Thiên nghĩ rằng:

"Tốt hơn hết, ta nên kịp thời cản trở việc chứng đắc của Đức Bồ Tát".

Ác Ma Thiên liền hiện xuống khu rừng Uruvela bạch rằng:

- Thừa Đức vua Siddhattha, Ngài quyết chí tinh tấn hành khổ hạnh như vậy chỉ tự làm khổ mình, rồi cũng chẳng biết chết lúc nào.

Thừa Đức vua Siddhattha, xin Ngài bảo trọng sanh mạng, sự sống lâu là điều tốt, nhờ sống lâu, Ngài còn có cơ hội tạo mọi thiện pháp như bố thí, giữ giới, thờ cúng thân lửa, hành thiền định.... Sự hành khổ hạnh của Ngài chẳng có lợi ích gì, chỉ tự làm khổ thân mình mà thôi.

Nghe lời tha thiết đầy lòng thương hại của Ác Ma Thiên, Ngài từ tốn đáp lại rằng:

- "Này Ác Ma Thiên, Người không muốn một ai giải thoát khổ trong vòng tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, vì vậy, Người luôn luôn tìm mọi cách cản trở việc tu hành giải thoát khổ của ta.

Này Ác Ma Thiên, Người ca tụng mọi thiện pháp là thứ thiện nghiệp ấy còn cho quả tái sanh, hễ còn tái sanh là còn phải chịu bao nhiêu cảnh khổ.

Này Ác Ma Thiên, người chẳng bao giờ lung lạc được chí nguyện của ta đâu. Dầu thân ta chỉ còn da bọc xương, máu huyết khô cạn, khi ta chưa chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, ta vẫn chưa chịu từ bỏ sự tinh tấn hành đạo".

Một lần nữa, Ác Ma Thiên thất bại.

Ngài tiếp tục giảm vật thực dần dần, ban đầu độ vật thực chỉ vừa lòng bàn tay, từ từ giảm xuống chỉ còn bằng hạt sen.... Do đó, kim thân của Ngài gầy ốm còn da bọc xương, đến nỗi sờ da bụng thì đụng phải đường xương sống. Trước kia kim thân của Đức Bồ Tát có đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp với làn da màu vàng sáng ngời, đến nay các tướng tốt và vẻ đẹp đã biến mất còn làn da trở thành màu đen sẫm.

Một hôm Đức Bồ Tát suy xét: *"Ta đã hành pháp khổ hạnh đến chỗ cùng tột rồi. Trong quá khứ, chưa từng có Sa môn, Bà la môn nào đã hành pháp khổ hạnh đến mức như ta đang hành. Hiện tại và vị lai cũng không có Sa môn, Bà la môn nào có thể hành pháp khổ hạnh như ta, thế mà ta không thể chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác. Như vậy, chắc chắn phải còn có một pháp hành nào khác".*

Ngài đã hành pháp khổ hạnh ròng rã suốt **6 năm** trường mà vẫn chưa chứng đắc thành bậc Chánh Đăng Giác. Ngài hồi tưởng lại khi còn nhỏ cùng phụ vương ra đồng làm lễ hạ điền, phụ vương để Ngài ngồi trong một chiếc lều vải dưới gốc cây Trâm, Ngài đã niệm về **đề mục hơi thở vô - ra** và đã chứng đắc đệ nhất thiền hữu sắc. Như vậy, chắc chắn pháp hành thiền định này làm nền tảng, đưa đến sự chứng đắc thành bậc Chánh Đăng Giác cũng nên!

Sau đó, Ngài suy xét tiếp rằng: *"Bây giờ thân thể ta gầy ốm, sức khỏe yếu đuối, ta không thể tiến hành thiền định đề mục niệm hơi thở, vậy điều tốt hơn hết, ta nên độ vật thực trở lại cho có sức khỏe rồi mới có thể tiến hành thiền định được"*.

Quyết định như vậy xong, Đức Bồ Tát mang bát vào xóm Senà đi khát thực, thọ thực được ít lâu, sức khỏe Ngài được hồi phục trở lại, kim thân của Ngài lại hiện rõ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, và làn da trở lại màu vàng sáng ngời như trước.

Canh chót, vào đêm 14 tháng 4 âm lịch, Ngài nằm thấy năm đại mộng, qua năm đại mộng này, Ngài đoán biết mình chắc chắn sẽ chứng đắc thành bậc Chánh Đăng Giác.

Sáng hôm rằm tháng tư âm lịch, Ngài đi đến ngồi dưới gốc cây Da chờ đến giờ đi vào xóm khát thực.

Tại nơi đây hằng năm vào ngày rằm tháng tư này, nàng Sujàtā thường đem lễ vật đến cúng dường, tạ ơn chư thiên, theo lời nguyện của nàng.

Nàng Sujàtā là con gái của ông phú hộ Mahāsena ở làng Senà gần khu rừng Uruvela, khi nàng trưởng thành có đến tại gốc cây Da này cầu nguyện rằng:

"Kính thưa chư thiên tại nơi đây, nếu tôi có chồng cùng dòng Bà la môn và có đứa con trai đầu lòng, thì hằng năm, vào ngày rằm tháng tư, tôi sẽ đem cơm nấu bằng sữa bò đến đây cúng dường quý Ngài".

Lời cầu nguyện của nàng được thành tựu như ý, cho nên hằng năm vào ngày rằm tháng tư, nàng đem cơm sữa đến cúng dường tạ ơn chư thiên.

Từ sáng sớm, nàng Sujàtā thức dậy vắt sữa tinh khiết tám con bò, khi nàng đem nồi đựng sữa để gần vú con bò thứ nhất, dòng sữa chảy ra một mạch. Thật là một việc lạ thường chưa từng có bao giờ! Lần lượt bảy con bò còn lại, dòng sữa cũng chảy một mạch như vậy. Khi nàng đổ sữa vào nồi nấu cơm, nước sữa sôi xoay tròn bên phải, không một giọt nào chảy tràn ra bên ngoài, còn lửa củi cháy đều không có một làn khói nào bốc

lên. Sở dĩ, có những việc lạ thường như vậy, là vì sáng nay có Tứ đại thiên vương trông coi lò lửa, vua trời Sakka lấy củi bỏ vào lò, vua trời Phạm thiên che dù, tất cả chư thiên đem những chất bổ dưỡng do năng lực của mình bỏ vào nồi cơm sữa.

Nàng Sujàtā gọi tớ gái tên Punna bảo rằng:

- Nay Punna, hôm nay chư thiên của ta thật đáng kính, trước đây ta chưa từng chứng kiến những hiện tượng lạ thường như thế này!

Con hãy mau đến cội cây Da quét dọn cho sạch sẽ, để chúng ta mang cơm sữa đến dâng cúng, tạ ơn chư thiên.

Người tớ gái Punna vâng lời đến gốc cây Da để quét dọn, cô nhìn thấy Đức Bồ Tát đang ngồi quay mặt về hướng Đông, từ kim thân của Ngài phát ra hào quang sáng ngời toả khắp quanh vùng, cô nghĩ rằng:

"Sáng hôm nay, vị Thiên thần của chúng ta hiện xuống ngồi đợi thọ nhận cơm sữa cúng dường", nên cô vô cùng hoan hỷ vội vàng trở về báo tin mừng cho bà chủ biết.

Nàng Sujàtā nghe lời tường trình rõ ràng của người tớ gái, trong lòng cảm thấy vui mừng khôn xiết và bảo rằng:

- Nay Punna, kể từ hôm nay con trở thành con gái lớn của ta. Nói xong, nàng ban cho những đồ trang sức quý giá, xứng đáng với địa vị con gái lớn của mình.

Nàng Sujàtā đem chiếc mâm bằng vàng để đựng cơm, khi nàng đặt mâm gần nồi cơm, cơm sữa trong nồi tự nhiên viên lại thành vát bằng trái thốt nốt lăn tuôn từ nồi sang mâm đúng 49 vát thì vừa đầy.

Nàng lại chứng kiến thêm một việc lạ thường chưa từng có bao giờ. Nàng lấy một chiếc mâm khác đặt lại rồi phủ lên một lớp vải trắng tinh.

Hôm ấy, nàng Sujàtā trang điểm bằng những đồ trang sức quý giá rồi đội mâm cơm sữa cùng người con gái lớn Punna đi theo sau đến gốc cây Da. Nhìn thấy Đức Bồ Tát có đầy đủ tướng tốt và các vẻ đẹp, hào quang toả ra từ kim thân của Ngài sáng khắp vùng, làm cho nàng phát sanh đức tin trong sạch và vô cùng hoan hỷ chưa từng có bao giờ, vì nàng tưởng rằng Ngài là một vị thiên nam hiện xuống thọ nhận phẩm vật cúng dường tạ ơn của nàng.

Nàng Sujàtā cung kính đến gần Đức Bồ Tát, đặt chiếc mâm vàng đầy cơm sữa cùng bình nước, hoa quả, vật thơm... cung kính dâng lên Ngài, cái bát

của Ngài bỗng nhiên biến mất, nên Ngài đưa hai tay ra nhận lấy chiếc mâm vàng đầy phẩm vật quý giá rồi nhìn nàng Sujàtā. Nàng liền bạch rằng:

"Kính bạch Đức thiên thần, con thành kính dâng Ngài chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này, kính xin Ngài từ bi hoan hỷ thọ nhận, để cho con được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài; con được toại nguyện như thế nào, kính xin Ngài cũng toại nguyện như thế ấy". Nàng Sujàtā vô cùng hoan hỷ. Sau khi thọ nhận xong, Ngài đứng dậy rời gốc cây Da, tay cầm chiếc mâm vàng đầy cơm sữa đi đến bên sông Neranjarā, nơi mà chư Bồ Tát quá khứ trước khi chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác cũng đều ngự đến đây để tắm, nên bên sông này gọi là bến Supatitthita; Ngài đặt mâm ở bến Supatitthita, rồi xuống dòng sông Neranjarā tắm. Khi tắm xong, Ngài mặc y cà sa tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư Thánh Arahán; đoạn Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, độ hết 49 vắt com, rồi uống hết bình nước (từ đó về sau suốt 7 tuần lễ (49 ngày), Đức Phật không độ vật thực và nước, chỉ an hưởng hương vị giải thoát Niết Bàn).

Sau khi độ com xong, Ngài cầm chiếc mâm vàng phát nguyện rằng:

"Nếu hôm nay ta được chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, thì xin cho chiếc mâm vàng này sẽ trôi ngược dòng nước; nếu không, thì chiếc mâm vàng này sẽ trôi xuôi theo dòng nước".

Nguyện xong, Ngài ném chiếc mâm vàng xuống dòng sông. Thật phi thường thay! Chiếc mâm vàng cắt dòng nước đang chảy trôi ra giữa sông, rồi từ đó trôi ngược dòng nước một cách vô cùng mau lẹ, một đoạn khá xa, chiếc mâm vàng chìm sâu xuống đáy nước, đụng phải ba chiếc mâm vàng của ba Đức Phật quá khứ là **Đức Phật Kakusandha**, **Đức Phật Konāgamana** và **Đức Phật Kassapa**, phát ra một âm thanh vang dội, làm cho Long vương Kàlanāga tỉnh giấc nghĩ rằng: *"Hôm qua một Đức Phật đã xuất hiện, hôm nay sẽ có một Đức Phật nữa xuất hiện"*, rồi thức dậy tán dương ca tụng hằng trăm bài kệ.

Trưa hôm ấy, Ngài nghỉ trong một khu rừng Sàla, những cây Sàla đua nhau nở hoa khắp cả khu rừng, bên bờ sông Neranjarā. Buổi chiều Ngài ngự đến cội cây Assattha, dọc theo hai bên đường, chư thiên trang hoàng những đoá hoa trời rất xinh đẹp, các hàng chư thiên ở các cõi trời đua nhau cúng dường hương thơm cùng với thiên nhạc vang rền khắp 10 ngàn thế giới chúng sinh. Cùng lúc ấy, một người cắt cỏ tên Sotthiya, trên đường đi ngược chiều lại phía Ngài, nhìn thấy Ngài, liền phát sanh đức tin trong sạch, nên dâng cúng Ngài tám nắm cỏ, Ngài cầm tám nắm cỏ ngự thẳng đến cội cây Assattha.

Khi đứng hướng Nam của cội cây, Ngài nhìn thẳng về hướng Bắc, Ngài có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi thế giới hướng Nam bị chìm sâu xuống cõi địa ngục Avìci, còn toàn cõi thế giới hướng Bắc được nổi lên đến cõi trời sắc giới Phạm thiên tột đỉnh. Ngài nghĩ rằng: *"Đây không phải là chỗ ngồi để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đăng Giác"*. Ngài ngự đi sang hướng khác.

Khi đứng hướng Tây của cội cây, Ngài nhìn thẳng về hướng Đông, cũng như vậy, Ngài có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi thế giới hướng Tây bị chìm sâu xuống cõi địa ngục Avìci, còn toàn cõi thế giới ở hướng Đông được nổi lên đến cõi trời sắc giới Phạm thiên tột đỉnh. Ngài nghĩ rằng: *"Đây cũng không phải là chỗ ngồi để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đăng Giác"*. Ngài ngự sang hướng khác.

Khi đứng hướng Bắc của cội cây, Ngài nhìn thẳng hướng Nam, cũng như vậy, Ngài có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi thế giới hướng Bắc bị chìm sâu xuống địa ngục Avìci, còn toàn cõi thế giới ở hướng Nam được nổi lên đến cõi trời sắc giới phạm thiên tột đỉnh, Ngài nghĩ rằng: *"Đây cũng không phải là chỗ ngồi để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đăng Giác"*. Ngài ngự sang hướng khác.

Sau cùng, đứng hướng Đông của cội cây, Ngài nhìn thẳng về hướng Tây, thật phi thường thay! Ngài có cảm giác toàn cõi thế giới thăng bằng, Ngài nghĩ rằng: *"Chính đây là chỗ ngồi để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đăng Giác"*. Ngài trải tám năm cỏ tại hướng Đông của cội Assattha. Thật phi thường thay! ngay khi ấy trở thành ngôi bồ đoàn quý báu, có chiều cao 14 hắc tay thật nguy nga lộng lẫy, không có một nhà kiến trúc mỹ thuật nào có thể tạo nên một bồ đoàn tuyệt đẹp như vậy! Bởi vì ngôi bồ đoàn quý báu này phát sanh do phước báu ba la mật tròn đủ của Đức Bồ Tát sắp trở thành bậc Chánh Đăng Giác.

Ngài ngồi kiết già vững vàng trên ngôi bồ đoàn quý báu, quay mặt về hướng đông rồi phát nguyện rằng:

"Dầu cho thịt và máu trong thân ta khô cạn hết, dầu sắc thân này chỉ còn da bọc xương đi nữa, nếu ta chưa chứng đắc thành bậc Chánh Đăng Giác, ta quyết không bao giờ rời khỏi bồ đoàn này".

ÁC MA THIÊN TRANH GIÀNH NGÔI BỒ ĐOÀN

Từ lâu, Ác Ma Thiên vẫn luôn luôn theo dõi để tìm cách cản trở việc hành đạo của Đức Bồ Tát, bằng lời nói, cả hai lần đều thất bại, vì không thể làm cho Đức Bồ Tát thoái chí. Nay Ác Ma Thiên nhìn thấy bồ đoàn quý báu hiện lên và nghe lời phát nguyện từ lòng quyết tâm đanh thép của Đức Bồ

Tát, y cảm thấy rung động thật sự. Bây giờ đã đến giai đoạn quyết liệt, Ác Ma Thiên tự nghĩ: *"Ta đã dùng địa vị của bậc Chuyển luân thánh vương để cảm dỗ cũng thất bại và đã dùng lời ân cần tha thiết khuyên dụ cũng không làm lay chuyển được Sa môn Gotama. Bây giờ chỉ còn cách duy nhất là dùng sức mạnh của chúng thiên ma và những loại phép thuật lợi hại của ta để đánh đuổi Sa môn Gotama, quyết tranh giành ngôi bồ đoàn quý báu ấy về cho ta mà thôi".*

Thế rồi, Ác Ma Thiên huy động toàn bộ lực lượng thiên ma binh, thiên ma tướng hùng hậu, trang bị tất cả mọi khí giới hình thù quái dị, kinh khủng nhất, rầm rộ rời khỏi Tha hoá tự tại thiên. Ác Ma Thiên cưỡi voi Girimekhala đi đầu, hoá ra ngàn cánh tay đều cầm khí giới khác nhau, cùng chúng thiên ma hiện xuống vây chặt xung quanh cội Assattha, kéo dài 12 do tuần, bên trên hư không dày đặc 9 do tuần, chúng la hét, âm thanh vang dội kinh khủng làm chấn động khắp mọi nơi.

Vừa rồi có 10 ngàn thế giới chư thiên, chư Phạm thiên đến cung kính cúng dường, tán dương ca tụng Đức Bồ Tát như vua trời Sakka thối cỏi Vijayutara, Long vương Mahākāla tán dương Đức Bồ Tát hàng trăm bài kệ, vị trời Đại Phạm thiên cầm long vàng che cho Ngài... nhưng khi thoáng thấy Ác Ma Thiên cùng với thiên ma binh trùng trùng điệp điệp, từng đoàn, từng lớp hiện xuống, tất cả chư thiên, Phạm thiên đều bay xa lánh mặt, vua trời Sakka bay thật xa đứng nhìn, Long vương Mahākāla chạy về long cung, vị trời Đại Phạm thiên trở về cỏi trời sắc giới, chư thiên, chư Phạm thiên đều bay về chỗ ở của mình, thế là chẳng còn một chư thiên, Phạm thiên nào ở lại, chỉ còn một mình Ngài đang điềm nhiên ngự trên ngôi bồ đoàn.

Ác Ma Thiên lớn tiếng hét vang, truyền lệnh cho bộ hạ rằng:

- *"Này hỡi chúng thiên binh, thiên tướng, Sa môn Gotama có oai lực phi thường, không có ai dám sánh, các ngươi chớ khá xem thường, hãy chờ lệnh của ta. Bây giờ, chính tự tay ta quyết chiến với Sa môn Gotama".*

Đức Bồ Tát nhìn chung quanh không một chư thiên, Phạm thiên nào còn ở lại, Ngài chỉ thấy Ác Ma Thiên cưỡi voi Girimekhala, có cả ngàn cánh tay cầm đủ tất cả khí giới cùng với thiên ma binh, thiên ma tướng hùng hậu với tất cả các loại khí giới cực kỳ nguy hiểm, bao vây quanh Ngài.

Ngài nghĩ rằng: *"Ác Ma Thiên đem chúng thiên ma hùng hậu với mục đích mong chiến thắng chỉ một mình ta, tại nơi đây ta không có cha mẹ, anh em bà con thân quyến nào cả, ta chỉ có 30 pháp hạnh ba la mật xem như là những bộ hạ thân tín, mà ta đã tạo nên và nuôi dưỡng trưởng thành suốt thời gian lâu dài trải qua vô số kiếp. Bây giờ ta phải sử dụng đến*

những pháp hạnh ba la mật này như là những đội quân thiện chiến bảo vệ ta, chúng cũng là tám giáp an toàn chống đỡ lại phép thuật của Ác Ma Thiên". Ngài quán tưởng đến 30 pháp hạnh ba la mật xong, Ngài vẫn điềm tĩnh ngự trên ngôi bồ đoàn quý báu.

CUỘC CHIẾN CỦA ÁC MA THIÊN

Đầu tiên Ác Ma Thiên dùng **phép thuật cuồng phong bão tố**, với ý nghĩ làm cho Sa môn Gotama sợ hãi rời bỏ ngôi bồ đoàn mà chạy trốn. Y liền hoá phép nổi lên trận cuồng phong bão tố khủng khiếp, sức gió mạnh mẽ phát xuất từ mọi hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Trận cuồng phong bão tố này không những bứng tróc cả rừng cây đại thọ, tiêu hủy xóm làng, mà còn có khả năng bạt đi cả bảy quả núi dài 3 do tuần.

Do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát, trận cuồng phong bão tố kia, khi đến gần Ngài liền tan biến mất, không thể làm cho chéo y của Ngài lay động.

Thật là một điều phi thường! Ban đầu Ác Ma Thiên vô cùng ngạc nhiên, sau y dùng dùng nổi giận, tức khắc sử dụng **phép thuật thứ nhì** đó là **nước lụt** để làm cho Đức Bồ Tát chết đuối. Y hoá phép một trận mưa lớn như thác đổ, cuộn cuộn tràn đầy hồ ao, sông núi, dâng ngập mặt đất, dâng cao đến ngọn cây, rồi dâng đến đỉnh núi để ngập chìm Ngài.

Do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát, trận lụt lớn kia bỗng nhiên hóa ra vô hiệu, không còn một hạt nước mưa nào có thể làm thấm ướt được chéo y của Ngài. Y càng thêm tức giận liền sử dụng loại **phép thuật thứ ba** đó là **mưa đá than hồng** để thiêu đốt Đức Bồ Tát. Y hoá phép làm một trận mưa đá than hồng cháy đỏ hừng hực liên miên, bất tận rơi trút xuống kim thân Ngài.

Do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát, những cục đá than hồng kia lại biến thành những đoá hoa trời màu sắc xinh đẹp nhẹ nhàng rơi xuống xung quanh Ngài.

Y vô cùng tức tối, liền sử dụng loại **phép thuật thứ tư** đó là **trận mưa vũ khí** để giết chết Đức Bồ Tát. Y hoá phép những loại vũ khí sắc bén như guom, giáo, răng cưa, móc nhọn... tua tủa rơi từ hư không đâm xuống chỗ Ngài.

Do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát, những loại vũ khí sắc bén kia lại biến thành những đoá hoa trời, những báu vật rơi rải rác xung quanh Ngài.

Y giận lồng lộn lên, ngay tức khắc sử dụng loại ***phép thuật thứ năm*** đó là ***trận mưa lửa than*** để thiêu đốt Đức Bồ Tát. Y hoá phép trận mưa lửa than đổ rục cả vùng trời phủ xuống kim thân Ngài.

Do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát, trận mưa lửa than kia lại biến thành chùm pháo hoa cỗi trời đẹp mắt rơi xuống xung quanh Ngài.

Y bây giờ giận dữ điên cuồng, sử dụng loại ***phép thuật thứ sáu*** đó là ***trận mưa tro nóng*** để thiêu rụi Đức Bồ Tát. Y hoá phép trận mưa tro nóng rơi xuống chỗ Ngài.

Do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát, trận mưa tro nóng kia lại biến thành bột trâm cỗi trời thơm ngát rơi rải rác xuống xung quanh Ngài.

Ác Ma Thiên sử dụng loại ***phép thuật thứ bảy*** đó là ***vũ khí mưa cát mịn*** có độ nóng kinh khủng để thiêu hủy Đức Bồ Tát. Y hoá phép trận mưa cát mịn rơi xuống chỗ Ngài.

Do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát, trận mưa cát mịn kia lại biến thành vật thơm cỗi trời ngào ngạt rơi rải rác xung quanh Ngài.

Ác Ma Thiên sử dụng loại ***phép thuật thứ tám*** đó là ***trận mưa bùn*** có độ nóng khủng khiếp để thiêu hoại Đức Bồ Tát. Y hoá phép trận mưa bùn rơi xuống chỗ Ngài.

Do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát, trận mưa bùn kia lại biến thành vật thoa trời mát dịu rơi rải rác xuống xung quanh Ngài.

Ác Ma Thiên tức giận điên cuồng, khi dùng các loại phép thuật giết hại mà không có hiệu quả; nên y thay đổi chiến thuật sử dụng loại ***phép thuật thứ chín*** đó là ***không gian tối tăm như mực*** để làm cho Đức Bồ Tát kinh sợ bỏ chạy, y hoá phép làm cho không gian tối đen mù mịt.

Do oai lực ba la mật từ kim thân Ngài phát ra hào quang tỏa rộng như vàng thái dương sáng tỏ, làm tan biến bóng tối đen như mực kia ngay tức khắc.

Thế là Ác Ma Thiên đã sử dụng hết chín loại phép thuật lợi hại: *cuồng phong, bão tố, nước ngập lụt, mưa đá than hồng, mưa vũ khí, mưa lửa than, mưa tro nóng, mưa cát nóng, mưa bùn nóng và không gian tối mịt...* nhưng Đức Bồ Tát vẫn an nhiên tự tại ngự trên ngôi bồ đoàn quý báu, bất khả xâm phạm. Bị thất bại chua cay, biết là chẳng thể nào làm cho Đức Bồ Tát từ bỏ ngôi bồ đoàn, nhưng Ác Ma Thiên vẫn tỏ ra oai vệ đồng dặc hét lớn truyền lệnh chúng thiên ma rằng:

- Các người hãy tấn công vào bắt Sa môn Gotama, hãy đánh đuổi Sa môn Gotama ra khỏi ngôi bồ đoàn kia.

Ác Ma Thiên la hét thật lớn, nhưng chẳng có ma quân, ma tướng nào dám cả gan xông đến gần, bởi do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát.

Ác Ma Thiên vẫn chưa chịu thất bại, ngồi trên lưng voi Girimekhala đưa tay chỉ vào Đức Bồ Tát nói như ra lệnh:

- *Này Sa môn Gotama, ông hãy mau mau rời khỏi chỗ ấy, vì ngôi bồ đoàn ấy là của ta!*

Đức Bồ Tát từ tốn đáp:

- *Này Ác Ma Thiên, ngôi bồ đoàn quý báu này phát sanh do phước báu của **30 pháp ba la mật, năm hạnh đại thí, ba pháp hành** mà Như Lai đã tạo từ vô số kiếp. Như vậy ngôi bồ đoàn này thuộc về của Như Lai, không phải của người. Khi chưa chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, thì Như Lai vẫn chưa thể rời khỏi ngôi bồ đoàn quý báu này.*

VŨ KHÍ CUỐI CÙNG

Đức Bồ Tát nói như vậy, Ác Ma Thiên vô cùng giận dữ đến phát điên, liền sử dụng phép thuật **vũ khí vòng sắt** cực kỳ nguy hiểm, quyết sát hại Đức Bồ Tát.

Đây là một đòn trí mạng cuối cùng. Nếu chiếc vòng sắt ấy ném xuống đất, thì mặt đất bị thiêu hủy suốt 12 năm không có cỏ cây nào mọc được. Nếu chiếc vòng sắt ấy ném lên hư không, thì suốt 12 năm trường không có một giọt mưa nào rơi xuống. Nếu chiếc vòng ấy ném vào núi Sineru (*Tu di sơn*), thì núi ấy bị cắt làm đôi.

Với ý chí quyết thắng Đức Bồ Tát, với ác tâm sát hại chúng sinh, Ác Ma Thiên ném vũ khí vòng sắt lên hư không phát ra tiếng sấm sét vang trời, đồng thời ra lệnh thiên ma binh, thiên ma tướng xô đẩy những quả núi lớn xuống nơi Đức Bồ Tát đang ngự trên bồ đoàn.

Ác Ma Thiên nghĩ là mình sẽ chiến thắng, nếu Sa môn Gotama không từ bỏ ngôi bồ đoàn kia, thì thân xác ông ta sẽ bị nghiền nát.

Tất cả chư thiên, chư Phạm thiên từ xa khi nhìn thấy phép thuật **vũ khí vòng sắt** của Ác Ma Thiên được ném ra, một số vô cùng lo ngại cho sanh mạng của Đức Bồ Tát, một số khác tin rằng do oai lực 30 pháp hạnh ba la mật tròn đủ của Ngài, sắp chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, thì

không có một loại phép thuật vũ khí nguy hiểm nào có thể sát hại được Ngài.

Quả thật như thế, do oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát, vũ khí vòng sắt cực kỳ nguy hiểm kia đã biến thành cuộn dây chui chân nhẹ nhàng rơi xuống bên cạnh ngôi bồ đoàn, còn tất cả quả núi lớn kia đã biến thành những đóa hoa cõi trời xinh đẹp rơi rải rác xung quanh ngôi bồ đoàn quý báu nơi Ngài đang ngự.

CUỘC ĐẤU TRÍ CUỐI CÙNG

Khi ấy, Ngài suy xét rằng: *"Chư Bồ Tát ở quá khứ khi đã hành tròn đủ 30 pháp ba la mật, thì ngôi bồ đoàn quý báu phát sanh đối với họ để chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, ta cũng là Bồ Tát đã hành tròn đủ 30 pháp ba la mật. Như vậy, ngôi bồ đoàn quý báu này thuộc về của ta hôm nay, để chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác"*.

Suy xét xong, Ngài bèn hỏi Ác Ma Thiên.

- Này Ác Ma Thiên, ngôi bồ đoàn quý báu phát sanh do sự tròn đủ 30 pháp ba la mật của Như Lai; người có từng tạo tròn đủ 30 pháp hạnh ba la mật đâu, mà người dám nói ngôi bồ đoàn này là của người; vậy người có gì làm bằng có?

Ác Ma Thiên đắc chí chỉ vào chúng thiên ma của mình tuyên bố:

- Tất cả thiên binh, thiên tướng làm chứng ngôi bồ đoàn kia là của ta.

Chúng thiên ma đồng thanh đáp:

- Đúng thế! Ngôi bồ đoàn kia là của Đức vua chúng tôi.

Ác Ma Thiên tưởng mình đã thắng thế, bèn hỏi Đức Bồ Tát rằng:

- Thưa Sa môn Gotama, Ngài tuyên bố ngôi bồ đoàn quý báu ấy thuộc về của Ngài, vậy ai làm chứng có cho Ngài?

Đức Bồ Tát nhìn xung quanh đều không có một chư thiên, Phạm thiên nào, Ngài suy tưởng: *"Ta đã từng tạo 30 pháp ba la mật trải nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, không nói kiếp trước xa xôi, chỉ nói đến kiếp gần đây, khi sanh làm thái tử Vessantara hành đại thí ba la mật: bố thí voi quý, của cải, vợ con..., mặt đất không có tâm thức này cũng đã từng 7 lần rung chuyển"*.

Đức Bồ Tát bèn đưa bàn tay phải ra dùng ngón trỏ chỉ xuống mặt đất tuyên bố bằng lời chân thật rằng:

"Trong tiền kiếp, khi tôi là thái tử Vessantara, tôi đã từng làm đại thí ba la mật 7 lần. Bây giờ, tại nơi đây không có chúng sinh có tri giác nào đứng ra làm chứng cho tôi, chỉ có mặt đất, mặt đất không có tâm thức này có thể làm chứng cho tôi được không?"

Thật phi thường thay! lời chân thật của Đức Bồ Tát vừa chấm dứt, lập tức mặt đất chuyển mình, rung động, phát ra những tiếng sấm sét long trời lở đất, Ác Ma Thiên kinh hoàng khiếp đảm giục voi bỏ chạy trở về cõi Tha hoá tự tại thiên, còn đám ma binh hỗn quân hỗn quan vô cùng khiếp đảm bỏ mặt nạ, vũ khí, hốt hoảng chạy tán loạn để thoát thân theo chủ soái của mình.

ĐỨC BỒ TÁT TOÀN THẮNG ÁC MA THIÊN

Đức Bồ Tát ngự trên bồ đoàn quý báu dưới cội cây Assattha đã toàn thắng Ác Ma Thiên vừa đúng lúc mặt trời sắp lặn hướng Tây, mặt trăng lộ dạng hướng Đông. Khi ấy 10 ngàn thế giới chư thiên cõi trời Dục giới, chư Phạm thiên cõi trời sắc giới, Long vương dưới thủy cung... toàn thể chư thiên, Phạm thiên vui mừng reo hò vang dội khắp các tầng trời, tán dương ca tụng oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát rằng:

***Đức Bồ Tát Siddhattha đã toàn thắng rồi!
Ác Ma Thiên đã hoàn toàn thất bại rồi!***

Do đó, ngôi bồ đoàn quý báu này gọi là ***"Aparàjitapallanka"***: ngôi bồ đoàn nơi toàn thắng Ác Ma Thiên.

Chư thiên, chư Phạm thiên đem những đóa hoa trời xinh đẹp, hương thơm đến cúng dường, tán dương ca tụng oai lực ba la mật của Ngài.

ĐỨC BỒ TÁT CHỨNG ĐẮC TAM MINH

Sau khi toàn thắng Ác Ma Thiên, vào canh đầu đêm rằm tháng tư âm lịch, Ngài tiến hành thiền định với đề mục niệm hơi thở vô - ra (*anàpànassati*) tuân tự chứng đắc bốn bậc thiền hữu sắc.

- Đức Bồ Tát chứng đắc đệ tứ thiền hữu sắc, có định tâm trong sáng thanh tịnh, Ngài hướng tâm đến sự chứng đắc ***Túc Mạng Minh*** (*Pubbenivàsànuassinàna*).

Ngài có khả năng nhớ rõ tiền kiếp: 1 kiếp, 2 kiếp... hàng trăm kiếp, hàng ngàn kiếp cho đến vô số kiếp không hạn định, cùng với mọi chi tiết như loại chúng sinh, dòng dõi, tên họ, đã tạo ba la mật....

Túc Mạng Minh là minh thứ nhất mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào canh đầu đêm rằm tháng tư.

- Tiếp theo, Đức Bồ Tát hướng tâm đến chứng đắc: **Thiên Nhân Minh** (*Dibbacakkhunàna*), thấy rõ, biết rõ sự tử, sự sanh của mỗi chúng sinh do bởi nghiệp - quả nào, còn gọi là **Sanh Tử Minh** (*Cutùpapàtanàna*). Thiên nhân minh có thể thấy rõ, biết rõ kiếp vị lai của mỗi chúng sinh, gọi là **Vị Lai Kiến Minh** (*Anàgatamsanàna*), cho nên Đức Phật thường thọ ký theo phước thiện cùng nguyện vọng của chúng sinh ấy bằng Vị lai kiến minh này.

Thiên Nhân Minh là minh thứ nhì mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào canh giữa đêm rằm tháng tư.

- Tiếp theo, Đức Bồ Tát dùng đệ tứ thiền hữu sắc làm nền tảng để tiến hành thiền tuệ (*Vipassanàbhàvanà*), trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ đối tượng **Paticcasamùppàda** (*Thập nhị duyên sanh*):

* **Theo chiều thuận:** "*Thập nhị duyên sanh*", để trí tuệ thấy rõ, biết rõ "*sự sanh*" của mỗi chi pháp, chứng ngộ *Khổ thánh đế* và *Nhân sanh Khổ thánh đế*.

* **Theo chiều nghịch:** "*Thập nhị nhân diệt*", để trí tuệ thấy rõ, biết rõ "*sự diệt*" của mỗi chi pháp, chứng ngộ *Diệt thánh đế* và *Đạo thánh đế*.

Ngài chứng ngộ chân lý *Tứ Thánh đế*, chứng đắc 4 *Thánh Đạo*, 4 *Thánh Quả* và *Niết Bàn*, diệt đoạn tuyệt hoàn toàn phiền não trầm luân (*àsavakilesa*); đồng thời diệt đoạn tuyệt vô minh, tham ái, mọi ác pháp không còn dư sót; và đặc biệt nhất là diệt được mọi **tiền khiên tật** [*], là tật xấu của thân và khẩu, đã trở thành thói quen từ nhiều đời nhiều kiếp ở quá khứ không còn dư sót. Cho nên, đối với Đức Phật về thân và khẩu hoàn toàn không có chỗ nào chê trách được.

[*] *Đối với bậc Thánh Thanh Văn có khả năng diệt đoạn tuyệt phiền não nhưng không có khả năng diệt được tiền khiên tật như Đức Phật.*

Trí tuệ quán xét thấy rõ, biết rõ đã hoàn toàn giải thoát khổ, bằng Arahán Thánh Quả, kiếp này là kiếp chót, không còn tái sanh kiếp nào nữa.

Như vậy, Đức Bồ Tát là bậc tự mình chứng ngộ chân lý *Tứ Thánh đế*, chứng đắc 4 *Thánh Đạo*, 4 *Thánh*

Quả trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trong mười ngàn thế giới chúng sinh. Cho nên, Ngài có danh hiệu là "**Sammāsambuddha**": Chánh Đẳng Giác tại cội cây Assattha. Do đó, cây Assattha này gọi là Bodhirukkha (Cây Bồ Đề) đối với Đức Phật Gotama.

Lậu Tận Minh là minh thứ ba mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào canh chót của đêm rằm tháng tư âm lịch.

Mười ngàn thế giới chư thiên, chư Phạm thiên vô cùng hoan hỷ thốt lên lời:

Sàdhu! Sàdhu! Lành thay! Lành thay!

Buddho uppanno! Đức Phật xuất hiện trên thế gian rồi!

Dhammo uppanno! Đức Pháp xuất hiện trên thế gian rồi!

Samgho uppanno! Đức Tăng sẽ xuất hiện trên thế gian.

Tiếng hoan hô vang dội khắp cả mười ngàn thế giới chúng sinh, chư thiên, chư Phạm thiên cúng dường Đức Phật bằng những thiên hoa xinh đẹp, thiên hương thơm ngát, thiên nhạc du dương ca tụng ân Đức Phật bằng hàng ngàn bài kệ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tự thuyết ở trong tâm bằng hai bài kệ:

**153- Anekajàtisamsàram,
Sandhàvissam anibbisam.
Gahakàram gavesanto,
Dukkhajàti punappunam.**

**154- Gahakàraka! dittho'si,
Puna geham na kàhasi.
Sabbà te phàsukà bhaggà,
Gahakùtam visankhatam.
Visankhàtam gatam cittam,
Tanhànam khayamajjhagà.**

Nghĩa:

153- "Này người thợ "tham ái" xây nhà,
Như Lai tìm người chưa gặp,
Nên phải tử sanh luân hồi vô số kiếp,
Sự tái sanh mãi mãi trong tam giới là khổ.

154- Này tham ái, người thợ xây nhà!
Bây giờ Như Lai đã gặp người rồi.
Từ nay người không còn xây nhà cho Như Lai được nữa.

*Tất cả sườn nhà "1500" phiền não của người,
Như Lai đã huỷ diệt sạch rồi.
Đỉnh nhà "vô minh" Như Lai cũng đã tiêu diệt rồi,
Tâm Như Lai đã chứng ngộ Niết Bàn, pháp diệt khổ.
Như Lai đã đoạn tuyệt 108 loại tham ái rồi".*

(Dhammapadagàthà số 153, 154.)

Hai bài kệ cảm ứng tự thuyết ở trong tâm là Phật ngôn đầu tiên của Đức Phật.

-ooOoo-

Giải thích từ ngữ:

* **Màra:** sự cản trở, tiêu diệt mọi thiện pháp, âm là Ma.

Màra, có 5 loại gọi là ngũ ma.

1- Devaputtamàra: Ác Ma Thiên, là vua trời ở cõi trời Đục giới thứ sáu, "Tha hoá tự tại thiên", có nhiều quyền lực, có ác tâm muốn tất cả chúng sinh đều ở trong quyền lực của y, nên không muốn ai thoát khỏi ba giới bốn loài.

Đức Bồ Tát đã toàn thắng Ác Ma Thiên tại cõi Bồ Đề, chiều ngày rằm tháng tư âm lịch.

2- Kilesamàra: *Phiền não ma*, phiền não có mười loại: tham, sân, si, tà kiến, ngã mạn, hoài nghi, phóng tâm, buồn ngủ, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi, nếu kể đầy đủ có 1500 loại phiền não. Tất cả mọi phiền não đều phát sanh ở bất thiện tâm.

Đức Bồ Tát đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi phiền não cùng tiền khiên tất bằng 4 Thánh Đạo Tuệ tại cõi cây Bồ Đề vào canh chót đêm rằm tháng tư âm lịch.

3- Abhisankhàramàra: *Nghiệp chướng ma*: gồm tất cả mọi ác nghiệp và thiện nghiệp cho quả tái sanh trong ba giới bốn loài.

Đức Bồ Tát đã chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, sau khi trở thành bậc Thánh Arahán tại cõi Bồ Đề, thì mọi tác ý (*cetanà*) không thành nghiệp nữa, chỉ là duy tác tâm mà thôi, không cho quả tái sanh.

4- Khandhamàra: *Ngũ uẩn ma:* là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn tại rừng Kusinàrà, nghĩa là Ngũ Uẩn Niết Bàn cũng diệt chính tại nơi ấy.

5- Maccumàra: *Tử thần ma:* là sự cắt đứt dòng sanh mạng của mỗi kiếp chúng sinh. Đức Phật đã diệt đoạn tuyệt tử thần ma lần cuối cùng tại khu rừng Kusinàrà, Ngài tròn 80 tuổi.

*** Pháp hạnh ba la mật có 10.**

Bồ thí ba la mật, Giữ giới ba la mật, Xuất gia ba la mật, Trí tuệ ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nại ba la mật, Chân thật ba la mật, Chí nguyện ba la mật, Tâm từ ba la mật, Tâm xả ba la mật.

Mười pháp hạnh ba la mật bậc thường: liên quan phần bên ngoài như của cải, tài sản, ngôi báu, vợ con....

Mười pháp hạnh ba la mật bậc trung: liên quan đến các bộ phận bên trong thân thể như mắt,

Mười pháp ba la mật hạnh bậc thượng: liên quan đến sanh mạng....

Bậc Chánh Đăng Giác Bồ Tát (*Sammàsambodhisatta*) cần phải tạo đầy đủ 30 pháp hạnh ba la mật để có thể trở thành bậc Chánh Đăng Giác Phật.

*** Năm đại thí:**

- Bồ thí của cải.
- Bồ thí ngôi vua.
- Bồ thí vợ con.
- Bồ thí bộ phận trong thân thể.
- Bồ thí sanh mạng.

*** Ba pháp hành:**

- Pháp hành đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.
- Pháp hành đem lại lợi ích cho bà con thân quyến.
- Pháp hành để chứng đắc thành bậc Chánh Đăng Giác.

SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ NHÌ

ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG DẠ XOA ÀLAVAKA

-ooOoo-

Đức Phật cảm thấy dạ xoa Àlavaka rất hung ác, hơn cả Ác Ma Thiên, nhờ pháp nhãn nại.

Dạ xoa **Àlavaka** thuộc bộ hạ của vua trời Kuvera (một trong Tứ đại thiên vương cai trị chúng dạ xoa ở về phương Bắc). Dạ xoa Àlavaka rất hung ác, tàn bạo, ăn thịt người, lại có nhiều phép màu cực kỳ nguy hiểm hơn cả Ác Ma Thiên.

Đức Phật cảm thấy dạ xoa Àlavaka trong trường hợp đặc biệt, dạ xoa Àlavaka chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu. Tóm lược bài **Kinh Àlavakasutta** (*Khuddakanikàya, Bộ Suttanipàta, kinh Àlavakasutta*) và Chú giải những sự kiện xảy ra trước khi Đức Phật thuyết bài kinh này:

-- Một hôm, Đức vua Àlavaka [*] trị vì tại xứ Àlavi dẫn quân vào rừng, để tiêu trừ bọn cướp cùng những kẻ thù nguy hiểm đang ẩn náu ở đây. Trên đường trở về kinh, Đức vua cho đoàn quân nghỉ chân rồi truyền lệnh:

- Tất cả chúng ta đều phải đi săn nai! Nhưng Trẫm ra lệnh hễ nai chạy về phía người nào thì người ấy phải có trách nhiệm bắt cho kỳ được, cả Trẫm cũng vậy.

[] Có ba nhân vật trùng tên:*

Àlavaka yakkha: Dạ xoa Àlavaka

Àlavaka ràjà: Đức vua Àlavaka trị vì xứ Àlavi.

Àlavaka kumàra: Thái tử Àlavaka con của Đức vua Àlavaka.

Cả đoàn quân rất thích thú mang cung tên, đao kiếm... kéo nhau vào rừng, chia ra mỗi người mỗi ngã. Đức vua cũng một mình mang kiếm đi một đường, chợt một con nai to lớn chạy ngang, Đức vua cố gắng hết sức rượt đuổi theo đến ba do tuần, nai kiệt sức bị bắt, còn Đức vua cũng mệt lả ghé lại gốc cây Đa rậm rạp có bóng mát ngồi nghỉ.

Tại cây Đa ấy, có lâu đài nguy nga lộng lẫy, là nơi thường trú ngụ của dạ xoa Àlavaka có nhiều oai lực; được Đức vua Kuvera cho phép: ***Buổi trưa, nửa ngày đứng giờ ngọ, hễ có ai đi vào trong bóng mát dưới gốc cây Đa này, thì dạ xoa được phép bắt để ăn thịt, còn ở ngoài ranh giới ấy thì dạ xoa không có quyền bắt ai ăn thịt.*** Vì vậy, khi thấy Đức vua ngồi nghỉ trưa dưới bóng mát cây Đa trong phạm vi cho phép, dạ xoa Àlavaka từ lâu đài (*lâu đài của dạ xoa phát sanh là do phước báu của chư thiên. Do đó, các hàng chư thiên có thiên nhãn mới nhìn thấy được. Đối với loài người, chỉ có hạng người đắc thiên nhãn thông mới có thể nhìn thấy, còn mắt thường không thể nhìn thấy*) hiện xuống định bắt Đức vua để ăn thịt.

Đức vua hoảng hốt khi thấy một hạng phi nhân hình thù khác lạ từ đâu xuất hiện, đòi bắt mình để ăn thịt.

- Người là ai? Từ đâu đến mà dám bắt ta để ăn thịt. - Đức vua hỏi.

- Ta là dạ xoa Àlavaka, nơi đây là lâu đài của ta, ngươi đã vào trong phạm vi và thời gian cho phép, vậy bắt ngươi để ăn thịt là hợp lệ.

Đức vua bừng tỉnh lại mới biết đây là dạ xoa ăn thịt người, bèn cam kết với dạ xoa rằng:

- Ta là vua trị vì xứ Àlavi này, ngươi hãy tha mạng sống cho ta, thì mỗi ngày ta sẽ nộp cho ngươi một mạng người để ăn thịt.

Dạ xoa nói:

- Nếu ta tha cho nhà ngươi, nhà ngươi không giữ lời cam kết thì ta có gì ăn để sống, bởi ta chỉ được phép ăn thịt người nào, đi vào bóng mát cây Đa lúc buổi trưa mà thôi. Vì vậy, ta không thể tha mạng cho nhà ngươi được.

Đức vua khấn khoản cam kết chắc chắn một lần nữa:

- Nếu ngày nào ta không nộp người cho ngươi để ăn thịt, thì ngày ấy ngươi hãy bắt ta mà ăn thịt. Dạ xoa Àlavaka chấp thuận buông tha, Đức vua mới hoàn hồn trở lại và quay về chỗ quan quân đang chờ.

Các quan quân đón rước khi nhìn thấy Đức vua bèn tâu rằng:

- Tâu bệ hạ, chúng thần thấy bệ hạ có vẻ không vui, chẳng hay có việc gì xảy ra khiến cho bệ hạ phải lo âu?

Đức vua thuật lại sự việc xảy ra với dạ xoa Àlavaka rồi cùng các quan quân trở lại kinh thành.

Đức vua truyền lệnh gọi viên quan cai ngục ở trong thành đến và cho biết rằng:

- Này khanh, trẫm đã cam kết với dạ xoa Àlavaka rằng, mỗi ngày đem nộp cho y một mạng người để y ăn thịt. Vậy khanh hãy bắt tử tù đem nộp cho y.

- Tâu bệ hạ, hạ thần xin vâng lệnh, hạ thần muốn biết thời gian hạn định bao lâu.

- Không, lời cam kết của trăm không có hạn định thời gian. - Đức vua trả lời.
- Tàu bệ hạ, không hạn định thời gian, dân chúng sẽ bị khổ sở. Nhưng bệ hạ hãy an tâm, để hạ thần lo liệu việc này.

NỘP NGƯỜI CHO DẠ XOA

Kể từ sáng hôm sau, mỗi ngày viên quan cai ngục bắt một tử tù trói chặt rồi truyền quân lính đem đến nộp cho dạ xoa ăn thịt. Qua một thời gian, nhóm người tử tù đã hết, đến lượt nhóm tù chung thân khổ sai, cho đến nhóm tù giam, cuối cùng trong ngục không còn một tù nhân nào cả. Vì dân chúng trong nước nghe tin Đức vua truyền lệnh đem nộp tù nhân cho dạ xoa Alavaka ăn thịt, cho nên không ai dám phạm pháp. Bấy giờ, tù nhân cũ không còn, tù nhân mới không có, viên quan cai ngục tâu việc này lên Đức vua.

Đức vua truyền triệu tập bá quan văn võ hỏi xem ai có mưu kế nào hay để giải quyết.

Một vị quan hiến kế:

- Tàu bệ hạ, nên cho lính rải vàng bạc ngoài đường phố rồi canh chừng, hễ ai tham lam nhặt lấy của ấy, luật triều đình sẽ bắt tội.

Đức vua chấp thuận. Cho đến lúc vàng bạc rải khắp mọi nơi mà chẳng có ai dám đụng đến.

Một vị quan cho ý kiến:

- Tàu bệ hạ, trong quốc độ ta có nhiều người già yếu, bệnh hoạn ốm đau, chẳng bao lâu họ cũng phải chết. Vậy, bệ hạ truyền bắt lần lượt họ mà nộp cho dạ xoa ăn thịt, có nên chăng?

Các vị quan khác phản đối, vì cho rằng con cháu rất thương yêu kính mến ông bà, cha mẹ. Nếu chúng ta bắt người già nộp cho dạ xoa ăn thịt, thì con cháu chắc chắn sẽ nổi loạn. Chính Đức vua cũng không chấp thuận ý kiến này.

Một vị quan khác tâu:

- Tàu bệ hạ, nên bắt những đứa trẻ còn nằm trong nôi, chúng còn nhỏ chưa biết gì.

Ý kiến này được Đức vua chấp thuận.

Thế là kể từ ngày ấy, Đức vua truyền lệnh bắt trẻ con đem nộp cho dạ xoa Àlavaka ăn thịt. Dân chúng biết tin này, những bà mẹ bỗng con của mình đi lánh nạn sang nước láng giềng và những bà mẹ mang thai cũng trốn ra khỏi nước để sanh con khôn lớn mới dám trở về.

Tình trạng bắt trẻ con đem nộp cho dạ xoa Àlavaka ăn thịt kéo dài suốt 12 năm, gây bao nhiêu cảnh đau thương tang tóc cho những bậc cha, mẹ. Một ngày kia, quân lính đã tìm khắp trong nước mà không còn thấy một đứa trẻ nào nữa, các quan tâu lên Đức vua:

- Tâu bệ hạ, trong nước cũng như trong kinh thành không còn một đứa trẻ nào ngoài Thái tử Àlavaka, con của bệ hạ.

Đức vua bảo rằng: ***"Thái tử là một đứa con yêu quý của trẫm, nhưng trẫm lại là người yêu quý nhất trên đời. Ngoài trẫm ra, chẳng còn ai đáng yêu quý hơn. Vậy các khanh hãy bắt Thái tử con của trẫm để đem nộp cho dạ xoa Àlavaka ăn thịt ngày mai"***.

Các cô thị nữ vừa mới tắm rửa cho Thái tử Àlavaka sạch sẽ, thoa bột thơm, xức hương hoa, thay y phục trang điểm đẹp đẽ xong, bỗng Thái tử đến trao cho Hoàng hậu. Hoàng hậu cảm thấy vô cùng hạnh phúc, bỗng hoàng nhi đặt lên bắp vế, nâng niu hôn đứa con yêu quý. Đúng lúc đó, nhóm quân lính theo lệnh của Đức vua bắt Thái tử để đem nộp cho dạ xoa ăn thịt ngày mai. Biết vậy, Hoàng hậu ngất xỉu, các cô thị nữ thương tiếc Thái tử nên khóc than kêu gào. Nhưng lệnh vua là lệnh trời, nào ai dám không tuân!

Ôi, ngày mai Thái tử Àlavakakumara sẽ trở thành vật thực của dạ xoa Àlavaka!

ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG DẠ XOA ÀLAVAKA

Ngày hôm ấy vào canh ba, lúc chưa hừng đông, Đức Thế Tôn nhập đại bi định ở Gandhakuti chùa Jetavana. Xả định, Ngài quán xét bằng Phật nhãn xem chúng sinh nào có duyên lành nên tế độ. Ngài nhìn thấy Thái tử Àlavakakumara có duyên lành, kiếp hiện tại này chắc chắn sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai (*Anàgàmi*) và dạ xoa Àlavakayakkha khi nghe giải đáp những câu hỏi xong cũng sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu (*Sotàpanna*), cùng với 84.000 chúng sinh chư thiên, Phạm thiên chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả tùy theo pháp hạnh ba la mật của mình.

Sáng hôm ấy, Đức Phật đi khát thực như mọi ngày. Sau khi độ ngọc xong, Ngài chỉ một mình từ xứ Sàvatthi ngự đến xứ Àlavi cách xa ba do tuần,

đến lâu đài của dạ xoa Àlavaka rất nguy nga tráng lệ ở tại cây Đa vào lúc chiều tối.

Lâu đài của chư thiên ở sáu cõi trời Đục giới được thành tựu do quả báu của phước thiện, lâu đài của dạ xoa Àlavaka thuộc cõi trời Tứ đại thiên vương cũng như vậy; thường chư thiên có sắc thân rất vi tế, mắt người không thể nhìn thấy được; chỉ khi nào chư thiên, dạ xoa biến hoá ra sắc thân thô, thì mắt thường của con người mới có thể nhìn thấy được.

Đức Phật ngự đến trước lâu đài của dạ xoa Àlavaka lúc hoàng hôn, dạ xoa Àlavaka chủ nhân của lâu đài đi vắng, y đã đi dự đại hội dạ xoa ở núi Himavanta, dạ xoa gác cửa tên là Gadrabha nhìn thấy Đức Phật, cung kính đánh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, trời đã chiều tối rồi, Đức Thế Tôn có việc gì mà đến đây vào lúc phi thời như vậy. Bạch Ngài?

- Nay Gadrabha, dĩ nhiên là Như Lai có việc, nếu con cảm thấy không có gì làm phiền phức, thì con có thể để cho Như Lai nghỉ nhờ một đêm ở lâu đài của dạ xoa Àlavaka này có được chăng?

Dạ xoa Gadrabha thành kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đối với con là người có đức tin trong sạch nơi Ngài, do đó, không có gì gọi là phiền phức cả. Nhưng Àlavaka, chủ của con không có đức tin nơi Tam bảo, y có tánh hung ác tàn bạo, cứng đầu, khó dạy, có tánh kiêu căng, ngã mạn, không biết cung kính những bậc đáng cung kính, thậm chí ngay chính cha mẹ của y, y cũng không kính trọng thì nói gì đến Sa môn và Bà la môn khác. Vì vậy, con kính xin Đức Thế Tôn không nên nghỉ lại ở lâu đài này.

Lần thứ nhì, Đức Phật dạy:

- Nay Gadrabha, Như Lai đã biết rõ dạ xoa Àlavaka có tánh hung ác, tàn bạo... nhưng chắc chắn sẽ không hại đến Như Lai đâu. Nếu con cảm thấy không có gì làm phiền phức, thì con có thể để cho Như Lai nghỉ nhờ một đêm ở đây để cảm hoá dạ xoa Àlavaka có được không?

Dạ xoa Gadrabha còn có chút lo ngại, nên cung kính bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Àlavaka rất hung ác, tàn nhẫn, thường nóng giận kinh khủng, đã có các Sa môn, Bà la môn đến nơi này làm cho y không hài lòng, y đều móc trái tim của họ, cầm đôi chân ném xuống đại dương. Vì vậy, con kính xin Đức Thế Tôn không nên nghỉ lại ở lâu đài này.

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn dạy:

- Nay Gadrabha, Như Lai cũng đã biết rõ dạ xoa Àlavaka là như vậy, nhưng Dạ xoa Àlavaka chắc chắn chẳng bao giờ làm hại được Như Lai đâu! Nếu con cảm thấy không có gì làm phiền phức, thì con có thể để cho Như Lai nghỉ nhờ một đêm ở lâu đài dạ xoa Àlavaka này có được không?

Dạ xoa Gadrabha an tâm, chắc chắn dạ xoa Àlavaka không thể nào làm hại Đức Thế Tôn, còn về phần mình thì lo không toàn sanh mạng nên bạch Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, như vậy, để con đi trình báo ngay cho Àlavaka hay tin có Đức Thế Tôn đến nghỉ ở lâu đài, nếu con không trình báo cho y biết, y sẽ giết chết con ngay.

Đức Phật dạy:

- Nay Gadrabha, vậy con hãy nên đi trình báo cho Àlavaka biết ngay !

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con kính thỉnh Đức Thế Tôn ngự vào lâu đài.

Dạ xoa Gadrabha đánh lễ Đức Thế Tôn xong, xin phép lên đường bay thẳng đến núi Himavanta, để trình báo với dạ xoa Àlavaka về việc Đức Thế Tôn đang ngự ở lâu đài của y.

Đức Thế Tôn đi vào lâu đài, ngự trên bảo toà cao quý bằng thiên báu của dạ xoa Àlavaka, Ngài phát ra hào quang sáng ngời hơn hẳn các hào quang của chư thiên, Phạm thiên có oai lực bậc nhất cũng không sánh được. Các nữ dạ xoa tỳ thiếp của dạ xoa Àlavaka nhìn thấy Đức Phật, bảo nhau đến đánh lễ Ngài xong, họ ngồi một bên lắng nghe Đức Phật thuyết pháp.

Đức Thế Tôn khuyên dạy các hàng nữ dạ xoa:

- Nay các con, các con đang hưởng sự an lạc như thế này là do nhờ kiếp trước đã từng làm phước bố thí, giữ giới, biết cung kính lễ bái cúng dường những bậc đáng tôn kính. Nay kiếp hiện tại này cũng nên tạo mọi phước thiện, các con chớ nên có tâm ganh tỵ, bòn sẻn với mình và người khác, các con phải nên có sự hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi....

Các nữ dạ xoa lắng nghe lời dạy của Đức Phật xong vô cùng hoan hỷ. Lúc ấy có hai dạ xoa Sàtāgira và Hemavata, là những dạ xoa có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, chúng rủ nhau cùng đến hầu Đức Thế Tôn tại chùa Jetavana, rồi mới đi dự đại hội tại núi Himavanta. Lúc đang vân hành trên không, khi gần đến lâu đài của dạ xoa Àlavaka, cả hai đều bị rơi xuống đất. Ngạc nhiên, chúng tìm hiểu nguyên nhân, liền biết ngay có Đức Thế

Tôn đang ngự tại lâu đài của dạ xoa Àlavaka. Bởi vì, nơi nào có Đức Phật đang ngự, nơi ấy không có một chư thiên, Phạm thiên, Sa môn, Bà la môn... nào có thể bay ngang qua được.

Hai dạ xoa hoan hỷ đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, lắng nghe lời khuyên dạy xong, chúng xin phép Ngài đi dự đại hội dạ xoa tại núi Himavanta.

Đến Himavanta, giữa hàng ngàn dạ xoa từ mọi nơi tụ hội, cả hai thấy dạ xoa Àlavaka đang giận dữ la mắng dạ xoa Gadrabha là đã tự ý cho khách lạ đến lâu đài của y, dạ xoa Gadrabha sợ run không nói một lời nào.

Hai Dạ xoa Sàtägina và Hemavata đến gặp dạ xoa Àlavaka nói rằng:

- Nay Àlavaka, thật là đại phước cho người có Đức Thế Tôn đang ngự tại lâu đài của người, người nên mau về hầu Ngài.

Dạ xoa Àlavaka đã tức giận lại càng thêm giận hơn, quát lớn lên.

- Đức Thế Tôn ấy là ai, lại cả gan dám đến lâu đài, ngự trên bảo tọa của ta chứ.

- Nay Àlavaka, Đức Thế Tôn là vị Tôn Sư của chúng ta, người không biết thật hay sao?

Dạ xoa Àlavaka biết rõ về Đức Thế Tôn nhưng vì quá giận dữ nên trả lời:

- Ta không biết, ta không thấy.

- Nay Àlavaka, dầu người giả bộ không biết, không thấy, Đức Thế Tôn vẫn là bậc Tối thượng trong tam giới, là bậc Thầy của chư thiên, Phạm thiên và nhân loại. Còn người chỉ là dạ xoa kiêu căng, ngã mạn, cứng đầu khó dạy, thần lực của người so với Đức Thế Tôn cũng như con bê mới sanh, so với bò chúa; cũng như voi con mới sanh, đọ sức với voi chúa; cũng như con chó rừng dợ dấy, dám tranh tài với sư tử chúa; cũng như con quạ gãy cánh, muốn đối đầu với điều vương Garuda....

Nghe lời mạt sát của hai dạ xoa kia, dạ xoa Àlavaka vô cùng tức giận đến điên cuồng, liền đứng phắt dậy, chân trái đạp tảng đá manosila, chân phải đạp đỉnh núi cao 60 do tuần, ngẩng mặt lên hét lớn:

- Ta là Àlavaka! Các người hãy coi, vị Tôn Sư của các người có nhiều oai lực hay ta có nhiều oai lực hơn?

Tiếng hét vang rền khắp Nam thiên bộ châu.

DẠ XOA ÀLAVAKA DỪNG PHÉP MÀU

Dạ xoa Àlavaka lập tức bay về lâu đài của mình, nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngự trên bảo tọa quý báu của y, tức giận quá đỗi, y hoá một **trận cuồng phong** dữ dội từ bốn phương thổi tới, trận cuồng phong này còn mạnh hơn gấp bội lần trận cuồng phong của Ác Ma Thiên, có thể phá hủy dãy núi dài và cao hàng do tuần.

Đức Phật nguyện rằng: "*Trận cuồng phong này không làm thiệt hại đến sanh mạng và vật nào cả*".

Quả thật, trận cuồng phong dữ dội kia bị vô hiệu hoá ngay tức khắc, không còn một làn gió nhẹ nào có thể làm lay động chéo y của Đức Phật.

Dạ xoa Àlavaka xiết bao kinh ngạc, sao mà Sa môn Gotama vẫn bình an vô sự như không có chuyện gì xảy đến. Y giận dữ hơn liền hoá **trận mưa lớn** trở thành bão lũ làm cho núi lở, đất trôi; nhưng đối với Đức Phật cũng đều vô hiệu ngay tức khắc, trận mưa lớn kia không còn một hạt sương đủ làm thấm chéo y của Ngài.

Dạ xoa Àlavaka liền hoá ra **trận mưa đá**, từng tảng đá nóng như than hồng cháy đỏ từ hư không rơi xuống; nhưng những tảng đá kia đến gần Đức Phật đã biến thành những đoá hoa trời xinh đẹp vô cùng.

Dạ xoa Àlavaka liền hoá ra trận **mưa các loại vũ khí** sắc bén từ hư không rơi xuống; nhưng các loại vũ khí kia đến gần Đức Phật biến thành các loại hoa trời muôn màu, muôn sắc.

Dạ xoa Àlavaka liền hoá ra **trận mưa lửa**, những cục than cháy đỏ từ hư không ào ào rơi xuống; nhưng những cục than cháy đỏ kia đến gần Đức Phật liền biến thành những đoá hoa trời sắc màu xinh đẹp rơi xuống.

Dạ xoa Àlavaka liền hoá ra **trận mưa tro** cực nóng rơi xuống; nhưng mưa tro nóng kia rơi đến gần Đức Phật đã biến thành bột trầm thơm ngát.

Dạ xoa Àlavaka liền hoá ra **trận mưa cát mịn** cực nóng rơi xuống; nhưng mưa cát mịn kia đến gần Đức Phật đã trở thành bột trầm toả khắp chung quanh Ngài.

Dạ xoa Àlavaka liền hoá ra **trận mưa bùn** nóng cực độ, nhưng mưa bùn nóng kia đến gần Đức Phật đã trở thành vật thoa mát dịu rơi xuống.

Dạ xoa Àlavaka đã hoá ra tám loại vũ khí cực kỳ nguy hại đến sanh mạng, nhưng tất cả đều vô hiệu hoá, không sát hại được Đức Phật mà cũng không xua đuổi được Đức Phật ra khỏi lâu đài của y.

Cuối cùng, dạ xoa Àlavaka làm cho **không gian tối đen** như mực với hy vọng Đức Thế Tôn sẽ kinh sợ mà rời đi ra khỏi lâu đài; nhưng màn tối tăm mù mịt kia chợt tan biến ngay, khi chạm phải ánh sáng hào quang của Đức Phật.

Thế là các loại phép màu của dạ xoa Àlavaka hoàn toàn bất lực, không thể nào làm cho Đức Thế Tôn rời khỏi lâu đài. Vậy mà dạ xoa Àlavaka vẫn cứng đầu ngoan cố, chưa chịu khuất phục, y còn điên cuồng huy động quân lính thuộc hạ, mỗi tên một loại vũ khí, y hét lớn.

- Các người hãy bắt Sa môn Gotama! Hãy giết Sa môn Gotama!

Mặc dù dạ xoa Àlavaka hét lớn đến đâu đi nữa, toàn bộ quân lính của y cũng không thể nào tiến lại gần Đức Phật được, nhưng lùi ra ngoài thì chúng lại sợ oai lực của y. Tình trạng này kéo dài đến quá nửa đêm, mà vẫn không làm sao lay chuyển được Đức Phật, Ngài vẫn an nhiên tự tại ngự trên bảo toà cao quý ấy.

VŨ KHÍ DUSSÀVUDHA

Cuối cùng, không còn cách nào khác, dạ xoa Àlavaka bèn lấy ra một vũ khí cực kỳ lợi hại, có tên là "**Dussàvudha**". Vũ khí này, nếu ném lên hư không thì suốt 17 năm liền chẳng hề có một giọt mưa nào rơi xuống. Nếu ném xuống mặt đất, các loại cỏ cây sẽ chết khô và suốt 12 năm liền chẳng có giống thảo mộc nào mọc lên nổi. Nếu ném xuống đại dương, biển sẽ khô không còn một giọt nước. Nếu ném vào núi Sineru núi sẽ bể ra từng mảnh vụn.

Khi ấy, toàn thể chư thiên, chư Phạm thiên mười ngàn thế giới hội lại đều nghĩ rằng: "*Hôm nay, Đức Thế Tôn sẽ cảm thắng dạ xoa Àlavaka. Chúng ta sẽ được chứng kiến sự thất bại thảm hại của y, rồi chúng ta sẽ được nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp*".

Lúc ấy, dạ xoa Àlavaka bùng bùng tức giận, ném vũ khí Dussàvudha về phía Đức Thế Tôn, phát ra tiếng nổ gầm vang rền, làm rung chuyển cả không gian, nhưng khi đến gần Đức Phật, vũ khí Dussàvudha biến thành mảnh vải lau chân vuông vắn rơi xuống phía dưới bàn chân của Ngài.

Thấy sự việc lạ thường chưa từng có, dạ xoa Àlavaka đứng ngây như pho tượng, ngơ ngác như kẻ mất hồn, bao nhiêu tánh tự cao ngã mạn hồng hách bấy lâu nay của y chợt tiêu tan trong khoảnh khắc.

Dạ xoa Àlavaka cảm thấy mình không còn một chút oai lực nào nữa, ví như bò chúa bị gãy đôi sừng, rắn độc bị nhổ hết răng. Y thấy mình hoàn toàn bất lực, hoàn toàn thất bại. Lúc ấy, dạ xoa Àlavaka suy nghĩ rằng:

"Vũ khí Dussāvudha cực kỳ lợi hại kia tại sao có thể biến thành mảnh vải lau chân được? Ôi! có lẽ Sa môn Gotama này có từ bi và đức nhẫn nại là vũ khí bảo vệ, chống đỡ mọi thứ vũ khí cực kỳ nguy hiểm khác. Vậy thì ta nên chọc tức cho Sa môn Gotama phát sân, không còn tâm từ và nhẫn nại nữa".

Nghĩ thế xong, dạ xoa Àlavaka đổi chiến thuật mới, cất giọng nhã nhặn mà thưa rằng:

- Thưa Sa môn Gotama, tôi chưa thỉnh Sa môn đến lâu đài của tôi. Tôi cũng chưa mời Sa môn ngự trên bảo tọa của tôi. Thế mà, Sa môn đã ngự trên bảo tọa này một cách an nhiên tự tại, lại còn có các tỳ thiếp của tôi ngồi xung quanh, mà Sa môn là bậc phạm hạnh cao thượng, như vậy có nên hay không? Thưa Sa môn. Tôi là chủ nhân, xin mời Sa môn rời khỏi lâu đài.

Đức Phật nhẹ nhàng đứng dậy đi ra khỏi lâu đài theo lời của dạ xoa Àlavaka, vì Ngài biết rằng dạ xoa này rất hung dữ, cứng đầu khó dạy, không thể dùng thần thông hoặc trí tuệ mà tể độ, khi y đang còn sân hận. Vậy chỉ có thể dùng đến phương tiện **pháp rải tâm từ** và **pháp nhẫn nại** để xoa dịu bớt tâm sân hận của y, sau đó mới có thể tể độ y được.

Thật vậy, dạ xoa Àlavaka tâm bớt sân hận và thoáng nghĩ: *"Sa môn Gotama dễ bảo thật vậy hay sao? Sao mà ta đã mất biết bao công sức, bao nhiêu phép mầu kể cả vũ khí Dussāvudha nữa, ta đã khổ công vất vả hơn nửa đêm nay đều không hiệu quả, không bằng dùng lời lẽ ôn hoà. Có phải chỉ dùng lời lẽ ôn hoà mà chiến thắng dễ dàng như vậy sao? Hay vì Sa môn Gotama này tức giận ta mà bỏ đi chẳng? Vậy thì ta hãy chọc giận Sa môn này, phải thử lại một lần nữa".*

Dạ xoa Àlavaka bèn gọi lại:

- Nay Sa môn Gotama, xin mời đi vào!

Đức Thế Tôn dùng phạm âm đáp lại giọng ngọt ngào **"Sàdhu! Lành thay!"** rồi ngự vào chỗ bảo tọa.

Dạ xoa muốn chọc tức, nên khi Đức Phật vừa ngồi trên bảo tọa liền mời Ngài.

- Nay Sa môn Gotama, xin mời đi ra!

Đức Thế Tôn nhẹ nhàng bước ra khỏi cửa, y liền mời Đức Thế Tôn đi vào.

Đức Thế Tôn đi ra rồi đi vào cả ba lần theo ý muốn của y. Lúc này, tâm trạng của dạ xoa Àlavaka không còn hung ác, cang cường như ban đầu nữa, nhưng y vẫn còn tánh tự phụ, tự đề cao *"ta là kẻ vô địch"*, nên y nghĩ: *"Ta sẽ ra lệnh cho Sa môn Gotama này đi ra đi vào cho đến mệt, lúc ấy ta sẽ nắm đôi chân của Sa môn Gotama ném xuống dòng sông Gangà"*, rồi y liền ra lệnh cho Đức Phật.

- Nay Sa môn Gotama, xin mời đi ra!

Đức Thế Tôn biết được ác tâm của dạ xoa Àlavaka và cũng thấy đã đến lúc, hợp thời có thể cảm hoá y, nên Ngài vẫn an nhiên tự tại ngự trên bảo tọa của y và truyền dạy rằng:

- Nay Àlavaka, Như Lai đã đi ra, đi vào đến ba lần theo ý muốn của người rồi. Bây giờ, Như Lai không đi ra nữa, người muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi?

Sở dĩ Đức Phật nói như vậy, là vì Ngài biết rõ dạ xoa Àlavaka sẽ hỏi 8 câu hỏi mà y đã ghi lại trên tấm biển bằng vàng cất kỹ trong lâu đài. Tám câu hỏi này, Dạ xoa Àlavaka đã từng đem ra hỏi các vị đạo sĩ có thần thông bay đến lâu đài của y, nhưng không một vị nào có thể giải đáp được.

Nguồn gốc của 8 câu hỏi này, vào thời kỳ Đức Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian, cha mẹ của dạ xoa Àlavaka có duyên lành đến hầu Ngài và được nghe 8 câu hỏi cùng 8 câu trả lời. Àlavaka được cha mẹ dạy lại, về sau, cha mẹ của Àlavaka qua đời, trải qua thời gian quá lâu, Àlavaka chỉ còn nhớ 8 câu hỏi, mà quên mất 8 câu trả lời. Bởi vì 8 câu trả lời thuộc về trí tuệ của Đức Phật, cho nên không một ai có thể trả lời cho đúng được.

Dạ xoa Àlavaka nghe Phật dạy: *"... người muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi"*. Y nghĩ đây là một cơ hội tốt cho mình, y bèn đặt điều kiện với Đức Phật:

- Nay Sa môn Gotama, tôi sẽ hỏi những câu hỏi. Nếu Sa môn không trả lời cho đúng được, thì tôi sẽ móc trái tim của Sa môn ném nơi khác, hoặc nắm đôi chân của Sa môn ném xuống dòng sông Gangà.

Đức Phật từ bi dạy rằng:

- Nay Àlavaka, người nên biết rằng Như Lai chưa từng thấy Sa môn, Bà la môn, chư thiên, Ma vương hoặc Phạm thiên nào, hay bất cứ một ai có thể móc trái tim của Như Lai ném đi nơi khác, hoặc nắm đôi chân của Như Lai ném xuống dòng sông Gangà; còn người muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi, Như Lai sẽ trả lời rành rẽ cho người nghe.

TÁM CÂU HỎI

Dạ xoa Àlavaka vào lấy tám biển vàng có ghi 8 câu hỏi ra liền hỏi Đức Phật rằng:

- Nay Sa môn Gotama,

1- *Pháp nào là của cái hài lòng, cao quý nhất của chúng sinh trong đời?*

2- *Pháp nào khi chúng sinh đã thực hành rồi, sẽ cho quả an lạc?*

3- *Vị nào là vị cao thượng hơn các vị khác?*

4- *Chư bậc Thiện trí nói: chúng sinh sống như thế nào mới được gọi là sống cao thượng nhất?*

Bằng giọng phạm âm ngọt ngào, với tâm từ vô lượng, tuần tự Đức Phật trả lời:

- Nay Àlavaka,

1- **Đức tin** là của cái hài lòng, cao quý nhất của chúng sinh trong đời.

2- **Thiện pháp** khi chúng sinh đã thực hành rồi, sẽ cho quả an lạc.

3- **Pháp chân thật** là vị cao thượng hơn các vị khác.

4- Chư bậc Thiện trí nói rằng: "chúng sinh sống bằng **Trí tuệ** mới được gọi là đời sống cao thượng nhất".

Đức Phật đã trả lời 4 câu hỏi giống như Đức Phật Kassapa ở quá khứ đã trả lời, mà cha mẹ của dạ xoa Àlavaka đã từng dạy y như vậy. Dạ xoa Àlavaka lắng nghe Đức Phật giải đáp đúng như những câu hỏi, mà thời gian trải qua quá lâu đã chìm sâu vào trong tâm thức, y không thể nào nhớ lại được. Nay y được nghe Đức Phật trả lời đúng theo câu hỏi, nhắc cho y hồi tưởng lại được, nên y vô cùng hoan hỷ, phát sanh hỷ lạc lạ thường, phát sanh đức tin trong sạch, lòng tôn kính nơi Đức Phật, đồng thời diệt tâm sân hận ngay, bèn đổi cách xưng hô.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Ngài mở lòng từ bi đối với con, giải đáp cho con 4 câu hỏi nữa.

5- *Bằng pháp nào, chúng sinh có thể vượt qua bốn vùng nước xoáy?*

6- *Bằng pháp nào, chúng sinh có thể vượt qua biển khổ tử sanh luân hồi?*

7- *Bằng pháp nào, chúng sinh có thể giải thoát khổ tử sanh luân hồi?*

8- Bằng pháp nào, chúng sinh mới trở nên hoàn toàn trong sạch?

Đức Phật giải đáp:

- Nay *Àlavaka*, con hãy lắng nghe:

5- Nhờ **Đức tin** chúng sinh vượt qua bốn vùng nước xoáy.

6- Nhờ **Tâm không để duôi**, có **Chánh niệm** chúng sinh vượt qua biển khổ tử sanh luân hồi.

7- Nhờ **Tâm tinh tấn** chúng sinh giải thoát khổ tử sanh luân hồi.

8- Nhờ **Trí tuệ** chúng sinh mới trở nên hoàn toàn trong sạch.

Đức Phật trả lời 4 câu hỏi giống như Đức Phật Kassapa ở quá khứ.

Lắng nghe xong 4 câu giải đáp của Đức Phật, dạ xoa *Àlavaka* hiểu được ý nghĩa sâu xa, vì diệu trong tám câu hỏi gia bảo của cha mẹ truyền lại.

Dạ xoa *Àlavaka* đã lắng nghe hiểu rõ, mới thực hành theo liền chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành **bậc Thánh Nhập Lưu** (*Sotàpanna*) đã diệt đoạn tuyệt được **tâm tà kiến** và **hoài nghi** không còn dư sót, còn **tâm sân** chưa diệt được, song tâm sân không đến nỗi làm điều tội lỗi, phạm giới sát sanh.... Bởi bậc Thánh Nhập Lưu có giới đức hoàn toàn trong sạch, luôn luôn có tâm hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi, có đức tin hoàn toàn trong sạch và vững chắc nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Dạ xoa *Àlavaka* hết lòng tôn kính Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, vô cùng cảm kích trước tâm đại bi của Đức Phật mà bạch rằng:

- "**Kính bạch Đức Thế Tôn, con kính xin Đức Thế Tôn tha thứ những lỗi lầm lớn lao của con. Ngài đến đây với tâm đại bi tế độ con, nhờ tâm từ và đức nhẫn nại của Ngài đã cảm hoá con cải ác tùng thiện, cải tà quy chánh. Con hết lòng thành kính xin quy y nơi Đức Thế Tôn, Đức Pháp và Đức Tăng. Kính xin Đức Thế Tôn nhận biết cho con là cận sự nam đã quy y Tam bảo kể từ hôm nay cho đến trọn đời.**"

Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Ngài từ bi giải đáp những câu hỏi khác nữa để cho con học hành, hầu mong đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài cho con.

Đức Thế Tôn dạy:

- Sàdhu! Lành thay! Con hãy hỏi những điều con thắc mắc.

Kính bạch Đức Thế Tôn:

- 1- Người có được **trí tuệ** bằng pháp nào?
- 2- Người tìm có được **của cải** bằng cách nào?
- 3- Người có được **danh thơm tiếng tốt** nhờ pháp nào?
- 4- Người muốn được **kết bạn thân thiết** với người khác bằng pháp nào?
- 5- Người từ bỏ kiếp này, đi tái sanh **kiếp sau được an lạc**, phải thực hành pháp nào ?

Đức Phật giải đáp:

- Nay Ālavaka, con hãy lắng nghe:

- 1- Người có đức tin trong sạch nơi chánh pháp của bậc Thánh Arahán, nhờ **biết lắng nghe** một cách cung kính, sẽ có được trí tuệ.
- 2- Người có **nghề nghiệp chân chánh, tinh tấn, cố gắng, chuyên cần** làm việc sẽ có được của cải.
- 3- Người có danh thơm tiếng tốt nhờ **đức tính chân thật**.
- 4- Người muốn kết bạn thân thiết với người khác nhờ **pháp bố thí**.
- 5- Người nào thường thực hành những pháp như: **chân thật, trí tuệ, tinh tấn, bố thí**, người ấy sau khi từ bỏ kiếp này, đi tái sanh ở kiếp vị lai được an lạc.

Nay Ālavaka:

- Không có pháp nào để phát sanh trí tuệ bằng **sự lắng nghe** chánh pháp của bậc Thiện trí.
- Không có pháp nào phát sanh của cải ngoài **sự tinh tấn, cố gắng chuyên cần** trong công việc làm ăn chân chánh.
- Không có pháp nào tạo nên danh thơm tiếng tốt bằng **pháp chân thật**.
- Không có pháp nào để kết bạn thân thiết với người khác bằng **pháp bố thí** những vật đáng hài lòng.
- Không có pháp nào để đem lại sự an lạc ở kiếp vị lai bằng những pháp như: **pháp chân thật, trí tuệ, tinh tấn, bố thí**.

Dạ xoa Àlavaka bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con đã hiểu biết rõ sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc trong kiếp hiện tại lẫn kiếp vị lai. Ngài có tâm đại bi ngự đến xứ Àlavi ở trong lâu đài của con, chính vì sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài của con.

Người nào có duyên lành, có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, lắng nghe chánh pháp của Ngài, người ấy sẽ được thiện pháp trong tam giới và thiện pháp Siêu tam giới.

NỘP THÁI TỬ ÀLAVAKAKUMÀRA

Sáng hôm ấy, chư thiên ở khu rừng vô cùng hoan hỷ nói lên lời **Sàdhu! Lành thay!** thì một toán quan quân triều đình khiêng chiếc kiệu vàng mang Thái tử Àlavakakumàra đến nộp cho dạ xoa Àlavaka ăn thịt theo lệ thường ngày. Khi họ vừa đến gốc cây Da to, họ nghe tiếng **Sàdhu! Lành thay!** vang dội cả không gian.

Khi quan quân đến gần, nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi trên bảo tọa, còn dạ xoa Àlavaka đang đứng một bên hầu Ngài, từ kim thân của Phật toả ra hào quang sáng ngời, họ đến hầu đánh lễ Đức Phật xong, rồi thưa với dạ xoa Àlavaka:

- *Này dạ xoa Àlavaka, Đức vua của chúng tôi truyền đem Thái tử Àlavakakumàra nộp cho ngươi.*

Dạ xoa Àlavaka trước kia là dạ xoa hung ác, lấy thịt người làm vật thực. Nhưng bây giờ, đã được Đức Phật cảm hóa rồi, dạ xoa Àlavaka đã trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, có giới đức hoàn toàn trong sạch, luôn luôn có tâm hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi; nên khi nghe các quan thưa như vậy, tâm vô cùng hổ thẹn, Àlavaka cung kính khom mình đưa hai tay đón nhận Thái tử, rồi quỳ xuống dưới chân Đức Phật mà bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, Thái tử Àlavakakumàra này, các quan đem đến hiến dâng cho con; con kính dâng Ngài Thái tử này. Kính xin Ngài với tâm đại bi tế độ Thái tử.*

Lúc ấy, dạ xoa Àlavaka cảm kích đọc bài kệ:

*"Con hoan hỷ với thiện tâm trong sạch,
Dâng Ngài Thái tử A-LA-VA-KA,
Là đứa bé có phước thiện lớn lao,
Thân hình đầy đủ, tướng mạo tốt đẹp,*

*Xin Ngài từ bi tế độ Thái tử,
Vì lợi ích, an lạc cho muôn loài".*

Đức Phật thọ nhận Thái tử từ tay của dạ xoa Àlavaka, rồi Ngài cho cả hai đều quy y Tam bảo. Ngài phúc chúc:

***Xin cho Thái tử Àlavakakumàra được an lạc sống lâu!
Àlavaka, con cũng được an lạc, sống lâu!
Chúc các con được sự lợi ích, sự tiến hoá cho mình và cho tất cả chúng sinh.***

Đức Phật trao Thái tử Àlavakakumàra cho các quan và dạy rằng:

- Nay các con, các con hãy về tâu với Đức vua Àlavaka hãy nuôi nấng tử tế Thái tử Hatthaka Àlavakakumàra trưởng thành cho Như Lai.

Từ ấy, Thái tử Àlavakakumàra có tên là Hatthaka Àlavakakumàra. Bởi vì Thái tử được vị quan đỡ hai tay trao cho dạ xoa Àlavaka, Àlavaka lại đỡ hai tay kính dâng lên Đức Phật, rồi Đức Phật đỡ hai tay trao lại cho các quan (*từ hai tay này sang hai tay khác, nên gọi là hatthaka*).

Các quan quân của triều đình vô cùng cảm kích trước tâm đại bi tế độ của Đức Phật, hết lòng thành kính đánh lễ dưới chân Ngài, tán dương ca tụng oai lực của Ngài. Họ vô cùng hoan hỷ, đánh lễ Đức Thế Tôn, từ giã dạ xoa Àlavaka, rồi xin phép khiêng kiệu Thái tử Hatthaka Àlavakakumàra trở lại hoàng cung.

Trên đường trở về, dân chúng nhìn thấy khiêng kiệu Thái tử, trong lòng lo sợ bèn hỏi các quan:

- Có phải dạ xoa Àlavaka chê Thái tử nhỏ quá không chịu ăn thịt, chỉ muốn ăn thịt người lớn chăng?

Các quan nói trấn an dân chúng, rồi tường thuật lại rành rẽ những điều mắt thấy tai nghe cho mọi người an tâm. Từ thôn làng này, tin lan truyền nhanh qua thôn làng khác, ai ai cũng vui mừng đã thoát khỏi nạn tang tóc khổ đau. Toàn thể dân chúng hướng về phía lâu đài của dạ xoa Àlavaka, nơi có Đức Thế Tôn đang ngự cung kính lễ bái Ngài và nói lên lời ***Sàdhu! Sàdhu! Lành thay! Lành thay!***

Đã đến giờ đi khất thực, Đức Thế Tôn ngự đi trước, còn dạ xoa Àlavaka ôm bát tiền chân Ngài ra đến giữa đường, Đức Thế Tôn dừng lại, biết ý, dạ xoa Àlavaka dâng bát lên cho Ngài, đánh lễ Ngài rồi trở về lâu đài của mình.

Đức Thế Tôn chậm rãi đi vào thành Àlavi khát thực, Ngài đến một gốc cây thanh vắng gần cửa thành Àlavi để thọ thực và nghỉ trưa.

Chuyện Đức Thế Tôn cảm hoá dạ xoa Àlavaka hung dữ đã lan truyền từ các xóm làng, cho đến kinh thành. Các quan kiêu Thái tử trở về hoàng cung tâu trình Đức vua được rõ mọi việc. Đức vua, Hoàng hậu, các quan cùng toàn thể hoàng gia vô cùng vui mừng khi được nhìn thấy lại mặt Thái tử. Lúc ấy, xa giá Đức vua Àlavaka, Hoàng hậu cùng đoàn tùy tùng ra khỏi hoàng cung, số đông dân chúng theo sau, đến hầu Đức Thế Tôn. Khi đến gần, Đức vua xuống kiệu từ xa, đi chân đến, thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, tất cả cũng đều đánh lễ theo, rồi ngồi một nơi hợp lễ.

Đức vua bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài đã cảm hoá dạ xoa Àlavaka như thế nào? Bạch Ngài.

Nhân dịp ấy, Đức Phật thuyết giảng bài kinh *Àlavakasutta*, thuật lại rõ từng chi tiết cho hội chúng nghe về việc Ngài đã dùng pháp nhẫn nại để cảm hoá dạ xoa Àlavaka.

Thời pháp chấm dứt, tất cả hội chúng thấy đều hoan hỷ, có số chư thiên, chư Phạm thiên, nhân loại gồm có 84.000 chúng sinh chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả tùy theo trình độ ba la mật của họ.

Sau đó, Đức vua Àlavaka và dân chúng kinh thành Àlavi, hàng ngày đem lễ vật đến dâng cho dạ xoa Àlavaka đầy đủ.

Thái tử Hatthaka Àlavaka đến tuổi trưởng thành thường đến hầu Đức Phật, nghe pháp, cúng dường bốn món vật dụng đến chư Tăng. Nhờ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, sự tinh tấn tiến hành thiên tuệ, chẳng bao lâu sau, Thái tử Hatthaka Àlavaka đã chứng đắc đến bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh thứ ba trong Phật giáo.

Thái tử Hatthaka Àlavaka cùng nhóm cận sự nam tùy tùng thường tế độ những người khác bằng bốn pháp tế độ:

- 1- Bố thí của cải đến người khác.**
- 2- Nói lời chân thật, ngọt ngào dễ nghe.**
- 3- Hành động lợi ích cho mọi chúng sinh.**
- 4- Hoà đồng với mọi người.**

Đức Thế Tôn tán dương và ca ngợi Thái tử Hatthaka Àlavaka như sau:

"Này chư Tỳ khuru, Hatthaka Alavaka là người có bốn pháp tế độ tối thắng nhất trong hàng cận sự nam của Như Lai".

-ooOoo-

Giải thích từ ngữ:

- **Pháp nước xoáy:** là bốn pháp làm cho chúng sinh chìm đắm trong biển khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, không thể ngoi đầu nổi lên được.

Bốn pháp nước xoáy (*ogha*):

- 1- Ngũ dục như nước xoáy làm chúng sinh chìm đắm trong sắc, thanh, hương, vị và xúc.
- 2- Tà kiến như nước xoáy làm chúng sinh chìm đắm trong tà kiến sai lầm.
- 3- Kiếp sanh như nước xoáy làm chúng sinh chìm đắm trong kiếp sanh cõi Dục giới, cõi sắc giới và cõi vô sắc giới.
- 4- Vô Minh như nước xoáy làm chúng sinh chìm đắm trong si mê, không chứng ngộ chân lý Tứ Thánh đế.

Saddhà: Đức tin, tin nơi Tam bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp; tin thiện nghiệp cho quả vui, ác nghiệp cho quả khổ. Đức tin là pháp dẫn đầu trong mọi thiện pháp, người có đức tin, có sự tinh tấn tiến hành thiện tuệ, có thể chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, mới có thể vượt qua bốn pháp nước xoáy.

Đức Phật dạy: nhờ đức tin người ta vượt qua bốn pháp nước xoáy.

Chỉ có bậc Thánh Nhập Lưu mới có đức tin trong sạch hoàn toàn.

Appamàda: Không dễ duôi, nghĩa là luôn luôn có chánh niệm là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp, là con đường duy nhất vượt qua biển khổ tử sanh luân hồi.

Annava: Biển khổ luân hồi, mọi cảnh khổ của mỗi chúng sinh, quanh quẩn trong vòng tử sanh luân hồi quá mênh mông bao la, sâu thẳm như biển đại dương.

Do đó, Đức Phật dạy: "Nhờ tâm không dễ duôi, có chánh niệm, chúng sinh vượt qua biển khổ tử sanh luân hồi".

Vīriya: Tâm tinh tấn, sự kiên trì cố gắng không ngừng để thiện tâm tăng trưởng.

- Tinh tấn không để cho ác pháp phát sanh.
- Tinh tấn diệt ác pháp đã sanh.
- Tinh tấn làm cho thiện pháp chưa sanh được phát sanh.
- Tinh tấn làm cho thiện pháp đã phát sanh càng thêm tăng trưởng đến sự chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, diệt đoạn tuyệt vô minh, tham ái và mọi ác pháp không còn dư sót.

Dukkha: Khổ: khổ sanh, khổ lão, khổ bệnh và khổ tử, khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Do đó Đức Phật dạy: "nhờ tinh tấn, chúng sinh thoát khỏi khổ tử sanh luân hồi".

Pannà: Trí tuệ: ở đây đó là Arahán Thánh Đạo Tuệ, có khả năng diệt đoạn tuyệt tất cả mọi vô minh, tham ái, phiền não, ác pháp không còn dư sót.

Parisujjhati: Hoàn toàn trong sạch: tâm hoàn toàn trong sạch nghĩa là tâm không còn vô minh, tham ái, phiền não và mọi ác pháp, đó là tâm của bậc Thánh Arahán.

Do đó Đức Phật dạy: "Nhờ trí tuệ chúng sinh trở nên hoàn toàn trong sạch".

SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ BA

ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG VOI NÀLÀGIRI

-ooOoo-

Đức Phật cảm thắng được voi Nàlàngiri, do nhờ tâm từ.

(Bộ Chú giải Jātaka..., bộ Vinayapitaka...)

Hoàng tử Devadatta là hoàng huynh của Công chúa Yasodharà, cả hai là con của Đức vua Suppabuddha dòng Sakya, (cậu ruột của Thái tử Siddhattha) và Hoàng hậu Amittà (cô ruột của thái tử Siddhattha). Như vậy Hoàng tử Devadatta vừa là anh em cô cậu, vừa là anh vợ của Thái tử Siddhattha.

Thái tử Siddhattha đi xuất gia, trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, một thời gian sau, Ngài ngự trở về kinh thành Kapilavatthu để tể độ phụ vương

Suddhodana cùng hoàng tộc Sakya. Đức vua Suddhodana động viên, khuyến khích các Hoàng tử dòng Sakya đi xuất gia theo Đức Phật, cùng một lúc có 1.000 Hoàng tử xuất gia trở thành Tỳ khuru và đều chứng đắc thành bậc Thánh Arahán. Sau đó Hoàng tử Devadatta cũng đi xuất gia trở thành Tỳ khuru cùng với năm Hoàng tử khác là: Hoàng tử Bhaddiya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu và Hoàng tử Kimila. Sau khi trở thành Tỳ khuru các Ngài Đại Đức Bhaddiya, Đại Đức Anuruddha, Đại Đức Bhagu và Đại Đức Kimila đều chứng đắc thành bậc Thánh Arahán trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế; còn Đại Đức Ānanda chỉ chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, về sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn khoảng ba tháng bốn ngày sau mới chứng đắc thành bậc thánh Arahán. Riêng Tỳ khuru Devadatta chỉ chứng đắc bát thiên thế gian (*4 bậc thiên hữu sắc và 4 bậc thiên vô sắc*) và đắc thần thông, vẫn còn là phàm nhân, không phải là bậc Thánh nhân.

Một thuở nọ, Đức Phật cùng chư Tỳ khuru Tăng đang ngụ tại xứ Kosambì, các nhà phú hộ, vua chúa phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, hàng ngày đem nhiều lễ vật đến cúng dường Đức Phật cùng chư Đại Đức Sàriputta, Đại Đức Moggallàna, Đại Đức Mahākassapa, Đại Đức Bhaddiya, Đại Đức Anuruddha, Đại đức Ānanda..., còn Tỳ khuru Devadatta ít ai hỏi đến và cũng ít ai dâng cúng đặc biệt gì cả.

Thế là Tỳ khuru Devadatta cảm thấy tự ái: *"vốn ta cũng là Hoàng tử xuất thân từ dòng Sakya đi xuất gia trở thành Tỳ khuru, sao ít ai dâng cúng đến ta, ta không có nhiều lợi lộc".* Rồi lại nghĩ: *"Bằng cách nào để cho ta có quyền thế và có nhiều lợi lộc, ta không thể nào làm thân với Đức vua, các nhà phú hộ, vì những vị này có đức tin trong sạch nơi Đức Phật và các bậc Thánh nhân. Ta không dễ gì làm cho quý vị ấy tin ở ta được. Đức vua Bimbisàra có thái tử Ajàtasattu còn nhỏ dại, chưa phân biệt rõ thiện - bất thiện, phước - tội... ta có thể thuyết phục Thái tử tin theo ta được".*

Nghĩ xong, từ Kosambi Tỳ khuru Devadatta đi đến kinh thành Rājagaha dùng thần thông hoá ra một đứa trẻ; từ hai tay, hai chân, cổ và đầu mỗi nơi hóa ra một con rắn, có sáu con rắn, mỗi con quấn vào người, bay lên hư không, đáp xuống ngồi trọn vào vế của thái tử Ajàtasattu.

Ajàtasattu sợ hãi hỏi: Người là ai?

- Thừa Thái tử, tôi là Tỳ khuru Devadatta - Tỳ khuru Devadatta thưa.

- Xin Ngài hóa trở lại con người thật đi! - Thái tử yêu cầu.

Tỳ khưu Devadatta hoá trở lại là Tỳ khưu mặc y mang bát đứng trước mặt Thái tử.

Thái tử vô cùng cảm phục phép thần thông của Tỳ khưu Devadatta, phát sanh đức tin nơi Tỳ khưu Devadatta, cho nên mỗi ngày sai lính đem 500 cỗ xe chở cơm và thức ăn đến dâng cúng.

Lợi lộc làm cho tâm tham của Tỳ khưu Devadatta càng thêm đen tối, nên tham vọng ngông cuồng phát sanh: *"Ta nên làm một vị Phật, cai quản nhóm Tỳ khưu Tăng"*.

Do nghĩ sai lầm như vậy, nên các bậc thiền và phép thần thông của Tỳ khưu Devadatta bị hư mất ngay.

Sau đó, Đức Phật từ xứ Kosambi cùng chư Tỳ khưu Tăng du hành đến kinh thành Rājagaha, ngụ tại chùa Veluvana. Khi ấy chư Tỳ khưu đến bạch với Đức Phật về việc Tỳ khưu Devadatta đến thân cận với thái tử Ajātasattu, mỗi ngày Thái tử sai lính đem 500 cỗ xe chở 500 nôi cơm và đồ ăn đến cúng dường Tỳ khưu Devadatta.

Đức Phật dạy:

- Nay chư Tỳ khưu, danh và lợi phát sanh đối với Devadatta để tự hại mình, tự giết mình. Nay chư Tỳ khưu, cũng ví như:

Cây chuối trở buồng ra trái chín, tự hại mình.

Cây tre trở cò ra hột, tự hại mình

Cây sậy trở cò, tự hại mình.

Ngựa Assatara có thai đúng tháng ngày sanh, hại ngựa mẹ.

Cũng như vậy, danh và lợi đối với Devadatta để tự hại mình, tự giết mình.

LẦN ĐẦU TIÊN TỖ KHƯU DEVADATTA OAN TRÁI VỚI ĐỨC PHẬT

Một hôm, Đức Phật thuyết pháp giữa số đông các hàng Phật tử, chư Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Đức vua, phú hộ, dân chúng,... có Tỳ khưu Devadatta ngồi trong nhóm chư Tỳ khưu Tăng, Devadatta quỳ chấp tay bạch Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, bây giờ Ngài đã già rồi, lớn tuổi, quá thời lão niên. Kính bạch Đức Thế Tôn, kính thỉnh Ngài nghỉ ngơi, an dưỡng tuổi già, giao cho con lo việc cai quản chư Tỳ khưu Tăng, con lãnh đạo chư Tỳ khưu Tăng.

Đức Phật nghe Devadatta bạch như vậy bèn dạy rằng:

- Này Devadatta, chẳng nên vậy đâu! Con chó nên có tham vọng lãnh đạo chư Tỳ khuru Tăng.

Tỳ khuru Devadatta bạch lần thứ nhì và lần thứ ba cũng như vậy, và cả ba lần Đức Phật đều không chấp thuận. Ngài dạy:

- Này Devadatta, đối với Sàriputta và Moggallàna mà Như Lai cũng không trao quyền lãnh đạo chư Tỳ khuru Tăng, huống hồ đối với con, là người tham đắm trong lợi lộc thấp hèn, như dùng đồ nước miếng, làm sao Như Lai trao quyền hành cho con được.

Tỳ khuru Devadatta nghe Đức Phật ca tụng Đại Đức Sàriputta và Đại Đức Moggallàna, còn chê trách mình dùng vật dụng phát sanh không trong sạch, như đồ nước miếng, giữa các hàng Phật tử, nên tức giận đánh lễ Đức Phật bỏ đi ra.

Tỳ khuru Devadatta đến gặp thái tử Ajàtasattu, khuyến dụ thái tử nên giết vua cha lên ngôi vua, còn y sẽ giết Đức Phật rồi thay thế Phật.

Thái tử Ajàtasattu mang con dao lén vào phòng chờ giết vua cha, bị bại lộ, các quan bắt quả tang dẫn đến trình Đức vua Bimbisàra phán xét.

Đức vua tra hỏi thái tử:

- Này hoàng nhi, tại sao con có ý định giết cha?

- *"Tâu phụ vương, con muốn lên ngôi làm vua."* - Thái tử tâu.

Đức vua dạy rằng:

- Này hoàng nhi, con muốn lên ngôi thì cha truyền ngôi vua lại cho con.

Đức vua Bimbisàra truyền ngôi, làm lễ đăng quang thái tử Ajàtasattu lên ngôi vua ở kinh thành Ràjagaha trị vì xứ Magadha.

Thái tử Ajàtasattu được lên ngôi vua, tâm vô cùng hoan hỷ báo tin mừng cho Tỳ khuru Devadatta, Tỳ khuru Devadatta ác tâm bày kế giết Đức vua Bimbisàra để trừ hậu họa giành lại ngôi báu.

Đức vua Ajàtasattu bắt vua cha giam trong nhà tù, lệnh cấm đem vật thực nuôi dưỡng và cấm không được ai đến thăm viếng ngoại trừ mẫu hậu, về sau cũng cấm luôn mẫu hậu.

Thái thượng hoàng Bimbisàra không có vật thực nuôi dưỡng thân thể, nhưng nhờ nhập Thánh quả định Nhập Lưu và đi kinh hành nên vẫn kéo dài sự sống còn. Vua Ajàtasattu biết vậy, cho người thợ cạo đem dao rạch

bàn chân [*] xoa dầu, xát muối, hơ lửa không còn đi được nữa, về sau không lâu, đức Thái thượng hoàng băng hà tái sinh làm thiên nam ở cõi Tứ đại thiên vương tên là Janavasabha.

[] Tiền kiếp của Đức vua Bimbisàra đã từng mang dép đi lên xung quanh bảo tháp hoặc quanh cội Bồ Đề..., nên kiếp này phải chịu quả bị rạch 2 bàn chân.*

Thái thượng hoàng Bimbisàra băng hà cùng ngày với Hoàng tử Udayabhadda con của Đức vua Ajàtasattu hạ sanh.

Các quan trước tiên tâu Đức vua rằng:

- Tâu bệ hạ, Hoàng hậu đã hạ sanh Hoàng tử.

Đức vua nghe các quan tâu như vậy, tình thương con dạt dào trời lên nghĩ rằng: *"khi ta sanh ra đời, chắc chắn phụ hoàng ta cũng thương ta như vậy"*.

Đức vua liền ra lệnh:

- Các quan hãy đi mau, thả phụ hoàng ta ra!

Nhưng hỡi ôi! còn người đâu mà thả ra được nữa!

Các quan tiếp theo tâu rằng: Thái thượng hoàng đã băng hà hôm nay rồi!

Đức vua Ajàtasattu vô cùng hối tiếc đi tìm mẫu hậu, nghe mẫu hậu thuật lại, biết rõ tình thương con của phụ hoàng vô hạn, Đức vua khóc than thảm thiết, tổ chức làm lễ táng phụ hoàng rất trọng thể.

Đức vua Ajàtasattu nghe lời Tỳ khuru Devadatta phạm ***trọng tội giết cha*** thuộc ***ngũ vô gián nghiệp***.

TỠ KHƯU DEVADATTA ÂM MƯU GIẾT ĐỨC PHẬT

Một hôm Tỳ khuru Devadatta tìm đến vua Ajàtasattu và yêu cầu Đức vua tuyển chọn một số tay thiện xạ về cung nỏ để giết Đức Phật. Đức vua chấp thuận, truyền lệnh gọi quân lính đến bảo rằng: Các người hãy chấp hành theo lệnh của Ngài Devadatta.

Devadatta bí mật chia thành năm nhóm, mỗi nhóm hoàn toàn không biết nhau, chỉ tuân hành theo lệnh của y, nhóm thứ nhất một xạ thủ, Tỳ khuru Devadatta ra lệnh rằng:

- *"Người hãy đến giết Sa môn Gotama ở chỗ này, sau khi giết Sa môn Gotama xong, đi theo con đường này trở về lãnh thưởng".*

Nhóm thứ nhì có 2 xạ thủ, Tỳ khưu Devadatta ra lệnh:

- *"Hai người hãy giết người từ con đường này trở lại, rồi đi theo con đường này trở về lãnh thưởng".*

Nhóm thứ ba có 4 xạ thủ, Tỳ khưu Devadatta ra lệnh:

- *"Các người hãy giết hai người từ con đường này trở lại, rồi đi theo con đường này trở về lãnh thưởng".*

Nhóm thứ tư có 8 xạ thủ, Tỳ khưu Devadatta ra lệnh:

- *"Các người hãy giết bốn người từ con đường này trở lại, rồi đi theo con đường này trở về lãnh thưởng".*

Nhóm thứ năm có 16 xạ thủ, Tỳ khưu Devadatta ra lệnh:

- *"Các người hãy giết tám người từ con đường này trở lại, rồi đi theo con đường này trở về lãnh thưởng".*

THI HÀNH LỆNH TỖ KHƯU DEVADATTA

Nhóm thứ nhất, một xạ thủ, mang cung nỏ đến chỗ mà Tỳ khưu Devadatta đã chỉ định, nhìn thấy Đức Phật, khi đến gần phát sanh tâm run sợ đến nổi cứng đờ người, không cử động được. Đức Phật bèn gọi:

- Này con, con đừng sợ, hãy lại đây với Như Lai.

Người xạ thủ lắng nghe giọng nói dịu dàng, ngọt ngào phát ra từ tâm đại bi của Đức Phật, tâm trở lại bình tĩnh an lạc, thân cử động được, ném bỏ cung nỏ, cung kính đến hầu đánh lễ dưới chân Ngài, quỳ xin tạ tội. Đức Phật tha tội rồi thuyết pháp tế độ, người xạ thủ lắng nghe pháp, rồi thực hành theo lời giáo huấn của Ngài, liền chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, xin quy y nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng. Đức Phật chấp thuận cho Quy y theo Siêu tam giới (*lokuttarasarana*), rồi Ngài dạy rằng:

- Con chớ nên trở về theo con đường do Tỳ khưu Devadatta chỉ dẫn, mà con nên đi theo con đường này sẽ được an toàn tánh mạng.

Nhóm thứ nhì có hai xạ thủ mai phục trên con đường chờ xạ thủ thứ nhất trở lại, chờ lâu không thấy, lần theo con đường ấy thì nhìn thấy Đức Phật ngồi một mình, hai người xạ thủ liền bỏ cung nỏ đến hầu đánh lễ Ngài,

ngồi nghe pháp rồi thực hành theo lời giáo huấn của Ngài, liền chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu rồi xin quy y nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, Đức Phật chấp thuận cho quy y theo Siêu tam giới, rồi Đức Phật chỉ dạy:

- Các con chớ nên trở về theo con đường do Tỳ khuru Devadatta chỉ dẫn, mà nên đi theo con đường này sẽ được an toàn tánh mạng. Nhóm thứ ba có 4 xạ thủ, nhóm thứ tư có 8 xạ thủ, nhóm thứ năm có 16 xạ thủ, mỗi nhóm chờ lâu không thấy, đi lần theo con đường ấy thì nhìn thấy Đức Phật ngồi một mình, họ bỏ cung nỏ đến hầu đánh lễ Ngài, ngồi nghe pháp rồi thực hành theo lời giáo huấn của Ngài, liền chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu rồi xin quy y nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, Đức Phật chấp thuận cho Quy y theo Siêu tam giới.

Người xạ thủ thứ nhất trở về vào trình với Tỳ khuru Devadatta:

- Con không thể giết Đức Phật được, Ngài là bậc đại oai lực, khi con nhìn thấy đã phát run sợ đến nỗi đứng đờ người không cử động được. Nhờ tâm đại bi của Đức Phật gọi con đến, con mới hoàn hồn tỉnh lại, thân mới cử động được....

Tỳ khuru Devadatta nghe trình như vậy, la hét:

- Thôi thế là đủ! Người giết Sa môn Gotama không được, vậy tự tay ta giết.

TỠ KHUU DEVADATTA CỎ GIẾT ĐỨC PHẬT

Sau lần âm mưu ra lệnh cho các xạ thủ giết chết Đức Phật không thành, Tỳ khuru Devadatta rất căm tức muốn tự mình giết Đức Phật. Một hôm, Đức Thế Tôn đang đi kinh hành dưới chân núi Gijjhakùta, Tỳ khuru Devadatta nghĩ đây là cơ hội tốt nhất để giết Đức Phật, ông liền mò leo lên đỉnh núi, quan sát đường lẩn tránh đá xuống, rồi dùng cây làm đòn bẩy bật một tảng đá lớn lăn xuống chỗ Đức Phật đang đi kinh hành với tác ý ác tâm giết Đức Phật. Tảng đá lớn lăn nhanh xuống. Thật phi thường thay! Có hai tảng đá lớn hơn gấp bội đồng nghiêng đầu chụm lại, ngăn chặn tảng đá kia làm vỡ ra một mảnh nhỏ văng trúng nhằm bàn chân của Đức Phật làm cho bàn chân Ngài bầm máu và sưng lên.

Đức Phật quả trách Tỳ khuru Devadatta:

- Này Devadatta, con người vô dụng! Con có ác tâm muốn giết Như Lai, nhưng mà đối với Như Lai chỉ bị bầm máu mà thôi, như vậy, con đã tạo **ác trọng nghiệp** lớn rồi!

Đức Phật gọi chư Tỳ khuru dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khuru, Devadatta đã phạm tội, có ác tâm muốn giết Như Lai, nhưng mà không thể giết Như Lai được, chỉ làm bầm máu ở bàn chân của Như Lai. Như vậy, lần đầu tiên Tỳ khuru Devadatta đã phạm trọng tội lớn là làm **bầm máu bàn chân** (lohituppàdaka) của Như Lai thuộc **ngũ vô gián nghiệp**.

Vết thương của Đức Phật, nhờ vị lương y Jivaka tận tâm cứu chữa, mổ xẻ lấy máu bầm ra và thoa thuốc nên không bao lâu, bàn chân của Ngài đã bình phục.

Chư Tỳ khuru được biết Tỳ khuru Devadatta có ác tâm muốn giết Đức Thế Tôn, vì vậy, chư Tỳ khuru chia từng nhóm canh gác bảo vệ Đức Phật, có nhóm học kinh, tụng kinh; có nhóm đi kinh hành chung quanh Gandhakuti nơi Đức Phật đang ngự. Đức Thế Tôn nghe tiếng tụng kinh bèn hỏi Đại Đức Ànanda, Đại Đức Ànanda bạch với Đức Thế Tôn là chư Tỳ khuru chia thành từng nhóm canh gác, bảo vệ Đức Thế Tôn, không để Tỳ khuru Devadatta đến làm hại Ngài.

Đức Phật bèn dạy Đại Đức Ànanda gọi chư Tỳ khuru mà dạy rằng:

"Atthànametam Bhikkhave anavakàso, yam parupakkamena Tathàgatam jivita voropeyya.

Anupakkamena Bhikkhave Tathàgatà parinibbàyanti...".

"Này chư Tỳ khuru, điều chẳng bao giờ xảy ra là việc giết hại Đức Phật do sự cố gắng của người khác. Nay chư Tỳ khuru, chư Phật tịch diệt Niết Bàn hoàn toàn không phải do sự cố gắng của một ai cả. Nay chư Tỳ khuru, các con nên trở về chỗ ở của mình. Không một ai có thể làm hại được Như Lai. Các con chớ bận tâm bảo vệ sanh mạng của Như Lai..." (Vinayapitaka, Cùlavagga).

CẢM THẮNG VOI NÀLÀGIRI

Đức Thế Tôn đã bình phục như thường, một hôm Ngài cùng chư Tăng đi vào thành Rājagaha để khát thực. Tỳ khuru Devadatta chăm chú nhìn Đức Phật có đầy đủ tướng tốt và vẻ đẹp trang nghiêm, nghĩ rằng: *"Phần đông người ta nhìn thấy Sa môn Gotama như vậy, thì phát sanh đức tin trong sạch và lòng tôn kính, lại còn có Phật lực phi thường, cho nên không một người nào có đủ can đảm đến gần để giết hại Sa môn Gotama được. Họa may chỉ có loài súc sanh không biết gì về Ấn Đức Phật mới có thể hại Sa môn Gotama được mà thôi. Vậy ta nên dùng voi Nàlāgiri hung dữ của Đức vua Ajātasattu kia để giết hại Sa môn Gotama"*.

Tỳ khuru Devadatta đến gặp vua Ajàtasattu trình tâu âm mưu dùng voi Nàlàgiri hung dữ để sát hại Đức Phật, được Đức vua chấp thuận và truyền lệnh gọi quân tượng đến bảo rằng:

- Người hãy nghe theo lệnh của thầy Devadatta, ngày mai cho voi Nàlàgiri uống rượu say rồi thả ra theo đường nào mà Sa môn Gotama đi vào thành để khát thực.

- Ngày thường, người cho hung tượng Nàlàgiri uống bao nhiêu hũ rượu? - Tỳ khuru Devadatta hỏi.

- Tám hũ, thưa Ngài - Quân tượng thưa.

Tỳ khuru Devadatta ra lệnh:

- Vậy ngày mai, người phải cho hung tượng Nàlàgiri uống 16 hũ rượu, say điên cuồng rồi thả ra theo con đường mà Sa môn Gotama đi vào thành để khát thực, để nó chạy thẳng đến giết chết Sa môn Gotama.

Quân tượng chỉ còn biết tuân lệnh mà thôi.

Vua Ajàtasattu truyền lệnh các quan trong kinh thành thông báo cho dân chúng trong thành biết. *"Vào ngày mai, quân tượng sẽ thả voi Nàlàgiri hung dữ ra đường, vậy toàn thể dân chúng trong thành hãy làm xong công việc từ sáng sớm rồi trở về nhà đóng cửa ở trong nhà, cấm không được ai đi lại ở ngoài đường".*

Dân chúng trong thành biết tin Tỳ khuru Devadatta âm mưu dùng voi Nàlàgiri hung dữ để giết Đức Phật và đã được vua Ajàtasattu chấp thuận. Vì vậy, những người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo dẫn nhau đến chùa Veluvana bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sáng ngày mai, Tỳ khuru Devadatta âm mưu dùng voi Nàlàgiri hung dữ để giết hại Ngài, vua Ajàtasattu đã chấp thuận. Như vậy, sáng ngày mai, kính xin Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khuru Tăng không nên đi vào thành khát thực, kính xin Đức Thế Tôn cho phép chúng con được mang vật thực đến chùa để cúng dường Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khuru Tăng.

Đức Thế Tôn không chấp thuận hoàn toàn lời thỉnh cầu của dân chúng trong thành Ràjagaha, Ngài dạy rằng:

- Ngày mai, Như Lai sẽ cảm thắng voi Nàlàgiri, đồng thời cảm hoá được một số nhóm ngoại đạo. Vì vậy, Như Lai cùng chư Tỳ khuru Tăng đồng đạo sẽ đi vào thành Ràjagaha. Sau khi cảm thắng voi Nàlàgiri xong, Như

Lai cùng chư Tỳ khưu Tăng sẽ ra khỏi thành trở về chùa Veluvana, khi ấy các con đem vật thực đến chùa dâng cúng chư Tỳ khưu Tăng có Như Lai chủ trì.

Nhóm cận sự nam - nữ hiểu ý Đức Phật, đánh lễ Ngài trở về với lòng tôn kính Đức Phật vô hạn.

Như thường ngày, ban đêm vào cuối canh, Đức Thế Tôn nhập đại bi định, xả định quán xét chúng sinh có duyên lành đặc biệt nên tế độ. Bằng Phật nhãn, Ngài nhìn thấy rõ trong lúc cảm thấy voi Nàlàgiri bằng tâm từ, đồng thời có 84.000 chúng sinh có duyên lành chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả tùy theo ba la mật của mình.

Vào sáng hôm ấy, Đức Phật gọi Đại Đức Ānanda dạy rằng:

- Này Ānanda, con nên thông báo cho tất cả chư Tỳ khưu ở 18 đại tự viện, sáng nay cùng đi với Như Lai vào thành Rājagaha.

Sáng hôm ấy, trong thành Rājagaha có số cận sự nam - nữ bảo nhau rằng: *"Hôm nay chúng ta sẽ tận mắt nhìn thấy Đức Phật cảm thấy được voi hung ác Nàlàgiri một cách phi thường"*, nên họ leo lên tầng nhà cao hay mái nhà để quan sát cho rõ.

Còn một số dân chúng thuộc nhiều môn phái ngoại đạo, họ bảo nhau rằng: *"Voi Nàlàgiri rất hung ác, có sức mạnh phi thường, không biết gì về Ấn Đức Phật, hôm nay chúng ta được tận mắt nhìn thấy thân thể của Sa môn Gotama bị chà nát dưới bàn chân của voi hung ác Nàlàgiri..."*, nên họ cũng leo lên tầng nhà cao hay mái nhà để quan sát.

Khi ấy, nhóm quân tượng cho voi Nàlàgiri uống 16 hũ rượu theo lệnh của Tỳ khưu Devadatta. Voi Nàlàgiri sáng nay say như điên, được thả ra trên con đường ngược chiều với lộ trình của Đức Phật cùng chư Tỳ khưu Tăng đang đi vào thành Rājagaha. Voi Nàlàgiri nhìn thấy Đức Thế Tôn từ xa ngửa đến liền cong vòi, quạt hai lỗ tai, cong đuôi chạy thẳng đến nơi Đức Thế Tôn ví như quả núi nghiêng đổ về phía Ngài.

Chư Tỳ khưu thấy vậy bèn bạch với Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, voi Nàlàgiri rất hung ác, sát nhân, đang say như điên chạy đến đây, chúng con kính thỉnh Đức Thế Tôn trở lại. Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn dạy chư Tỳ khưu:

- Nay chư Tỳ khru, các con đừng có sợ hãi, không có một ai có thể làm hại Như Lai được, Như Lai sẽ cảm thắng voi Nàlàgiri này.

Lúc ấy, Đại Đức Sàriputta liền bạch Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, thông thường có việc gì xảy đến với phụ thân, phận sự ấy thuộc về đứa con trưởng. Kính bạch Đức Từ Phụ, cho phép con cảm hoá voi Nàlàgiri ấy.

Đức Thế Tôn bảo với Đại Đức Sàriputta rằng:

- Nay Sàriputta con, oai lực của bậc Thánh Thanh Văn kém oai lực của Đức Phật, vậy con hãy để việc này cho Như Lai.

Sau đó, 80 vị Thánh Thanh Văn đại đệ tử tuân tự xin phép Đức Phật cảm hoá voi Nàlàgiri, nhưng Đức Thế Tôn không chấp thuận vị nào cả.

Lúc ấy, Đại Đức Ànanda không thể nào đứng yên nhìn sự nguy hiểm đến tánh mạng của Đức Phật, vì quá kính yêu Ngài, Đại Đức nghĩ rằng: Voi Nàlàgiri hung ác này hãy giết chết ta trước, ta quyết hy sinh tánh mạng thay cho Đức Phật, nên Đại Đức vội vàng bước ra đứng chắn trước mặt Đức Phật.

Đức Thế Tôn dạy bảo rằng:

- Nay Ànanda, con hãy tránh sang nơi khác, không được đứng trước Như Lai.

Đại Đức Ànanda vẫn không chịu tránh, bèn bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Voi Nàlàgiri rất hung ác, nó giết chết con trước khi đụng đến Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo Đại Đức Ànanda tránh sang nơi khác đến ba lần như vậy mà Đại Đức vẫn đứng yên. Do vậy, Ngài phải dùng đến thần thông bắt buộc Đại Đức Ànanda tránh sang nơi khác, Đức Thế Tôn đứng trước chư Tỳ khru Tăng.

Bỗng nhiên, có một người đàn bà đang ẵm con, nhìn thấy voi Nàlàgiri đang lao tới với tốc độ kinh khủng, bà quá đỗi khiếp đảm nên để đứa con mình xuống đường tìm nơi thoát thân, hung tượng Nàlàgiri đuổi theo người đàn bà, nhưng không thấy bèn trở lại đứa trẻ đang nằm gần Đức Phật, đứa bé thấy voi sợ quá khóc lớn, Đức Phật niệm rải tâm từ đến voi Nàlàgiri rồi gọi bằng một giọng phạm âm ngọt ngào trìu mến:

- Nay Nàlàgiri con yêu quý, người ta cho con uống 16 hũ rượu mạnh làm cho con say điên cuồng, họ không cố ý giết hại người khác, thật ra họ cố ý nhờ con giết hại Như Lai, con hãy đến đây với Như Lai, Nàlàgiri yêu quý!

Voi Nàlàgiri hung ác nghe giọng phạm âm ngọt ngào trù mền của Đức Phật, liền mở mắt, ngẩng đầu, nhìn thấy kim thân Đức Phật toả ánh từ bi, cơn say điên cuồng tan biến mất, tâm thức tỉnh. Do nhờ oai lực của Đức Phật, voi Nàlàgiri hạ vòi xuống, ngoan ngoãn đi lần đến quỳ một cách cung kính dưới bàn chân Đức Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy voi Nàlàgiri rằng:

*Nay Nàlàgiri, con yêu quý,
Con là voi thuộc hàng súc sanh,
Như Lai là Đức Phật, gọi là voi chúa,
Kể từ nay con không nên hung ác sát nhân nữa.
Con nên có tâm từ đối với tất cả chúng sinh.*

Đức Thế Tôn rải tâm từ đến voi Nàlàgiri, rồi đưa bàn tay phải vuốt trên đầu voi và khuyên dạy rằng:

*"Nay Nàlàgiri, con yêu quý,
Con là voi con có vòi,*

*Chớ nên hại voi chúa cao thượng là Như Lai.
Vì sự làm hại voi chúa cao thượng,
Là nhân đem lại sự đau khổ cho con,
Người nào làm hại voi chúa cao thượng,
Người ấy không được tái sanh cảnh giới an lạc.*

*Nay Nàlàgiri con yêu quý,
Con chớ nên say mê, không nên dễ dãi nữa,
Vì sự dễ dãi quên mình, tạo nên ác nghiệp,
Phải sa vào cảnh ác đạo, chịu khổ lâu dài,
Con nên tạo thiện nghiệp, để được sự an lạc,
Được tái sanh thiện cảnh, hưởng an lạc lâu dài".*

Đức Phật thuyết pháp tế độ voi Nàlàgiri, toàn thân tâm của voi Nàlàgiri phát sanh hỷ lạc chưa từng có. Nếu không phải là loài súc sanh, sau khi nghe pháp xong, chắc chắn nó đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả (nhưng vì là loài súc sanh nên không thể chứng đắc).

Dân chúng trong thành Ràjàgaha tận mắt nhìn thấy Đức Phật cảm thắng hung tượng Nàlàgiri trở nên hiền lành một cách phi thường, kỳ diệu như thế, cho nên họ vô cùng hoan hỷ vỗ tay reo hò vang dội, họ ném những đồ

trang sức vòng vàng châu báu xuống thân mình voi Nàlàgiri thành đồng. Từ đó, voi Nàlàgiri có tên là voi Dhanapàlaka (*voi giữ gìn của cải*). Đức Phật cho hiện tượng Dhanapàlaka thọ ngũ giới, hiện tượng nằm mọp xuống lấy vôi hút bụi ở bàn chân của Đức Phật, rồi phun lên đầu của mình tỏ lòng tôn kính Đức Phật.

Voi Dhanapàlaka đi lùi ra xa một đoạn đường, cúi đánh lễ Đức Phật rồi trở về chỗ ở của mình; kể từ hôm ấy voi Dhanapàlaka rất hiền lành dễ mến. Đức Phật cảm thắng hung tượng Nàlàgiri rồi Ngài chú nguyện rằng: *"của cải người chủ nào được hoàn lại cho người chủ ấy"*, tức thì tất cả của cải đều trở lại người chủ.

Sáng hôm ấy, Đức Phật đã cảm thắng được voi Nàlàgiri xong và nhân cơ hội này, Ngài thuyết pháp tế độ chúng sinh gồm có 84.000 chúng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả tùy theo ba la mật của mình, Đức Phật không đi vào thành Rājāgaha để khát thực, mà Ngài dẫn đầu đoàn Tỳ khưu Tăng đông đảo ra khỏi thành ngự về chùa Veluvana.

Dân chúng kinh thành Rājāgaha vui mừng, cùng nhau mang theo những vật thực ngon lành đến chùa Veluvana để cúng dường chư Tỳ khưu Tăng, có Đức Thế Tôn chủ trì với tâm vô cùng hoan hỷ và tôn kính. Họ được nhìn thấy Đức Phật đã cảm thắng hung tượng Nàlàgiri trở nên hiền tượng có ngũ giới, kể từ nay về sau voi Nàlàgiri không còn đáng kinh sợ nữa, mà trở nên đáng yêu quý hơn, cho nên họ cùng tán dương ca tụng Đức Phật bằng bài kệ:

*"Người ta dạy voi hay ngựa,
Bằng móc sắt, bằng roi mây
Nhưng thật phi thường thay!
Đức Thế Tôn bậc đại bi,
Cảm hoá voi Nàlàgiri hung dữ,
Chẳng cần dùng đến móc sắt,
Và cũng không có roi mây!"*

-ooOoo-

Chú thích:

*** Giai đoạn cuối cuộc đời Tỳ khưu Devadatta**

Tỳ khưu Devadatta bị mọi người chê trách thậm tệ về những hành động ác mà y đã tạo, cho nên vua Ajātasattu không còn tin nơi y nữa, ngưng hộ độ 500 xe vật thực dâng cúng mỗi ngày, còn Tỳ khưu Devadatta đi khát thực,

dân chúng không để bát nữa, những quyền lực và lợi lộc bị suy thoái hoàn toàn.

Cuối cuộc đời của Tỳ khuru Devadatta bị bệnh nặng, muốn đến hầu đánh lễ Đức Phật sám hối trước khi chết. Devadatta nhờ những người học trò khiêng giường đến chùa Jetavana, nghỉ bên hồ nước gần chùa để tắm rửa cho y. Khi Tỳ khuru Devadatta từ trên giường vừa chạm đôi chân xuống đất, ***mặt đất nở ra rút y xuống***. Khi còn lại hai bàn tay, y chấp tay đưa lên cao: ***"Xin quy y nương nhờ nơi Đức Phật"*** rồi chìm sâu trong lòng đất.

Tỳ khuru Devadatta sau khi chết, do năng lực của ác trọng nghiệp cho quả tái sinh vào đại địa ngục Avìci, chịu quả khổ do ác nghiệp mà y đã tạo; khi mãn ác nghiệp rồi, đến kiếp vị lai sau này được trở lại tái sinh làm người.

Đức Phật thọ ký rằng: *từ kiếp trái đất này về sau, trải qua hơn một trăm ngàn đại kiếp trái đất nữa, kiếp vị lai của Tỳ khuru Devadatta sẽ chứng đắc thành **Đức Phật Độc Giác** có danh hiệu **Atthissara**.*

*** Cuộc đời Đức vua Ajàtasattu**

Đức vua Ajàtasattu thân cận với Tỳ khuru Devadatta phạm phải trọng tội giết cha, khi Đức vua nghe tin Tỳ khuru Devadatta bị đất rút, nên phát sanh tâm sợ hãi kinh hồn; nhờ ngự y Jivaka dẫn đến hầu Đức Phật xin sám hối tội lỗi của mình đã tạo. Đức Phật thuyết pháp tế độ Đức vua; nếu Đức vua không phạm trọng tội giết cha, thì khi nghe Đức Phật thuyết pháp xong, có thể chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu; nhưng vì đã phạm vô gián nghiệp chắc chắn phải sa vào địa ngục, cho nên Đức vua không thể chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả nào; Đức vua chỉ phát sanh đức tin trong sạch, xin quy nơi Tam bảo, trở thành người cận sự nam tận tâm lo hộ độ Tam bảo.

Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn được 3 tháng 4 ngày chính Đức vua lo hộ độ chư Thánh Tăng trong kỳ kết tập Tam tạng lần thứ nhất tại động Sattapanni gần thành Rājagaha gồm có 500 bậc Thánh Arahán, do Ngài Đại Đức Trưởng lão Mahākassapa chủ trì. Mặc dầu phước thiện lớn lao như vậy, Đức vua cũng không tránh khỏi sa vào cảnh địa ngục. Đáng lẽ Đức vua sau khi chết, do năng lực của ác trọng nghiệp cho quả tái sinh vào đại địa ngục Avìci, song nhờ phước thiện ấy, nên chỉ tái sinh vào địa ngục Lohakumbhì suốt 60.000 năm, đến khi mãn ác nghiệp, được trở lại tái sinh làm người, kiếp vị lai sau này sẽ chứng đắc thành bậc **Độc Giác Phật** có danh hiệu **Vijitavì**.

SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ TƯ

ĐỨC PHẬT CẢM HÓA ANGULIMÀLA

-ooOoo-

Đức Phật cảm hóa được kẻ cướp sát nhân Angulimàla, do nhờ phép thần thông.

(Theo Chú giải Kinh Angulimàlasuttavannanà - Bộ chú giải Majjhimapannàsa, kinh Angulimàlasuttavannanà).

Đại đức Angulimàla vốn tên thật là Ahimsaka xuất thân từ dòng dõi Bà la môn, trong một gia đình quý tộc nhiều đời. Thân mẫu Ngài tên Mantani; thân phụ Ngài tên Gagga, là quân sư tài đức khả kính của Đức vua Pasenadi trị vì xứ Kosala.

Trong đêm Ngài sinh ra đời, một hiện tượng lạ thường chưa từng có đã xảy ra: tất cả vũ khí ở trong thành đều phát ra ánh sáng chói lòa; ngay cả thanh gươm báu của Đức vua Pasenadi nằm ở trong bao, đặt trong căn phòng ngủ, cũng phát ra ánh sáng thép lạnh buốt, làm cho Đức vua kinh hoàng.

Ông Bà la môn, thân phụ của Ngài Angulimàla, nhìn thấy hiện tượng như vậy, liền bước ra hiên nhìn lên trời xem thiên văn, giữa hư không vờ vờ một ngôi sao “**kẻ cướp sát nhân**” vừa xuất hiện. Ông nhẩm tính một hồi, rồi cảm thấy rùng mình sợ hãi. Ngôi sao ấy chính là biểu hiệu số mạng con trai vừa mới chào đời của ông. Sau này nó sẽ trở thành **tên cướp giết người** khét tiếng!

Là quân sư của Đức vua, người nắm cán cân công lý và sự an nguy cho xã tắc, ông Bà la môn không cho phép mình vì tình riêng mà dấu kín mầm móng tai họa, nên trời vừa sáng, ông đã vào chầu Đức vua Pasenadi tâu rằng:

- Đêm qua bệ hạ ngủ có được an giấc hay không?

Đức vua đáp:

- Thừa quân sư khả kính, Trẫm có ngủ yên được đâu! Không biết điềm xấu gì xảy ra mà thanh gươm báu của Trẫm đặt ở trong bao lại phát ra ánh sáng chói lòa rất là khủng khiếp. Trẫm lo sợ có điều tai họa gì đó liên quan đến tánh mạng của Trẫm, hoặc có chuyện bất trắc gì xảy ra cho ngai vàng của Trẫm chăng?

- Tâu bệ hạ - vị quân sư mau mắn đáp - đêm qua hạ thần có xem thiên văn, quả thật có một hung tinh vừa xuất hiện. Nhưng điềm xấu ấy không liên hệ gì đến tánh mạng cũng như ngai vàng của bệ hạ.

Tâu bệ hạ, không những chỉ riêng thanh gươm báu của bệ hạ, mà còn tất cả các loại vũ khí ở trong thành đều phát ra ánh sáng; đó là do năng lực ác nghiệp của con trai hạ thần vừa mới ra đời đêm qua.

Đức vua ngạc nhiên:

- Có chuyện như vậy sao! Quân sư hãy nói rõ cho Trẫm nghe!

- Tâu bệ hạ, con trai hạ thần vừa mới hạ sanh đêm qua ứng vào vị hung tinh ấy. Sau này, nó sẽ trở thành tên cướp sát nhân rất nguy hiểm.

- Thật vậy sao? Đức vua hỏi. Nó sẽ trở thành tên cướp sát nhân? - chỉ là một tên cướp sát nhân thôi, hay là thủ lãnh một nhóm trộm cướp chuyên giết người, cướp của, dã man, tàn bạo, phá xóm, phá làng... và đe dọa cả ngai vàng của Trẫm?

- Không phải vậy, tâu bệ hạ! Nó chỉ là một tên cướp. Một mình nó thôi. Tuy chẳng tổn thương gì đến bệ hạ và ngai vàng, nhưng để tránh những tai họa về sau, thần xin phép bệ hạ cho thần được giết chết nó khi đang còn nhỏ.

Đức vua Pasenadi vốn là một vị vua hiền đức, nghe vậy liền có lời can ngăn:

- Đừng nên làm như thế, thưa quân sư khả kính! Nếu chỉ là một mình nó thì không thể gây ra tai họa lớn lao được. Trẫm biết rõ quân sư một đời nghiêm minh, thận trọng, chí công vô tư, không vì tình riêng mà che mờ phép nước. Nhưng đứa trẻ kia vừa mở mắt chào đời, chưa làm gì nên tội, xin quân sư hãy tha mạng sống cho nó.

Nếu bảo là do năng lực của ác nghiệp, thì quân sư nên tìm cách ngăn chặn, bằng cách nuôi dưỡng nó trong môi trường đạo đức, như vậy thì quả của ác nghiệp khó có cơ hội phát sanh.

Quân sư hãy chăm sóc, nuôi nấng, dạy bảo nó trở nên con người hiền lương. Ví như thanh gươm nằm trong vỏ, mũi tên nằm trong bao tên, thì nó làm sao có thể hại đến ai được!

Vậy quân sư nên đặt tên cho đứa trẻ là Ahimsaka (*người không làm hại, làm khổ đến ai*).

Bà la môn Gagga nghe vậy, cúi đầu tuân phục, ông cảm kích và tri ân Đức vua hiền minh không kể xiết.

Cậu bé Ahimsaka lớn lên, rất thông minh đỉnh ngộ, lại có sức mạnh phi thường, sống trong gia đình dòng dõi Bà la môn có truyền thống đạo đức lâu đời, cho nên cậu bé được nuôi dưỡng và giáo dục tốt trong một môi trường sống hiền hòa, tạo nhân tạo duyên cho thiện pháp phát sanh, những phẩm chất hiền lương của con người càng thêm tăng trưởng.

Khi đứa bé lớn, đến tuổi đi học, ông Bà la môn Gagga gửi con du học xứ Takkasila, tại ngôi trường đào tạo các vị Hoàng tử, con cháu Bà la môn từ các quốc độ... có vị đã trở thành đáng minh quân, những nhà lãnh đạo tài ba, những bậc hiền triết uyên thâm....

Là đứa trẻ vốn có thiên tài xuất chúng, nên bất cứ môn học nào Ahimsaka cũng đều xuất sắc hơn các người học trò khác. Ngoài ra, cậu là người học trò luôn luôn làm tròn tất cả mọi phận sự đối với thầy, mọi lễ nghi phép tắc... không ai có thể chê cậu ở một điểm nhỏ nào. Tài năng và đức hạnh của Ahimsaka đều vẹn toàn, cho nên, người thầy Bà la môn và phu nhân của thầy rất hài lòng, thương yêu Ahimsaka và xem như đứa con ruột của mình.

Mọi sự việc ấy làm cho bạn bè đồng học ganh tỵ, họ bàn luận với nhau rằng: *"Kể từ khi có mặt Ahimsaka nơi này, trong chúng ta không có một ai hơn nó, dầu chỉ một bộ môn nào. Nó là người có tài trí hơn hẳn chúng ta về mọi phương diện kể cả đạo đức. Ahimsaka là người học trò tài đức vẹn toàn, luôn luôn được thầy khen, ngược lại tất cả chúng ta là Hoàng tử, công tử... mà thầy quở trách chúng ta. Đó cũng chỉ vì Ahimsaka quá tài giỏi hơn chúng ta gấp bội, còn chúng ta so với nó thì quá kém cỏi mà thôi"*.

- Vậy chúng ta có mưu kế nào để đuổi Ahimsaka ra khỏi trường này không?

- Chúng ta chẳng có cách gì nói xấu Ahimsaka được.

- Nếu nói Ahimsaka thuộc dòng dõi thấp hèn ư? Chẳng thể nào, vì Ahimsaka thuộc dòng dõi Bà la môn cao quý, là con của ông Gagga, vị quân sư của Đức vua Pasenadi trị vì xứ Kosala.

- Nếu nói Ahimsaka là đứa học trò không làm tròn bổn phận, vô lễ với thầy ư? Chẳng thể nào vì Ahimsaka là người học trò làm tròn bổn phận, có lễ phép, tôn kính thầy hơn tất cả chúng ta....

Cuối cùng có một người trong nhóm đưa ý kiến:

"Tất cả chúng ta chia ra làm ba nhóm, và nhóm nào cũng đều thừa với thầy một điều giống nhau. Ban đầu có lẽ thầy không tin, thầy quở trách, chúng ta phải nên kiên nhẫn chịu đựng, nhưng dần dần thầy sẽ hoang mang ngờ vực và cuối cùng thầy sẽ tin".

Tất cả xem đó là một mưu kế hay.

Thế là theo kế hoạch, phải thực hiện tuần tự theo thời gian.

Ngày hôm sau, vào một dịp thuận lợi nhất, nhóm thứ nhất vào quỳ và thưa thầy rằng:

- Ai cũng biết bạn Ahimsaka là người học rất giỏi, có tài trí, lễ phép, từ lâu rất được thầy yêu bạn mến, nhưng chúng con nghi y có âm mưu hại thầy, chúng con kính yêu thầy, xin thưa cho thầy biết để đề phòng trước thì hơn.

Nghe nói vậy, vị thầy rất bức tức quở trách họ, vì cho rằng họ có ác tâm muốn làm tổn thương tình cảm giữa ông và Ahimsaka, người học trò ông rất mực thương yêu như con, bèn xua đuổi nhóm đó đi ra ngoài ngay.

Một thời gian sau, y theo kế hoạch, nhóm thứ nhì với số người đông hơn, cũng vào quỳ hầu thầy và thưa chuyện với nội dung y như lần trước. Họ cũng bị thầy quở trách rồi đuổi đi ra. Một thời gian lâu sau, nhóm thứ ba cũng thưa như hai nhóm trước, vị thầy cũng đối xử như hai nhóm trước. Mặc dầu vậy, nhóm thứ ba này tỏ vẻ khẩn khoản van xin thầy: *nếu thầy không tin chúng con, xin thầy xem xét Ahimsaka có tài trí khác thường, nếu y mưu tính việc lớn thì khó ai biết được.*

Sau nhiều lần, vị thầy bắt đầu suy nghĩ: *"Sao cả ba nhóm học trò này đều thừa một việc giống nhau? và chúng đều có ý lo lắng cho sự an toàn của ta".*

Vị thầy bắt đầu hoang mang ngờ vực, khi đã ngờ vực rồi thì mọi hành vi cử chỉ, lời nói của Ahimsaka cũng đáng nghi cả. Sự nghi ngờ ấy tuy chưa tìm ra chứng cứ rõ ràng, nhưng vị thầy cảm thấy lo sợ, bất an, vị thầy nghĩ: *"Cách tốt nhất để giữ gìn bảo vệ sanh mạng của ta là phải tìm kế hạ thủ trước. Nếu tự tay ta đầu độc hoặc giết chết y, bọn học trò sẽ biết, và như vậy thì vua chúa, Bà la môn, quý tộc... cũng sẽ biết, tiếng xấu sẽ lan truyền ra mọi quốc độ rằng: "thầy mà giết chết học trò", thì còn gì là uy tín và đạo đức của ta nữa. Khi thiên hạ mất đức tin ở nơi ta thì họ sẽ không còn gởi con cháu đến đây học nữa. Khi ấy, danh vọng ta sẽ mất mà lợi lộc cũng không còn! Vậy tốt hơn hết ta hãy bày ra một kế để cho người ta giết Ahimsaka".*

Vì nghĩ như thế, nên một hôm ông gọi Ahimsaka lại bảo:

- Này Ahimsaka con yêu quý, con là một người học trò có tài trí phi thường, con rất xứng đáng, nên thầy muốn truyền dạy môn học tốt bậc cho con, với điều kiện con phải giết đủ **một ngàn người** đem trình cho thầy, để ứng dụng vào môn học ấy, cũng đồng thời là sự tạ ơn thầy một cách xứng đáng với công lao nuôi dạy của thầy.

- Kính thưa thầy, con sanh ra ở dòng dõi Bà la môn cao quý, con không thể nào giết hại người được, bạch thầy - Ahimsaka thưa.

Vị thầy dạy rằng:

- Nếu như vậy, con không thể nào thành đạt đến tốt cùng môn học, thật là uổng công lao nuôi dạy của thầy! Con không đền đáp được công ơn thầy.

Ahimsaka nghe thầy nói vậy, bắt đắc dĩ phải làm theo lời thầy, xem là việc đền đáp công ơn nuôi dạy của thầy, nhưng thật tâm hoàn toàn không thích làm việc bất lương như vậy.

Sau khi lạy từ giã thầy, Ahimsaka mang năm loại vũ khí theo mình đi vào rừng, chờ có ai đi vào rừng hay đi ngang qua rừng sẽ giết. Vì tâm không ham thích giết người, đây chẳng qua là một việc làm bắt đắc dĩ nên chàng không nhớ rõ đã giết bao nhiêu người rồi. Sau đó, hễ giết được một người, chàng cắt lấy một đầu ngón tay cho dễ đếm, những ngón tay dễ rãi rác bị thất lạc, hoặc các loài thú ăn mất. Cuối cùng, Ahimsaka nghĩ ra một cách là khâu những đầu ngón tay này thành vòng đeo ở cổ. Từ đó chàng có biệt danh là **Angulimàla**: *có nghĩa là kẻ cướp sát nhân, cắt ngón tay khâu thành vòng đeo ở cổ*.

Dân chúng trong thành nghe đến tên cướp sát nhân Angulimàla thấy đều kinh sợ, không ai dám đi một mình qua khu rừng, nhưng dầu đi từng toán từ 10 người - 20 người hay 30 người cũng không một ai thoát khỏi lưỡi đao của Angulimàla.

Tiếng đồn vang xa từ làng này qua làng khác quanh vùng, không ai dám đi ngang qua khu rừng ấy. Thế là bắt buộc Angulimàla phải vào xóm làng tìm người để giết cho đủ số 1000. Dân chúng kinh sợ bỏ xóm làng, đi lánh nạn sang nơi khác cách xa khu rừng ba do tuần.

Chuyện Angulimàla giết hại mọi người náo động đến kinh thành Sàvatthi. Một nhóm các bô lão đại diện dân chúng xin vào cầu cứu Đức vua Pasenadi rằng:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cứu dân vô tội, tên Anguli-màla kẻ cướp giết hại nhiều người, cắt đầu ngón tay xâu thành vòng đeo ở cổ, dân chúng kinh sợ đã bỏ xóm làng đi lánh nạn sang nơi khác, chịu cảnh cực khổ thiếu thốn.

Kính xin bệ hạ bắt y trị tội để chúng con được trở về quê hương yên ổn làm ăn.

Nghe dân chúng kêu van thảm thiết như vậy, Đức vua liền hội triều hỏi ý kiến các quan. Đức vua quyết định thân chinh cầm đầu dẫn quân truy bắt Angulimàla, tên cướp giết người để trị tội.

Trong buổi hội triều, vị Bà la môn Gagga, quân sư của Đức vua Pasenadi có linh tính báo cho biết Angulimàla tên cướp sát nhân ấy không ai khác mà chính là Ahimsaka, con trai yêu quý của ông.

Bãi triều, về nhà, ông âu sầu kể lại cho bà Mantani, vợ ông, biết rằng: Này phu nhân *"tên cướp sát nhân"* ấy không phải ai khác mà chính là Ahimsaka, đứa con trai yêu quý của chúng ta.

Nghe vậy, bà Mantani khóc lóc cầu xin chồng đi tìm con trở về nộp cho Đức vua, xin Đức vua từ bi ân xá tội chết, trước khi Đức vua truy bắt.

Ông Bà la môn cũng thương yêu con, nhưng bây giờ nó đã trở thành kẻ cướp sát nhân rồi, ông Bà la môn là bậc trí thức biết suy xét về lời dạy của bậc hiền triết ngàn xưa có dạy rằng: ***"Có bốn hạng người không nên đặt niềm tin vào họ"*** :

- Là tên cướp sát nhân, dầu trước đây hẳn là bạn cũ.
- Là bạn cũ, dầu đã từng sống chung với nhau lâu năm.
- Là Đức vua, dầu được Đức vua tin cậy.
- Là đàn bà, dầu trước đây đã từng đối xử rất tốt với bà ta.

Suy ngẫm bốn hạng người này, con trai của ông là một trong những hạng người ấy, không nên đặt niềm tin vào nó. Cho nên, ông Bà la môn từ chối lời yêu cầu của vợ.

Biết vậy, bà Mantani rất nóng lòng vì thương yêu đứa con của bà, với tình thương yêu của một người mẹ, bà nghĩ: *"nó là gì đi nữa, thì nó cũng chỉ là đứa bé nhỏ dại, đáng thương, đáng yêu của mình, đáng được tha thứ!"*.

Thế là chẳng quản gian lao vất vả, nguy hiểm, bà Mantani quyết đi tìm Ahimsaka, đứa con yêu quý của bà.

ĐỨC PHẬT CẢM HÓA ANGULIMÀLA

Cuối canh chót đêm ấy, Đức Thế Tôn nhập đại bi định, sau khi xả định, quán xét chúng sanh có duyên lành nên tế độ, Đức Thế Tôn nhìn thấy Angulimàla hiện trong mạng lưới đại bi của Ngài. Ngài biết rằng: duyên lành của Angulimàla đã đến, Như Lai sẽ tế độ Angulimàla, chỉ cần nghe lời giải đáp xong Angulimàla sẽ phát sanh đức tin trong sạch, từ bỏ mọi vũ khí, xin xuất gia trở thành Tỳ khru, về sau Angulimàla sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Thánh Quả cùng với Tam minh.

Đức Thế Tôn còn thấy rõ rằng: nếu Ngài đến chậm trễ, Angulimàla sẽ giết mẹ, phạm trọng tội trong **ngũ vô gián nghiệp** thì vô phương cứu thoát.

Thế rồi, sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn đi vào thành Sàvatthi để khát thực như lệ thường, sau khi độ ngọc xong, dọn dẹp chỗ ở, rồi Đức Thế Tôn chỉ một mình mặc y, mang bát đi theo con đường mòn nhỏ nhắm hướng đi thẳng đến khu rừng nơi ở của Angulimàla.

Dân chúng bên đường nhìn thấy Đức Thế Tôn (*không nhận biết được Đức Phật*) đi theo con đường vào khu rừng nơi trú ngụ của Angulimàla, lo sợ Ngài bị giết bèn ra ngăn cản:

- Kính bạch Sa môn, kính xin Ngài đừng đi theo con đường này, ở trong khu rừng kia có tên Angulimàla là kẻ cướp giết người, bất luận là ai y cũng không thương xót. Kẻ cướp sát nhân này đã tàn sát dân làng già trẻ, dân chúng còn sống sót kinh sợ đều bỏ làng đi lánh nạn nơi khác. Một vùng đất rộng bên trong kia chỉ còn cảnh tiêu điều vắng vẻ, không một bóng người qua lại.

- Kính bạch Sa môn, trước đây có những toán người đông 20 người, 30 người, 40 người... đi qua con đường này cũng đều bị Angulimàla sát hại, không còn một ai sống sót cả. Kính xin Sa môn đừng vào nơi nguy hiểm ấy.

Đức Thế Tôn nghe dân chúng bạch đến ba lần, rồi dạy:

- Các con hãy an tâm! Không có điều gì xảy đến với Như Lai đâu! Rồi Ngài vẫn tiếp tục đi.

Hôm ấy, Angulimàla nghĩ rằng: *"Ta sống ở đây đã lâu rồi, ta đã giết rất nhiều người, những người chết mà ta đã cắt đầu ngón tay xâu thành vòng đếm được 999 ngón, chỉ cần giết thêm một người nữa, cắt một đầu ngón tay là tròn đủ 1000 ngón, là đủ 1000 người; ta cần phải ra ven rừng, hãy nhìn thấy người nào trước tiên là giết người ấy cho đủ số, đem về trình cho thầy, để đền đáp công ơn nuôi dạy của thầy và thầy sẽ truyền đạt bộ*

môn tột bậc cuối cùng cho ta. Lúc đó ta sẽ cạo râu, cắt tóc thay đổi y phục, xin bái tạ thầy trở về hầu thăm cha mẹ".

Nghĩ xong, Angulimàla mang vũ khí đi ra ven rừng. Người trước tiên mà y nhìn thấy từ xa đang đi đến là bà Mantani, mẹ của y. Bà Mantani nhận ra người cầm gươm kia là con của mình, bà vui mừng gọi tên con Ahimsaka! Ahimsaka! Con yêu quý! Nghe gọi vậy, Angulimàla nhận biết người đàn bà kia là mẹ của mình, nhưng do tà kiến chấp thủ, với ý nghĩ "người nào trước tiên" là giết liền cho đủ số 1000 người, nên y đành lòng phải giết mẹ thôi!

Angulimàla chạy ra đón đường thì bỗng nhiên nhìn thấy Đức Phật, xuất hiện ở khoảng giữa y và mẹ của y, Angulimàla liền thay đổi ý định thay vì giết mẹ, thì giết vị Sa môn đi một mình này. Angulimàla cầm gươm đuổi theo Đức Phật, Đức Phật dùng thần thông bước đi chậm rãi khoan thai như bình thường, nhưng đằng sau, Angulimàla đã cố chạy đuổi theo hết sức lực mà vẫn không bắt kịp Ngài.

Angulimàla thoáng nghĩ: *"Thật lạ thường thay! Chưa từng có bao giờ! Trước đây dầu voi, ngựa, nai, xe ngựa chạy ta cũng chạy đuổi theo bắt được dễ dàng. Nhưng bây giờ dầu ta đã chạy hết sức mà vẫn không đuổi kịp vị Sa môn đang bước đi khoan thai chậm rãi kia".*

Angulimàla cầm gươm chạy đuổi theo Đức Phật suốt ba do tuần, đã đuổi sức, dừng chân lại, cất tiếng gọi lớn.

- Này ông Sa môn kia, Hãy dừng lại! Hãy dừng lại!

Đức Phật biết được nhân duyên đã đến, Ngài vừa chậm rãi bước đi, vừa cất giọng phạm âm dạy vọng lại:

- Này Angulimàla, ***Như Lai đã dừng lại lâu rồi! Còn chính con! Chính con mới là người chưa chịu dừng lại!***

Nghe vậy, Angulimàla rất ngạc nhiên suy nghĩ: những Sa môn dòng Sakya này là bậc thường hay nói sự thật, nói như thế nào, làm như thế ấy; làm như thế nào, nói như thế ấy. Nhưng tại sao, ở đây, rõ là ông Sa môn này đang bước đi mà nói là: *"Như Lai đã dừng lại lâu rồi!"*. Còn ta là người dừng chân lại rồi, ông Sa môn lại nói: *"Chính con! Chính con mới là người chưa chịu dừng lại!"*, thế là nghĩa làm sao?

Angulimàla bèn hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Nay ông Sa môn, rõ ràng ông đang đi mà lại nói: "*Như Lai đã dừng lại lâu rồi!*". Còn tôi thì đã dừng chân lại rồi nhưng ông lại nói "*Chính con! Chính con mới là người chưa chịu dừng lại*", nghĩa là sao?

Đức Phật thuyết giảng dạy Angulimàla rằng:

- *Nay Angulimàla, thật vậy, **Như Lai đã dừng lại lâu rồi**. Nghĩa là Như Lai đã từ bỏ sự sát hại tất cả chúng sinh từ lâu rồi; còn con chưa từ bỏ sự sát hại tất cả chúng sinh. Vì vậy, Như Lai mới gọi "**Chính con! Chính con mới là người chưa chịu dừng lại**".*

Angulimàla vừa nghe xong, tỉnh thức ngay, liền ném các loại vũ khí xuống hố sâu bên sườn núi, vì biết rõ vị Sa môn này chính là Đức Thế Tôn, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài là bậc xứng đáng lễ bái cúng dường của chư thiên, Phạm thiên và nhân loại, với tấm lòng đại bi, Ngài ngự đến khu rừng này, để tế độ cho con thoát khỏi si mê lầm lạc, giúp cho con có được trí tuệ sáng suốt, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài cho con. Kể từ nay về sau, con xin nguyện từ bỏ mọi tội lỗi do thân, khẩu và ý. Mong Ngài minh chứng cho con, thành tâm sám hối tội lỗi này.

Angulimàla bạch Đức Thế Tôn xong, rồi đến quỳ đánh lễ dưới chân Đức Phật, cầu xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khưu.

Với tâm từ bi quảng đại, với Phật nhãn thấy rõ phước duyên của Angulimàla đầy đủ tam y quả bát, các vật dụng của Sa môn, cho nên Đức Phật đưa bàn tay phải chỉ ngón trỏ vào Angulimàla mà dạy rằng:

"Ehi bhikkhu.....".

"Con trở thành Tỳ khưu như con đã xin phép. Pháp mà Như Lai đã thuyết dạy hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối, con nên thực hành phạm hạnh cao thượng để giải thoát khổ hoàn toàn".

Đức Thế Tôn dạy xong, Angulimàla liền trở thành vị Tỳ khưu với tướng mạo và đầy đủ tám món vật dụng của Sa môn, phát sanh do phước duyên từ kiếp trước. Từ đây, Tỳ khưu Angulimàla thu thúc lục căn thanh tịnh như một vị Đại đức cao hạ. Tế độ Angulimàla xong, Đức Thế Tôn dẫn vị tân Tỳ khưu theo sau ngự đi về chùa Jetavana.

ĐỨC VUA PANESADI CA TỤNG ĐỨC PHẬT

Cũng trong khoảng thời gian ấy, Đức vua Pasenadi xứ Kosala thân chinh dẫn một đoàn quân gồm 500 binh mã ra khỏi thành truy tìm Angulimàla.

Khi gần đến chùa Jetavana, Đức vua xuống ngựa đến hầu Đức Phật. Thấy Đức vua đến cùng một đoàn quân trang bị vũ khí và binh mã thiện chiến, Đức Thế Tôn bèn hỏi Đức vua Pasenadi:

- Này Đại vương, có phải vị vua các nước láng giềng khiêu chiến nên Đại vương thân chinh, dẫn quân đi đánh phải không?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, không phải Đức vua Bimbisàra trị vì xứ Magadha làm cho con bức tức, cũng không phải Đức vua Licchavi trị vì xứ Vesali chọc giận con, vua các nước lớn, nước nhỏ khác cũng không làm cho con phải khó chịu....

Kính bạch Đức Thế Tôn, bởi vì trong nước của con có tên Angulimàla, kẻ cướp sát nhân rất hung ác và rất tinh nhuệ, nó đã giết nhiều người, cắt đầu ngón tay xâu thành vòng đeo ở cổ. Dân chúng ở gần khu rừng kinh sợ bỏ đi nơi khác lánh nạn, chịu bao nỗi khổ cực thiếu thốn. Cho nên, hôm nay con phải đích thân dẫn tinh binh đi truy tìm Angulimàla, tên cướp sát nhân dã man tàn bạo ấy, đem về triều đình trị tội, để đem lại sự bình an cho dân chúng của con.

- Này Đại vương, nếu Đại vương nhìn thấy Angu-limàla cạo râu tóc, mặc y cà sa xuất gia trở thành Tỳ khưu, hành phạm hạnh cao thượng, có giới hạnh trong sạch, thu thúc lục căn thanh tịnh, thì Đại vương đối xử với vị Tỳ khưu ấy như thế nào?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đối với vị Tỳ khưu ấy, con sẽ cung kính đón tiếp, đánh lễ thỉnh mời ngồi chỗ cao quý và xin hộ độ tứ vật dụng.

Kính bạch Đức Thế Tôn, nhưng Angulimàla là kẻ cướp sát nhân tàn bạo, không còn nhân tính, ác tâm phát sanh, khiến tạo mọi tội lỗi khủng khiếp, thì làm sao có thể trở thành vị Tỳ khưu có giới hạnh trong sạch, thu thúc lục căn thanh tịnh cho được. Bạch Ngài.

Lúc ấy, Tỳ khưu Angulimàla ngồi không xa chỗ Đức Phật, Ngài đưa tay chỉ về phía Tỳ khưu Angulimàla và nói:

- Này Đại vương, vị Tỳ khưu đang ngồi ở chỗ kia chính là Angulimàla đó!

Đức vua Pasenadi vô cùng ngạc nhiên, vẻ mặt hoảng sợ, Đức Phật liền trấn an:

- Này Đại vương, hãy bình tĩnh! Chắc chắn sẽ không bao giờ có một tai họa xảy đến cho Đại vương nào do từ Angulimàla đâu!

Nghe Đức Phật dạy vậy, Đức vua liền trấn tĩnh, nhưng không khỏi ngạc nhiên, nên đến gần vị Tỳ khuru Angulimàla bạch hỏi rằng:

- Thưa Ngài, Ngài chính là Angulimàla phải không?

- Phải vậy, thưa Đại vương. - Vị Tỳ khuru đáp.

Đức vua vẫn chưa hết ngờ vực, hỏi tiếp.

- Thưa Ngài, thân phụ và thân mẫu của Ngài tên gọi là gì?

- Thưa Đại vương, thân phụ của bản đạo tên gọi Gagga, thân mẫu tên gọi là Mantani.

Đến đây, không còn nghi ngờ gì nữa, Đức vua Pasenadi vô cùng hoan hỷ, cung kính đánh lễ Tỳ khuru Angulimàla và bạch rằng:

- Cầu chúc cho người con thân yêu của quân sư Gagga và bà Mantani được an vui! Con xin hộ độ bốn món vật dụng: y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc trị bệnh cho Ngài.

Angulimàla, sau khi trở thành Tỳ khuru đã nguyện thực hành hạnh đầu đà, trì túc trong bốn món vật dụng, nghe Đức vua bạch như vậy nên thưa lại rằng:

- Thưa Đại vương, xin Đại vương đừng bận tâm, vật dụng đối với bản đạo đủ rồi.

Đức vua Pasenadi thấy Đức Phật đã cảm hoá được Angulimàla từ một tên cướp sát nhân dã man, hung ác đã trở thành một Tỳ khuru có giới hạnh trong sạch, thu thúc lục căn thanh tịnh... mà không cần đến một vũ khí, quyền lực nào ngoài tâm đại bi vô lượng vô biên của Ngài. Một lòng tôn kính vô hạn phát sanh, Đức vua quỳ đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi tán dương rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn,*

Thật là một điều phi thường chưa từng có!

Chỉ có Ngài mới có thể tế độ được người mà trên thế gian này không một ai có thể tế độ được! Chỉ có Đức Thế Tôn mới có thể làm vắng lặng phiền não nơi người, mà không một ai có thể làm cho vắng lặng phiền não được!

Với tâm đại bi vô lượng vô biên của Đức Thế Tôn, đã dẫn dắt những người từ nơi si mê tăm tối, tìm đến chỗ ánh sáng trí tuệ kỳ diệu mà không một ai có thể làm được.

Chính con đây, con không thể nào dùng quyền lực hay vũ khí để bắt buộc người khác cải tà quy chánh. Con hết lòng thành kính tri ân Đức Thế Tôn vô thượng!

Đức vua Pasenadi đánh lễ, bái biệt Đức Thế Tôn và Tỳ khuru Angulimàla rồi dẫn quân trở lại kinh thành.

Một buổi sáng, Đại đức Angulimàla mặc y mang bát đi vào thành Sàvatthi để khát thực, khi đi dọc theo một con đường, Ngài nhìn thấy một thai phụ đang đau đớn quằn quại, vì không sanh con ra được, Ngài phát sanh tâm bi: *"Ôi chúng sinh quá đau khổ, thật đáng thương xót thay!"*.

Thấy cảnh đau khổ của người đàn bà ấy, khiến Ngài phát sanh tâm bi cứu khổ, tìm cách nào cứu bà đây? Ngài đi khát thực độ Ngọ xong, trở về chùa Jetavana, Ngài liền vào hầu Đức Phật bạch lại sự việc đã tận mắt chứng kiến, phát sanh tâm bi thương xót đến nỗi khổ của chúng sinh.

Đức Phật dạy:

- Nay Angulimàla, con hãy đi đến chỗ người đàn bà đang đau khổ ấy, phát nguyện bằng lời chân thật rằng:

"Yato'ham bhagini ariyàya jàtiyà jàto, nàbhijànàmi, sancicca pànam jìvità voropetà. Tena saccena sotthi te hotu sottha gabbhassa". [*]

"Này cô, kể từ khi bản đạo xuất gia trở thành Tỳ khuru trong dòng dõi Thánh tông, biết mình không có ý sát hại chúng sinh. Do lời chân thật này, xin cho cô sinh nở được dễ dàng, thai nhi của cô cũng được an toàn".

[*] *Majjhimanikàya. Majjhimapannàsa, đoạn kinh Angulimàlasutta*

Nghe theo lời chỉ giáo của Đức Phật, Đại đức Angulimàla đi lại chỗ người đàn bà ấy, Ngài ngồi bên ngoài bức màn che, với tâm bi, đọc lời chú nguyện: ***"Yato'ham bhagini ariyàya jàtiyà jàto, nàbhijànàmi, sancicca pànam jìvità voropetà. Tena saccena sotthi te hotu sottha gabbhassa."*** [**], mà Đức Phật đã chỉ dạy.

[**] *Về sau, lời chú nguyện này trở thành kinh Paritta, có hiệu nghiệm mọi lúc, mọi nơi. Hễ có trường hợp người đàn bà nào khó sanh, đọc bài kinh này, chú nguyện trong ly nước, đổ trên đầu người đàn bà khó sanh*

ấy, ngay tức khắc người đàn bà ấy sinh con ra một cách dễ dàng, an toàn cả mẹ lẫn con.

Lạ lùng thay! Lời chân thật vừa dứt, người đàn bà sinh đứa con một cách dễ dàng - như đổ nước ra khỏi bình - và hài nhi cũng được an toàn như ý nguyện.

ĐẠI ĐỨC ANGULIMÀLA CHỨNG ĐẮC THÁNH QUẢ ARAHÁN

Đại đức Angulimàla sống riêng một mình nơi thanh vắng, không dễ duôi, tinh tấn tiến hành Tứ niệm xứ, bằng trí tuệ thiền tuệ Siêu tam giới, Ngài đã chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, diệt đoạn tuyệt được vô minh và tham ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Arahán cùng với Tam minh.

Như vậy, Ngài đã hoàn thành xong mọi phận sự Tứ Thánh đế, đồng thời hoàn thành xong phạm hạnh. Ngài biết rõ kiếp này là kiếp chót, không còn tái sanh kiếp nào khác nữa.

Mặc dầu, sau khi Đại đức Angulimàla đã trở thành bậc Thánh Arahán, tất cả mọi nghiệp (thiện nghiệp, ác nghiệp) mới không tạo, song nghiệp cũ vẫn còn có hiệu lực cho quả ở kiếp hiện tại, cho nên khi Ngài đi vào thành Sàvathi để khát thực, những cục đá, những khúc cây... người ta ném đi đâu đó lại rơi xuống trúng nơi đầu hoặc thân hình của Ngài, làm cho đầu bị chảy máu, thân hình bị bầm tím, y rách, bát bể... trông thấy thật đáng thương.

Khi trở về, Đại đức Angulimàla đến hầu Đức Thế Tôn, Ngài thấy như vậy, khuyên dạy an ủi rằng:

- Nay Angulimàla, con hãy cố nhẫn nại, thay vì phải chịu quả khổ lâu dài ở trong địa ngục, thì nay con chỉ chịu quả khổ một phần nào ở kiếp hiện tại này thôi.

Đại đức Angulimàla hoan hỷ vâng theo lời giáo huấn của Đức Phật.

ĐẠI ĐỨC ANGULIMÀLA CẢM HỨNG TỰ THUYẾT

Đại đức Angulimàla chỉ có một mình ở nơi thanh vắng, nhập Arahán Thánh Quả Định, hưởng sự an lạc giải thoát, khi xả định, Ngài cảm ứng tự thuyết những bài kệ rằng:

*"Người nào trước kia dễ duôi quên mình,
Về sau có chánh niệm và tinh tấn,
Người ấy làm cho đời thêm xán lạn,*

*Như vàng trắng thoát khỏi đám mây che.
Người nào đã tạo ác nghiệp tội lỗi,
Quả ác được ngăn bởi 4 Thánh Đạo,
Người ấy làm cho đời thêm xán lạn,
Như vàng trắng thoát khỏi đám mây che.
Tỳ khuru nào đâu còn thời trẻ trung,
Tinh tấn hành theo giáo pháp Đức Phật,
Tỳ khuru ấy làm cho đời xán lạn,
Như vàng trắng thoát khỏi đám mây che.*

Rồi tiếp theo Đại đức rải tâm từ đến cho những người mà Ngài đã làm lỡ,
làm khổ trước đây bằng những bài kệ:

*"Này tất cả những người thù ghét tôi!
Xin hãy đến đây lắng nghe chánh pháp.
Mà tôi đã được nghe từ Đức Phật,
Hãy nên thân cận với bậc Thiện trí,
Là bậc đã chứng ngộ pháp siêu thế,
Xin hãy thực hành theo lời giáo huấn
Của Đức Phật cao thượng hơn chúng sinh.*

*Này tất cả những người thù ghét tôi!
Xin mời quý vị tùy thời nghe pháp.
Bậc Thiện trí thường tán dương ca tụng,
Pháp rải tâm từ và đức nhân nại,
Lắng nghe và thực hành theo pháp ấy,
Dập tắt được oan trái và hận thù.*

*Này tất cả những người thù ghét tôi!
Xin các người không nên làm khổ tôi,
Và không nên làm khổ chúng sinh khác,
Nên tinh tấn thực hành theo chánh pháp
Chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả, Niết Bàn,
Diệt đoạn tuyệt tham ái và phiền não.*

Ngài Đại đức hướng dẫn cách tu hành bằng những bài kệ:

*Người nông dân cần nước,
Làm ruộng dẫn nước vào.
Người thợ làm mũi tên,
Uốn cây tên cho thẳng.
Người thợ mộc đẽo cây,
Đẽo cây theo ý mình.
Cũng như bậc Thiện trí,*

Tự dạy mình mà thôi.
Có người dạy súc vật,
Dùng gậy, móc sắt, roi.
Còn Đức Phật dạy tôi,
Bằng phép mầu cao thượng,
Không quyền lực, vũ khí.
Từ trước tôi làm hại,
Tất cả mọi chúng sinh,
Thế mà mang cái tên,
Là A - him - sa - ka [*] .
Kể từ nay về sau,
Không làm hại ai cả,
Đúng nghĩa thật tên tôi.
Trước kia tôi chính là,
Một kẻ cướp sát nhân,
Nổi danh khắp đó đây,
Aí - gu - li - mà - la,
Đắm chìm trong nước xoáy,
Sanh tử khổ luân hồi.
Nay tôi đến quy y,
Nơi Đức Phật cao thượng.
Từ trước tôi nổi danh,
Aí - gu - li - mà - la,
Kẻ giết người vấy máu.
Nay chứng ngộ Niết Bàn,
Nhỏ gốc rễ tham ái,
Chặt đứt mầm tái sanh.
Tôi đã tạo ác nghiệp,
Đáng lẽ sa ác đạo,
Chịu khổ đau nhiều kiếp.
Nhờ chứng ngộ Thánh Đạo,
A - ra - hán Đạo Tuệ,
Diệt tận các phiền não,
Tâm trong sạch thanh tịnh,
Dùng vật thực không nợ.
Người ngu không trí tuệ,
Thường sống trong dễ duôi.
Bậc Thiện trí hiểu biết,
Giữ gìn không dễ duôi,
Luôn luôn có chánh niệm,
Như giữ gìn của báu.
Chớ nên sống dễ duôi,
Chớ say đắm ngũ trần.

*Người hành Tứ niệm xứ,
Con đường duy nhất ấy,
Luôn tinh tấn chuyên cần,
không dễ đuổi chánh niệm,
Chúng đắc 4 Thánh Đạo,
4 Thánh Quả, Niết Bàn.
Tôi đến với Phật giáo,
Là sự đến tốt lành,
Điều suy xét của tôi,
Không phải là sai lầm.
Tôi đã chứng đắc được,
A-ra-hán Thánh Đạo,
A-ra-hán Thánh Quả,
Cùng Niết Bàn cao thượng,
Trong giáo pháp Đức Phật.
Sự xuất gia Tỳ khưu,
Của tôi là cao quý,
Chúng đắc thành bậc Thánh
A-ra-hán, Tam minh,
Hoàn thành lời Phật dạy.*

[] A-him-sa-ka: vô hại, không làm hại chúng sanh.*

SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ NĂM

ĐỨC PHẬT THẮNG NÀNG CINCÀMANAVIKÀ

-ooOoo-

Đức Phật thắng nàng kỹ nữ Cincàmanavikà, nhờ pháp an tịnh.

(Bộ Chú giải Dhammapadatthakathà, chuyện Cincànavikà; bộ Chú giải Jàtaka ...)

Thuở ấy, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Jetavana gần thành Savàtthi, nhóm các tu sĩ ngoại đạo âm mưu với nàng kỹ nữ Cincàmanavikà vu oan, mắng nhiếc Đức Phật, để làm mất uy tín của Ngài trước tứ chúng đệ tử (*Chuyện xảy ra vào khoảng thời gian sau hạ thứ 7, chưa đến hạ thứ 8 của Đức Phật*).

Vào thời kỳ đầu của chánh pháp, các hàng đệ tử ngày một thêm đông, chư thiên, Phạm thiên, nhân loại đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả vô số không sao kể xiết. Vì vậy, danh thơm tiếng tốt của Đức Phật lan toả khắp mọi nơi. Đại đa số quần chúng trước kia có truyền thống theo các giáo

phái ngoại đạo, nay đã trở thành đệ tử của Đức Phật. Đó là điều mà các tu sĩ ngoại đạo cảm thấy bị tổn thương, những tín đồ cũ không giữ lại được, tín đồ mới không thêm, sự cúng dường lợi lộc càng ngày càng giảm dần.

Khi thấy quần chúng lũ lượt kéo nhau đi nghe pháp cúng dường tứ vật dụng đến Đức Phật và Tăng chúng, các tu sĩ ngoại đạo đã ra đứng chặn giữa đường rồi lớn tiếng thuyết phục:

- Không chỉ Sa môn Gotama là Đức Phật mà chúng tôi đây cũng là Phật. Bồ thí cúng dường đến Sa môn Gotama có phước nhiều, quả báo nhiều, thì bồ thí cúng dường đến chúng tôi cũng như vậy!

Mặc dù các tu sĩ ngoại đạo gắng sức rao truyền quảng cáo, cũng không thể đem lại đức tin cho quần chúng được nữa. Khi mà đức tin đã mất thì danh vọng, lợi lộc của chúng đều bị suy giảm. Bởi vậy, chúng họp bàn với nhau bày mưu kế thâm độc để hạ uy tín của Đức Phật.

Thời ấy, trong thành Savatthi có người kỹ nữ duyên dáng, xinh đẹp như thiên nữ tên là Cincàmàna-vikà, nàng vốn là đệ tử thuần thành của các tu sĩ ngoại đạo. Thấy sắc đẹp tuyệt trần của nàng Cincà-mànavikà, các tu sĩ ngoại đạo nghĩ ra diệu kế: *"Chúng ta dùng nàng kỹ nữ Cincàmànavikà giả mang thai với Sa môn Gotama, gây ra sự hiểu lầm làm mất uy tín của y!"*.

Mưu kế ấy được họ chấp nhận.

Một hôm, như lệ thường nàng Cincàmànavikà đến tu viện ngoại đạo, làm lễ các tu sĩ xong, nàng ngồi một bên. Nàng Cincàmànavikà rất ngạc nhiên không hiểu sao hôm nay các tu sĩ ngồi im lặng không nói với nàng một câu nào. Nàng thoáng nghĩ: *"Mình có lỗi gì đây"*.

Nàng bạch vị Trưởng lão rằng:

- Kính bạch Ngài, con đã lễ bái quý Ngài ba lần rồi, nhưng con không biết con có lỗi gì mà quý Ngài không nói với con một lời nào?

Vị trưởng lão tỏ vẻ nghiêm nghị nói với nàng:

- Không! Này con, con là một đệ tử rất tốt, con không có lỗi gì! Hiện nay đời sống của quý thầy khổ sở, thiếu thốn lắm con à, vì vậy, quý thầy buồn bực, khổ tâm, không ai buồn nói với ai điều gì nữa.

Nàng Cincàmànavikà ngạc nhiên nóng lòng hỏi:

- Kính bạch quý Ngài, trước đây đời sống của quý Ngài được đầy đủ lắm, sao hiện nay lại lâm vào hoàn cảnh khổ cực như vậy?

- Nay Cincàmànavikà, con không biết gì hay sao? Chính Sa môn Gotama đã làm khổ quý thầy, chính Sa môn Gotama đã làm mất hết cả uy tín, danh vọng và những lợi lộc cúng dường... cho nên, quý thầy phải sống trong cảnh thiếu thốn khổ cực như vậy.

Nàng Cincàmànavikà cảm thấy rất đau lòng, chân tình thưa:

- Vậy mà con có hay biết gì đâu? Không biết con có thể làm gì, để giúp đỡ cho quý Ngài?

Các vị tu sĩ ngoại đạo giả vờ im lặng một lúc rồi có vị nói:

- Chỉ sợ con ngại khó, mà không giúp quý thầy đó thôi.

Nàng Cincàmànavikà mau mắn đáp:

- Không, khó khăn gì con cũng có thể làm được, miễn là làm sao cho quý Ngài được sống an lạc, thế là con mãn nguyện lắm rồi.

Vị tu sĩ ngoại đạo nghiêm chỉnh nói:

- Đây là việc rất hệ trọng, đòi hỏi con phải khôn khéo. Nếu con thật tình muốn giúp đỡ quý thầy, thì chỉ có một phương pháp duy nhất là con hãy dùng cái sắc đẹp duyên dáng đầy quyến rũ của con, làm thế nào đó giả mang thai với Sa môn Gotama. Con làm được như vậy, sẽ làm giảm uy tín của Sa môn Gotama, như thế thì phần đông tín đồ của Sa môn Gotama sẽ trở về lại với chúng ta.

Nàng Cincàmànavikà hớn hờ nói:

- Đúng vậy, kế này rất hay! Xin quý Ngài hãy tin tưởng nơi con, con sẽ cố gắng làm tròn bổn phận để đền đáp công ơn của quý Ngài đối với con.

Từ hôm ấy, cứ vào mỗi buổi chiều dân chúng trong thành Sàvatthi sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp tại chùa Jetavana xong, đánh lễ Đức Phật trở về nhà, họ thường gặp nàng Cincàmànavikà ăn mặc đẹp đẽ rất quyến rũ, cầm một bó hoa trên tay đang đi trên đường hướng đến chùa Jetavana, có người tò mò dừng lại hỏi:

- Chiều tối rồi, cô đi đâu mà ăn mặc đẹp vậy?

Nàng Cincàmànavikà trả lời cố ý tạo ra một sự nghi ngờ:

- Tôi đi đâu là việc của tôi, quý vị biết phỏng có ích lợi gì!

Nói xong, nàng bước đi theo hướng đến chùa Jetavana, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó.

Rồi sáng hôm sau, khi có một số cận sự nam, cận sự nữ đem vật dụng đến chùa Jetavana để cúng dường Đức Phật và Tăng chúng, thì thấy nàng Cincà-mànavikà từ hướng chùa Jetavana trở lại thành Savatthi, người ta lại hỏi nàng:

- Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?

Nàng Cincàmànavikà ồm ờ đáp:

- Tôi nghỉ đâu có nơi có chỗ của tôi, quý vị biết phỏng có lợi ích gì!

Và từ đó, cứ vào mỗi buổi chiều và mỗi buổi sáng, từ tháng này sang tháng khác, nàng Cincàmàna-vikà đều làm như vậy. Cho đến một hôm, có số người cận sự nam, cận sự nữ khác hỏi rằng:

- Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?

Nàng Cincàmànavikà thấy đã đến lúc cần phải nói, để bắt đầu gây ra sự ngờ vực.

- Chuyện riêng tư của tôi mà quý vị muốn biết hay sao? Sớm muộn gì quý vị cũng sẽ biết thôi mà! Nếu quý vị muốn biết bây giờ tôi xin khai thật: *"Đêm qua tôi nghỉ ở Gandhakuti chung với Sa môn Gotama để phục vụ Ngài, là một niềm vinh dự lớn lao của đời tôi"*. Nói xong, nàng tỏ vẻ đắc ý bỏ vào thành.

Khi nghe nàng Cincàmànavikà nói vậy, có số cận sự nam, cận sự nữ thiếu trí nên sanh tâm bán tín bán nghi cho đến khi trải qua 3-4 tháng, nàng Cincà-mànavikà lấy vải độn bụng, mặc áo lụng thụng che bên ngoài làm như người đang mang thai. Có một số người không có trí tuệ, không hiểu biết về giáo pháp của Đức Phật nghĩ là cô Cincàmànavikà thật sự có thai với Sa môn Gotama rồi.

Thời gian đã đến 9 tháng, màn kịch hạ uy tín Đức Thế Tôn đến hồi chung cuộc. Nhóm tu sĩ ngoại đạo gọi nàng Cincàmànavikà đến, họ dùng một miếng gỗ dẻo hình dạng giống như cái thai sắp đến ngày sinh nở, có bốn đầu giây ràng, bảo nàng Cincà-mànavikà mang vào buộc chặt sau lưng, mặc áo phủ kín lại, nhìn giống như người mang thai thật, xong nhóm tu sĩ ngoại đạo dùng cây đánh ở sống bàn tay, bàn chân cho sưng lên nhìn đúng là người đàn bà sắp đến thời kỳ sinh nở.

ĐỨC PHẬT THẮNG NÀNG CINCÀMÀNAVIKÀ

Vào một buổi chiều, khi Đức Phật đang ngự trên pháp toà, tại giảng đường chùa Jetavana, tứ chúng đệ tử đang ngồi im lặng lắng nghe pháp như thường lệ, thì nàng Cincàmànavikà từ ngoài xông xộc đi vào, đến trước Đức Phật, chỉ tay buông lời mắng nhiếc:

- Nay ông đại Sa môn Gotama! Ông thuyết pháp thật là hay, thật là giỏi, ông tế độ biết bao nhiêu người, còn tôi sao ông không tế độ? Tôi bụng mang dạ chửa là vì ông, ông nói ngon nói ngọt với tôi, bảo là sẽ giúp tôi thế này, thế nọ.... Hôm nay, sắp đến ngày sinh nở, ông lo thuyết pháp tế độ người khác, chẳng đoái hoài gì đến tôi. Dầu ông bận không lo cho tôi được, thì ông bảo những người hộ độ ông như Đức vua Pasenadi, ông phú hộ Anàthapindika, bà Visàkhà... lo cho tôi cũng được. Nhưng đằng này, ông chỉ biết thoả mãn dục vọng cá nhân, ông không hề biết đến nỗi khổ của tôi phải chịu bụng mang dạ chửa như thế này đây!

Nghe nàng Cincàmànavikà mắng nhiếc, Đức Phật ngưng thuyết pháp, vẫn ngồi an nhiên tự tại, an tĩnh trên pháp toà rồi từ tốn nói:

"Bhagini, tayà kathitassa tathabhàvam và vitathabhàvam và ahameva ca tvanca jànàma". [*]

- Nay cô em! Cô nói lời chân thật hay giả dối chỉ có Như Lai và cô biết rõ mà thôi?

[] Bộ Chú giải Dhammapadatthakathà, chuyện Cincàmànavikàvatthu*

Nàng Cincàmànavikà liền đáp:

- Đúng vậy, này ông đại Sa môn! Chỉ có ông và tôi biết rõ mà thôi!

Ngay giây phút ấy, tại cung trời Tam thập tam thiên, bảo toà của vua trời Sakka nóng lên, bằng thiên nhãn quan sát nguyên nhân, vua trời thấy rõ ràng nàng Cincàmànavikà đang mắng nhiếc Đức Phật trước tứ chúng đệ tử, bởi những chuyện không có thật. Đây là âm mưu thâm độc của nhóm tu sĩ ngoại đạo, dùng cô kỹ nữ Cincàmànavikà vô liêm sỉ, cố ý làm hạ uy tín của Đức Phật trước tứ chúng đệ tử. Vua trời Sakka quyết định phải làm sáng tỏ chuyện này. Vua trời cùng bốn thiên nam xuất hiện xuống giảng đường chùa Jetavana ngay tức khắc. Bốn vị thiên nam, theo lệnh của vua trời hoá thành bốn con chuột, cùng một lúc bò lên cắn đứt bốn sợi dây cột tám gỗ, hình dạng giống bào thai ràng buộc sau lưng nàng Cincàmànavikà, đồng thời vua trời hoá một luồng gió thổi cho tám gỗ kia rơi xuống đất đụng nhằm hai bàn chân của nàng Cincàmànavikà, làm cho đôi chân của nàng bầm máu.

Sự việc xảy ra trong thời gian ngắn ngủi, mọi sự thật hiển nhiên phơi bày trước mắt tứ chúng đệ tử. Nàng Cincàmànavikà bị mắng nhiếc không tiếc lời, có người đánh đập, nhổ nước bọt rồi xua đuổi nàng ra khỏi khuôn viên chùa. Nàng Cincàmànavikà thất vọng, thất tha thất thểu bước đi ra vừa khuất tầm mắt của mọi người, *mặt đất liền nứt ra làm hai, phát lên một tia lửa thiêu cháy nàng rồi rút xác nàng xuống sâu dưới lòng đất*. Sau khi nàng Cincàmànavikà chết, do ác nghiệp ấy cho quả tái sinh vào đại địa ngục Avìci chịu quả khổ do ác nghiệp đã tạo.

Chuyện nàng Cincàmànavikà vu không Đức Phật đã lan truyền khắp mọi nơi, từ xứ này sang xứ khác. Và ai ai cũng đều biết đó là âm mưu thâm độc đê tiện của nhóm tu sĩ ngoại đạo. Một số người trước kia còn hộ độ nhóm tu sĩ ngoại đạo, nay họ nghe thấy như vậy, mất hết đức tin, nên không còn phát tâm cúng dường các món vật dụng cho nhóm tu sĩ ngoại đạo nữa, đời sống của nhóm tu sĩ ngoại đạo thiếu thốn khổ cực nay lại càng tệ hại hơn nữa.

Trái lại, dân chúng khắp mọi nơi phát sanh thiện tâm trong sạch cúng dường Đức Phật và chư Tăng các món vật dụng sung túc, bởi vì, số người nào chưa có đức tin thì nay lại có đức tin nơi Tam bảo, số người nào đã có đức tin nơi Tam Bảo rồi lại càng thêm tăng trưởng.

Đức Phật đã thắng lời vu khống của nàng Cincàmànavikà nhờ pháp an định.

CÂU CHUYỆN TIỀN KIẾP

Ngày hôm sau, trong giảng đường chùa Jetavana, chư Tỳ khuru hội họp bàn luận chuyện nàng Cincàmànavikà vu khống, mắng nhiếc Đức Phật, do đó, nàng bị lửa thiêu, đất rút chết rồi sa vào cõi địa ngục Avìci, chịu quả khổ lâu dài do ác nghiệp của mình đã tạo, vừa lúc ấy, Đức Thế Tôn ngự đến, Ngài hỏi:

- Nay chư Tỳ khuru, các con đang bàn luận về chuyện gì vậy?

Chư Tỳ khuru bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con đang bàn luận về chuyện nàng Cincàmànavikà.

Đức Phật dạy:

- Nay chư Tỳ khuru, không phải chỉ kiếp hiện tại này, nàng Cincàmànavikà mới vu khống, mắng nhiếc Như Lai, để dẫn đến quả khổ

tai hại đất rút chết rồi sa vào địa ngục Avìci, mà trong kiếp quá khứ của cô ta cũng từng làm như vậy.

Nghe dạy vậy, muốn biết chuyện tiền kiếp của nàng Cincàmànavikà, chư Tỳ khuru kính thỉnh Đức Phật thuyết lại chuyện tiền kiếp của nàng.

Tóm lược như sau:

Một thời quá khứ xa xưa, có Đức vua Brahma-datta trị vì xứ Bàranasì. Lúc ấy, Đức Bồ Tát hạ sanh vào lòng Hoàng hậu của Đức vua Brahmadata. Khi Đức Bồ Tát chào đời, Đức vua, Hoàng hậu và cả hoàng tộc đều vui mừng hơn hở, nhìn thấy Đức Bồ Tát đẹp đẽ và dịu hiền như một đoá hoa sen mới nở, nên đặt tên cho Thái tử là Paduma.

Thái tử trưởng thành, tài trí và đức hạnh đều vẹn toàn, được Đức vua, Hoàng hậu, hoàng tộc và cả triều đình thầy đều quý mến. Vì muốn cho Thái tử văn võ thầy đều song toàn, nên Đức vua đã gửi Thái tử đi học ở xứ Takkasilà. Lúc Thái tử thành tài trở lại hoàng cung thì Hoàng hậu đã quy thiên, Đức vua phong một người thứ phi còn trẻ lên ngôi Hoàng hậu và tấn phong cho Thái tử làm phó vương.

Nhằm lúc biên thùy nổi loạn, Đức vua thân chinh cầm quân dẹp loạn. Trước khi ra đi, Đức vua bảo Hoàng hậu rằng:

- Này ái khanh, ái khanh ở lại bảo trọng sức khoẻ, còn trẫm phải ra biên thùy dẹp loạn, chẳng bao lâu, trẫm sẽ trở về!

Đức vua dạy Thái tử phó vương:

- Bây giờ hoàng nhi thay cha cầm quyền trị nước! Đối với quần thần, con phải anh minh sáng suốt, phán xét mọi việc công minh chánh trực. Đối với Hoàng hậu con phải phụng dưỡng giống như mẫu hậu của con vậy!

Đức Bồ Tát phó vương tuân lệnh, rồi đưa tiễn vua cha lên đường.

Đức vua đi rồi, phó vương ở lại chăm lo việc triều chính một cách nghiêm minh, quần thần đều mến phục. Phó vương thỉnh thoảng ghé thăm Hoàng hậu, vấn an sức khoẻ, thăm hỏi ân cần, lễ độ đúng theo bốn phận làm con, như vua cha truyền dạy. Nhưng Hoàng hậu nhìn thấy phó vương trẻ đẹp như vị thiên thần nên phát sanh tâm dục vọng. Tuy nhiên, chính sự lễ độ, tôn trọng của phó vương làm cho bà chưa dám hành động xấu.

Đức vua dẹp loạn xong, dẫn quân trở về kinh thành. Giữa đường Đức vua ra lệnh cho tướng sĩ dựng trại nghỉ ngơi, rồi truyền các quan báo tin cho Thái tử phó vương trang hoàng nội cung để ăn mừng chiến thắng. Thái tử

được tin phụ vương sắp trở về nên lo trang hoàng cung điện thật lộng lẫy. Lúc ấy, Thái tử một mình đến thăm kế mẫu. Riêng bà Hoàng hậu đã có tâm dục vọng thấp hèn từ lâu, nên vừa nhìn thấy Thái tử liền phát sanh tâm ái dục.

Thái tử làm lễ xong bèn thưa:

- Kính thưa mẫu hậu, mẫu hậu cần việc gì để con phụng sự?
- Bà lả lơi nói rằng: *"Từ nay chàng đừng gọi em là mẫu hậu nữa!"*.

Rồi bà bước xuống nắm tay Thái tử và bảo:

- Chàng hãy bước lên cùng em.

Thái tử quá đỗi ngạc nhiên và thưa:

- Thưa mẫu hậu, người nói gì vậy?

Bà mỉm cười khiêu gợi, dịu dàng nói:

- Chàng và em hưởng lạc trong lúc Đức vua chưa trở về.

Vẽ mặt Thái tử trang nghiêm thưa:

- Thưa mẫu hậu, mẫu hậu là Hoàng hậu của phụ vương, là kế mẫu của con, con đâu dám làm chuyện tà trời như thế được?

Bà Hoàng hậu nài nỉ hai ba lần, Thái tử vẫn một mực từ chối. Bực mình quá, bà vừa ra lệnh vừa hăm dọa:

- Nếu người cả gan không chịu làm theo lời của ta, ta sẽ trình tâu với Đức vua, người dụ dỗ ta không được nên cưỡng bức, hăm hiếp ta! Lúc ấy, Đức vua sẽ hành tội giết chết người.

Thái tử vẫn đồng dục nói:

- Thưa mẫu hậu, con chẳng bao giờ làm trái với luân thường đạo lý, còn mẫu hậu trình tâu với Đức vua thế nào tùy mẫu hậu!

Thái tử xin phép lui ra.

Bà hoàng hậu vừa tức giận, vừa hổ thẹn, và lúc ấy bà sực tỉnh mà sợ rằng:

"Nếu Thái tử Paduma tâu Đức vua biết chuyện này, thì ta khó sống nổi, vậy ta phải hạ thủ trước mới được!".

Thế rồi đi thực hiện việc đã tâm, bà bắt đầu nhin ăn, mặc y phục cũ, lấy tay cào cào thành vết trầy trụa trên thân thể rồi dạy bảo các người hầu nữ rằng:

- Nay các em, Đức vua trở về có hỏi đến ta thì nói Hoàng hậu lâm bệnh nặng.

Nói xong, bà bước vào hậu cung đóng kín cửa.

Đức vua về đến kinh thành, Đức phó vương dẫn bá quan ra tận cổng thành nghinh đón Đức vua, quỳ lạy và tung hô vạn tuế. Đức vua Brahmadata hài lòng hỏi han công chuyện ở triều đình, Đức phó vương trình tâu vắn tắt nhưng đầy đủ, bước vào cung điện, thấy trần thiết huy hoàng, các quan đứng theo vị trí rất chỉnh tề và thứ tự. Đức vua không ngớt khen ngợi là phó vương có đầu óc, biết tổ chức và sắp xếp mọi việc.

Sau khi bá quan lui ra, quân lính trở về doanh trại đợi lệnh khen thưởng, Đức vua liền đi thẳng vào nội cung, không thấy Hoàng hậu đón tiếp như mọi lần, Đức vua bèn hỏi người hầu nữ:

- Hoàng hậu ở đâu mà sao trẫm không thấy?

- Tâu đại vương, lệnh bà lâm bệnh nặng đang nằm trong hậu cung.

Đức vua đến nơi thăm hỏi, nhưng hỏi thế nào hoàng hậu vẫn im lặng không đáp, Đức vua lấy làm bực mình hỏi gắt:

- Nay ái khanh, lý do gì mà ái khanh không nói chuyện với trẫm?

Bà ngồi dậy khóc âm ức, tức tởm tâu rằng:

- Tâu Hoàng thượng, thần thiếp là Hoàng hậu của Hoàng thượng thế mà có người bức hiếp thần thiếp đến như thế này!

Chưa rõ nguồn cơn ra sao, Đức vua đã nổi trận lôi đình.

- Ai dám bức hiếp ái khanh? Hãy nói cho trẫm biết ngay, trẫm sẽ trị tội chết.

Bà hoàng hậu tâu:

- Tâu Hoàng thượng, Hoàng thượng trao quyền cho ai trông coi kinh thành này, lúc Hoàng thượng đi dẹp loạn?

- Chẳng lẽ là hoàng nhi, phó vương Paduma?

Bà cất giọng khẳng định:

- Tâu Hoàng thượng, chính là vị phó vương cao quý của bộ hạ, chính y đến nơi đây muốn cưỡng bức thần thiếp cho thoả mãn dục vọng của y, mặc dầu thần thiếp khản khoản van xin: *"Này hoàng nhi, con đừng làm việc tội lỗi loạn luân như vậy, dù sao ta cũng là Hoàng hậu của phụ vương con, là kế mẫu của con!"*.

Nghe thần thiếp nói vậy, Thái tử buông lời ngạo mạn khi quân: *"Ngoài ta ra, còn ai là Hoàng thượng nữa, vậy em hãy cùng ta hưởng lạc thú ái ân!"*. Thần thiếp không chịu làm theo ý ngông cuồng của Thái tử, lúc ấy Thái tử tức giận nắm lấy đầu tóc của thần thiếp lôi đi, đánh đập thần thiếp một cách dã man, không thoả mãn dục vọng của mình, phó vương tức giận bỏ đi ra.

- Tâu bộ hạ, xin bộ hạ cứu thần thiếp!

Đức vua nhìn thấy những vết trầy trụa trên thân hình của Hoàng hậu, người nổi cơn thịnh nộ, rồi tức tốc ra lệnh cho nhóm ngự lâm quân đến lầu đài của phó vương Paduma, bắt phó vương trói lại bằng sợi dây xích sắt, lôi đi quanh thành, đồng thời cho lính dùng loa tuyên bố tội trạng của phó vương cho muôn dân được biết:

"Phó vương toan phạm tội loạn luân, dùng vũ lực bức hiếp Hoàng hậu là mẹ kế của mình".

Đức phó vương biết rõ đây là âm mưu thâm độc của Hoàng hậu muốn hại mình, nên nói với dân chúng rằng: *"Ta không phải là con người xấu xa để tiện như vậy! Ta hoàn toàn vô tội!"*.

Dân chúng trong thành Bārāṇasī từ lâu biết Đức phó vương là bậc Thiện trí, chẳng bao giờ làm điều trái luân thường đạo lý, chắc chắn đó là âm mưu độc ác vu khống đức phó vương, mọi người ghen ngào khóc than rằng: *"Sự việc này không đáng xảy ra cho đức phó vương, chúng tôi biết Ngài bị hàm oan"*.

Nhóm ngự lâm quân giải Đức phó vương đến quỳ dưới chân Đức vua Barahmadatta, vừa thấy mặt Đức phó vương, Đức vua nổi cơn giận dữ tuyên bố giữa đám quần thần rằng:

- Thái tử này chưa phải là vua mà tự xưng mình là vua trước mặt Hoàng hậu, ấy là khi quân, phạm thượng - tội thứ nhất.

- Tội thứ hai, dám cả gan toan bức hiếp Hoàng hậu, kế mẫu của y, phạm tội loạn luân.

Nay ta phán lệnh án:

- *Các người đem Thái tử ném xuống vực sâu, chỗ thường hay hành hình bọn cướp, cho nó chết tan xương nát thịt.*

Thái tử có vẻ điềm tĩnh, từ tốn tâu phụ hoàng rõ:

- Tâu phụ vương, con biết rõ, con không làm điều gì nên tội, con hoàn toàn vô tội, xin phụ vương hãy nên suy xét lại cho phân minh, chính chắn, xin đừng tin những lời của kẻ mầu, mà giết oan con.

Lúc ấy, hàng trăm cung phi mỹ nữ ôm nhau than khóc tỏ ý vô cùng thương tiếc vị Thái tử hiền lành phúc hậu, các vị bề tôi trong hoàng tộc và các quan đại thần trong triều đồng bước ra quỳ xuống trình tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, Đức phò vương là người có tài đức vẹn toàn, có đức hạnh cao quý, lẽ nào lại làm việc trái với luân thường đạo lý? Xin bệ hạ hãy suy xét phân minh, trước khi phán quyết tội trạng kéo hồi hận thì đã muộn rồi!

Đức vua giận dữ mà phán rằng:

- Tại sao các người đồng bênh vực cho Thái tử, lại chẳng có ai lên tiếng bảo vệ Hoàng hậu là người đức hạnh đoan trang, hiền thực vậy!

Ta truyền lệnh: "Đem Thái tử Paduma ném xuống hồ sâu, chỗ thường hay ném các tên cướp ngay!".

Lệnh phán truyền tới hậu của Đức vua làm cho mọi người bàng hoàng, một số ngất đi, một số ngậm ngùi than khóc.

Nhìn cảnh tượng ấy, Đức vua suy nghĩ: *"Ai ai cũng tỏ vẻ thương tiếc Thái tử cả, trước tình trạng này, thì chính ta phải đích thân theo lên núi truyền lệnh cho lính nắm hai chân hắn đưa lên trên, đầu dốc ngược xuống, rồi ném xuống vực thẳm. Nếu không có ta, bọn lính kia thương mến Thái tử, âm mưu tha chết cho Thái tử, ta làm sao biết được!"*.

Dầu biết mình sắp chết, Đức phò vương vẫn rải tâm từ đến Đức vua, Hoàng hậu, tất cả mọi người, tâm không sân, không hận, chừ thiên ở núi rừng thương mến Đức Bồ Tát nên hiện ra cốt để cho một mình Đức Bồ Tát nhìn thấy, rồi thưa rằng:

- Xin Thái tử an tâm, có chúng tôi cứu Ngài.

Khi Thái tử vừa rơi xuống vực sâu, Long vương hiện ra dùng thần thông đón nhận Thái tử một cách nhẹ nhàng, Long vương cung thỉnh Đức Bồ Tát về long cung, rồi chia cho Đức Bồ Tát một nửa giang sơn để cùng nhau trị vì.

Đức Bồ Tát hưởng an lạc tại cõi Long cung được một năm, sau đó Đức Bồ Tát khẩn khoản xin Long vương trở lại cõi người với ý nguyện ***xuất gia làm đạo sĩ***, Long vương rất kính phục Đức Bồ Tát và tôn trọng nguyện vọng của Ngài nên làm lễ tiễn đưa Ngài đến tận núi Himavantu.

ĐỨC BỒ TÁT XUẤT GIA LÀM ĐẠO SĨ

Đức Bồ Tát vào dãy núi Himavantu xuất gia làm đạo sĩ, hằng ngày sống bằng các loại trái cây và thực hành pháp hành thiền định, một thời gian không lâu, Ngài đã chứng đắc Bát thiền (*4 bậc thiền hữu sắc và 4 bậc thiền vô sắc*), và đắc ngũ thông (*thần thông, nhãn thông, nhĩ thông, túc mạng thông và tha tâm thông*).

Một hôm có người thợ săn gặp Đức Bồ Tát đạo sĩ, nhìn thấy hình dáng, khuôn mặt của Đức Bồ Tát, người thợ săn vô cùng ngạc nhiên, kính cẩn hỏi rằng:

- Kính thưa đạo sĩ, có phải Ngài là Thái tử Paduma không?

Đức Bồ Tát đạo sĩ chân thật đáp:

- Phải, trước đây, bản đạo ta Thái tử Paduma, con của Đức vua Brahmadatta.

Người thợ săn gặp lại Thái tử Paduma là đạo sĩ cảm thấy rất hân diện, vui mừng nên tình nguyện ở lại vài ngày để hầu hạ đạo sĩ. Mấy hôm sau trở lại kinh thành, người thợ săn ngay lập tức đến cung điện xin bệ kiến Đức vua Brahmadatta rồi tâu trình rằng:

- Muôn tâu Hoàng thượng, hạ thần có gặp một đạo sĩ, chính là Thái tử Paduma con của Hoàng thượng, ở trong một cốc lá tại núi Himavantu, hạ thần đã ở đó mấy hôm để hầu hạ Ngài.

Đức vua Brahmadatta đích thân ra lệnh ném Thái tử xuống vực sâu trong lúc nóng giận, không suy xét chín chắn, lúc bình tĩnh, Đức vua hồi tưởng lại gương mặt hiền hậu và thông minh sáng suốt của Thái tử, đặc biệt nhất là tính tình trung thực, từ nhỏ đến lớn chưa hề nói lời dối trá, dầu là việc nhỏ. Thái tử làm thế nào, nói thế ấy; nói thế nào, làm thế ấy. Đức vua nhớ lại lời Thái tử tâu "*Con hoàn toàn vô tội, xin phụ vương hãy suy xét lại cho phân minh chín chắn, xin đừng tin những lời của kẻ mẫu mà giết oan*

con!". Chắc chắn đó là những lời chân thành của Thái tử, giờ đây vắng vắng bên tai. Và còn những lời của các vị trung thần tâu: *"Đức phò vương là người có tài đức vẹn toàn, có đức hạnh cao quý, lẽ nào lại làm việc trái với luân thường đạo lý, xin bệ hạ hãy suy xét phân minh trước khi phán quyết tội trạng, kẻo hối hận thì đã muộn rồi!"*.

Đúng là bây giờ ta ăn năn hối hận thì đã muộn rồi!

Bây giờ nghe người thợ săn báo tin Thái tử còn sống, Đức vua xiết bao vui mừng, cất giọng hỏi dồn dập:

- Quả thật vậy không? Chính người thấy tận mắt ư? Đúng đạo sĩ là Thái tử Paduma con của trẫm đó chứ?

Người thợ săn khẳng định chắc chắn một lần nữa:

- Đúng vậy, tâu bệ hạ, chính hạ thần đã nghe rõ vị đạo sĩ đã xác nhận: ***"trước đây, bản đạo là Thái tử Paduma con của Đức vua Brahmadata"***, hạ thần đã ở hầu Thái tử mấy ngày qua.

Vô cùng vui mừng, ngay tức khắc Đức vua ra lệnh chuẩn bị xa giá, triệu tập các vị bô lão trong hoàng tộc, các quan đại thần cùng quân lính rầm rộ kéo đến núi Himavantu để nghinh đón Thái tử, có người thợ săn dẫn đường.

Đến bìa rừng, Đức vua ra lệnh đóng quân, còn Đức vua cùng các vị bô lão, đại thần đi bộ đến cốc lá của Thái tử Paduma.

Đức Bồ Tát đón tiếp, vấn an phụ vương và các quan rồi mời dùng trái cây rừng thanh đạm. Đức vua nhìn thấy Thái tử sắc diện tươi trẻ, trầm tĩnh đáng kính, hàn huyên câu chuyện, Đức vua tò mò hỏi lý do làm sao Thái tử đã rơi xuống vực sâu mà còn sống được?

Đức Bồ Tát thành thật kể lại rằng:

- Thừa phụ vương, khi con vừa rơi xuống thì có chư thiên và Long vương cứu giúp. Long vương thỉnh xuống long cung chia một nửa giang sơn cho con trị vì, được một năm, con xin trở lại cõi người để xuất gia làm đạo sĩ.

Nghe xong, Đức vua vô cùng hoan hỷ bèn quỳ xuống, Đức Bồ Tát liền đỡ vua cha lên, Đức vua nói:

- Nay hoàng nhi, phụ vương hoàn toàn tin theo lời của con, phụ vương là người si mê, đã tin theo lời người đàn bà làm cho con khổ, phụ vương đã biết lỗi của mình, chính con là bậc có giới đức trong sạch hoàn toàn.

Đức vua nói xong, liền quỳ xuống đánh lễ đạo sĩ và tiếp:

- Nay hoàng nhi, xin con từ bi tha thứ những lỗi lầm của phụ vương.

Đức Bồ Tát đạo sĩ thưa:

- Kính thưa phụ vương, sự việc đã qua rồi, con không dám bắt lỗi phụ vương đâu, con chỉ xin phụ vương dẫu việc nhỏ hay lớn, phụ vương nên suy xét cho chu đáo, phân minh rồi mới phán quyết, để cho thần dân thiên hạ được nương nhờ đức lành của bậc thiên tử.

Đức vua hoan hỷ tiếp lời:

- Nay hoàng nhi, phụ vương xin thỉnh mời con về triều, phụ vương sẽ làm lễ truyền ngôi cho con theo truyền thống của dòng tộc. Nếu được vậy, thứ nhất là phụ vương có cơ hội chuộc lại lỗi lầm, thứ hai là chứng tỏ con đã thật sự tha thứ cho phụ vương và thứ ba là thần dân trăm họ được hưởng đức lành của đấng minh quân.

Đức Bồ Tát đạo sĩ thưa:

- Con xin tri ân phụ vương, con xin phép thưa phụ vương rằng: ví như người nuốt phải lưỡi câu, may mắn làm sao, người ấy nhả được lưỡi câu dính đầy máu kia ra rồi, được an lạc như thế nào, người xuất gia làm đạo sĩ cũng cảm thấy mình như thế ấy.

Đức vua bèn hỏi:

- Nay con, xin giải thích cho cha hiểu:

"Cái gì gọi là lưỡi câu?".

"Cái gì gọi là lưỡi câu dính đầy máu?".

"Thế nào gọi là nhả lưỡi câu dính đầy máu?".

Đức Bồ Tát đạo sĩ điềm nhiên giải thích.

- Kính thưa phụ vương, kính xin phụ vương hiểu như vậy:

* Ngũ trần: sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, xúc êm ấm gọi là lưỡi câu.

* Ngai vàng, danh vọng, vợ đẹp, con yêu, ngọc ngà, châu báu của cải, sự nghiệp... gọi là lưỡi câu dính đầy máu.

* Sự từ bỏ tất cả đi xuất gia, không dính mắc gì cả gọi là nhả lưỡi câu dính đầy máu.

Đức Bồ Tát đạo sĩ thừa tiếp:

- Thừa phụ vương, bây giờ con đã xuất gia trở thành đạo sĩ rồi, nên việc phụ vương truyền ngôi cho con là không thể chấp nhận được. Kính xin phụ vương tiếp tục trị vì xứ sở bằng thiện pháp; đừng để bốn pháp thiên vị: *thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ* chi phối làm ô nhiễm tâm trí của phụ vương, hầu đem lại sự an vui, hạnh phúc cho thần dân thiên hạ, đem lại thái bình thịnh vượng cho xứ sở.

Đức vua vô cùng cảm kích trước tấm lòng cao quý của Thái tử và cảm động quá, Đức vua đã khóc thật, những giọt nước mắt của sự ăn năn biết lỗi, nhưng đành phải từ giả Thái tử cao quý, bậc đạo sĩ cao thượng có giới đức trong sạch, có trí tuệ siêu phàm trở lại hoàng cung.

Trên đường về, Đức vua hỏi các quan:

- Trẫm phải xa cách Thái tử, người con cao quý, bậc có giới đức và trí tuệ trong sáng, lý do bởi đâu hở các khanh ?

Một lão thần tâu:

- Tâu bệ hạ, bởi do Hoàng hậu.

Đức vua truyền lệnh bắt Hoàng hậu ném xuống vực sâu, chỗ trước đây đã ném Thái tử.

Từ đó về sau, Đức vua Brahmadatta trị vì đất nước bằng thiện pháp, tránh bốn pháp thiên vị, đem lại sự an lạc cho hoàng tộc và thần dân thiên hạ trong xứ sở.

Đức Phật thuật lại chuyện tiền thân ở quá khứ. Bây giờ, kiếp hiện tại những nhân vật là:

- Bà kế mẫu kiếp trước kia, nay kiếp hiện tại này là nàng Cincàmànavikà.

- Phụ vương Brahmadatta, kiếp hiện tại này là Tỳ khuru Devadatta.

- Long vương cứu Thái tử, kiếp hiện tại này là Đại đức Ànanda.

- Chư thiên hộ trì Thái tử, kiếp hiện tại này là Đại đức Sàriputta.

- Thái tử Paduma, kiếp hiện tại này chính là Như Lai.

SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ SÁU

ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG BÀ LA MÔN SACCACA

Đức Phật cảm thấy Bà la môn Saccaka đầy kiêu căng và tự phụ, do nhờ được tuệ.

(Phỏng theo bài kinh Cùlasaccakasutta, Majjhimanikàya Mùlapannàsa)

Saccaka là con trai của hai ông bà Bà la môn Nigantha, họ nổi tiếng thông thái, uyên bác có tài hùng biện, vì mỗi người học hiểu 500 luận thuyết, nên tài vấn đáp của hai ông bà ít ai sánh nổi. Saccaka là người con được thừa hưởng di sản tinh thần sở học của cha và mẹ. Ngoài ra, Saccaka còn theo học tất cả các giáo lý của các phái ngoại đạo đương thời, để biết rõ sở trường, sở đoản, điểm ưu, điểm khuyết của các giáo phái ấy nữa. Bởi thế, càng lớn lên, tiếng tăm của Saccaka càng vượt trội hơn cả cha mẹ, trở thành nhà hùng biện vô địch. Khi gặp các nhà luận sư trưởng của các phái, mở cuộc tranh biện, thì bao giờ chàng cũng là kẻ thắng cuộc. Các cuộc đấu trí trở tài hùng biện, chàng đều là kẻ chiếm thượng phong, chưa có một Sa môn, Bà la môn nào có đủ tài trí khả dĩ xứng đáng là đối thủ của chàng.

Và kể từ đó, Saccaka tự cho mình có tài trí hơn người, sanh tâm ngã mạn, một số đông quần chúng hết lời ca tụng về tài hiểu biết sâu rộng của chàng. Quá kiêu căng tự phụ về sở học của mình, sự hiểu biết nhiều quá sợ có ngày vỡ bụng nên Saccaka làm một dây nịt bằng sắt ràng rịt cái bụng lại.

Danh tiếng Saccaka lại càng vang dội, khi hoàng tộc Licchavi trị vì xứ Vesali, mời chàng dạy học cho các Hoàng tử cùng con cháu của các hoàng thân quốc thích.

SACCAKA GẶP ĐẠI ĐỨC ASSAJI

Thuở ấy, Đức Phật cùng nhóm đông Tỳ khưu Tăng có phạm hạnh cao thượng, ngự đến tại một ngôi tịnh xá ở trong khu rừng lớn gần thành Vesali.

Một hôm đứng trước hội chúng của mình ở Vesali, Saccaka tuyên bố một cách ngạo nghễ rằng: *"Ta thấy không có một Sa môn, một Bà la môn nào, dù là giáo chủ, trưởng giáo phái hoặc bậc Đạo sư lỗi lạc tự xưng là bậc Arahán, một khi đối đáp với ta, không ai mà không hời hợt, run sợ, không thoát mồ hôi lạnh; thậm chí nếu ta cật vấn cây cột không có tâm thức, nó cũng rung chuyển lay động, huống nữa là con người có tâm thức!"*

Vào một buổi sáng, Đại đức Assaji đắp y mang bát vào thành Vesali đi khát thực. Lúc ấy, Saccaka đang đi dạo với đám đồ chúng trong thành vừa

nhìn thấy Ngài Assaji từ xa đi đến, chàng đến gặp và vấn an Ngài xong, chàng đứng một nơi hợp lẽ, lễ phép cung kính của một bậc trí thức, bèn thưa rằng:

- Thưa Đại đức, Sa môn Gotama thường chỉ dạy cho các hàng đệ tử của Ngài như thế nào? Và lời giáo huấn của Sa môn Gotama cho các hàng đệ tử ấy ra sao?

Đại đức Assaji đáp rằng:

- Này Aggivessana! Đức Thế Tôn thường chỉ dạy các hàng đệ tử như vậy:

"Này chư Tỳ khuru, sắc uẩn là vô thường, thọ uẩn là vô thường, tưởng uẩn là vô thường, hành uẩn là vô thường, thức uẩn là vô thường; sắc uẩn là vô ngã, thọ uẩn là vô ngã, tưởng uẩn là vô ngã, hành uẩn là vô ngã, thức uẩn là vô ngã, tất cả các pháp đều vô ngã..."

Này Aggivessana, Đức Thế Tôn thường chỉ dạy cho các hàng đệ tử như vậy, lời giáo huấn của Ngài cho các hàng đệ tử cũng như vậy.

- Thưa Đại đức, tôi được nghe lời giáo huấn của Sa môn Gotama như vậy đó, quả thật chính tai tôi đã nghe những điều chẳng lành. Nếu có cơ hội, tôi sẽ gặp Sa môn Gotama để luận chiến, đấu trí, thế nào tôi cũng đè bẹp những lời giáo huấn sai lầm và tệt hại ấy bằng lý lẽ của tôi.

SACCAKA LUẬN CHIẾN VỚI ĐỨC PHẬT

Hoàng tộc Licchavi gồm chừng 500 người đang hội họp tại đại hội trường. Lúc ấy, Saccaka đột ngột bước vào, chàng cổ động họ:

- Này chư vị, xin quý vị hãy cùng đi với tôi.

Nói như vậy hai ba lần, rồi chàng nói tiếp:

- Hôm nay sẽ có cuộc luận chiến, đấu trí xảy ra giữa tôi và Sa môn Gotama. Nếu quả thật lời giáo huấn của Sa môn Gotama như Đại đức Assaji đã trình bày cho tôi nghe, tôi sẽ vặn hỏi, bắt bẻ lý lẽ của Sa môn Gotama bằng lý lẽ của tôi. Ví như, một thanh niên khỏe mạnh đầy sức lực, một tay nắm lấy cổ con cừu, tay kia nắm lông cừu dài rồi lột tuột ra không chừa một mảy - thì tôi cũng như vậy, tôi sẽ vặn hỏi bắt bẻ lý lẽ lời giáo huấn của Sa môn Gotama, bị lột trần bằng lý lẽ vững chắc của tôi như thế ấy. Hoặc ví như người khỏe mạnh làm việc lâu năm trong xưởng nấu rượu, tay cầm vót vót bọt rượu trong một chảo sâu, kéo từ bên này sang bên kia rồi ngược lại như thế nào, thì tôi cũng như vậy, tôi sẽ vặn hỏi, bắt bẻ lý lẽ lời giáo huấn của Sa môn Gotama từ đầu này sang đầu kia và

ngược lại, bằng lý lẽ kiến thức rộng lớn của tôi cũng như thế ấy. Hoặc ví như một người nghiện rượu, tay cầm chung rượu, khi thì úp khi thì ngửa như thế nào, thì tôi cũng như vậy, tôi sẽ vặn hỏi, bắt bẻ lời giáo huấn của Sa môn Gotama khi thì úp, khi thì ngửa bằng lý lẽ biện luận sắc bén của tôi như thế ấy.

Xin mời quý vị hãy đi cùng với tôi! Hôm nay tôi sẽ có cuộc luận chiến với Sa môn Gotama.

Trong nhóm hoàng tộc Licchavi, có số người nghĩ rằng:

"Sa môn Gotama làm sao mà thắng lý lẽ của Saccaka, sự thật, Saccaka chắc chắn thắng lý lẽ của Sa môn Gotama!".

Nhưng trong nhóm đó có số người nghĩ trái ngược rằng:

"Saccaka làm sao mà thắng được lý lẽ của Sa môn Gotama, sự thật, Sa môn Gotama mới thắng lý lẽ của Saccaka!".

Sau đó, Saccaka cùng nhóm 500 người thuộc hoàng tộc Licchavi cùng nhau đi đến tịnh xá có đỉnh cao ở trong khu rừng lớn gần thành Vesali. Ở đây có một số đông Tỳ khuru đang đi kinh hành ở bìa rừng thoáng mát. Lúc ấy, Saccaka lễ phép đến hỏi một vị Tỳ khuru rằng:

- Thưa Ngài, hiện giờ Sa môn Gotama đang ở đâu? Chúng tôi muốn gặp Đức Đạo Sư ấy.

Vị Tỳ khuru chỉ dẫn:

- Nay Aggivessana, Đức Thế Tôn đang nghỉ trưa dưới cội cây trong khu rừng lớn đằng kia.

Saccaka cùng với nhóm hoàng tộc đến lễ phép vấn an Đức Phật, rồi chàng ngồi xuống một nơi hợp lẽ, số người còn lại, có người đánh lễ Đức Phật, có người còn ân cần hỏi thăm bằng những lời thân mật, có người chỉ chấp tay, có người tự xưng tên và dòng dõi của mình, có người chỉ im lặng, rồi tất cả mọi người đều ngồi nghiêm chỉnh một nơi hợp lẽ.

Saccaka cảm thấy hồi hộp, e ngại, cố lấy lại sự bình tĩnh bèn thưa với Đức Phật rằng:

- Kính thưa Sa môn Gotama, xin Ngài vui lòng trả lời những câu hỏi của tôi.

Đức Phật dạy rằng:

- Nay Aggivessana, Như Lai rất sẵn lòng, người cứ hỏi tùy ý.

Saccaka được cơ hội liền bạch:

[Sac: Saccaka - ĐP: Đức Phật]

Sac: - Kính bạch Sa môn Gotama, Ngài thường chỉ dạy cho các hàng đệ tử của Ngài như thế nào? Và lời giáo huấn của Ngài cho các hàng đệ tử ra sao?

ĐP: - Nay Aggivessana, Như Lai thường chỉ dạy cho các hàng đệ tử như vậy:

"Này chư Tỳ khuru, sắc uẩn là vô thường, thọ uẩn là vô thường, tưởng uẩn là vô thường, hành uẩn là vô thường, thức uẩn là vô thường; sắc uẩn là vô ngã, thọ uẩn là vô ngã, tưởng uẩn là vô ngã, hành uẩn là vô ngã, thức uẩn là vô ngã, tất cả các pháp đều vô ngã."

Nay Aggivessana, Như Lai thường chỉ dạy cho các hàng đệ tử như vậy, lời giáo huấn của Như Lai cho các hàng đệ tử cũng như vậy.

Sac: - Kính bạch Sa môn Gotama, xin phép Ngài cho tôi đưa ra ví dụ:

Kính bạch Sa môn Gotama, các loại giống, loại cây nào có đủ nhựa sống, được tăng trưởng tươi tốt, tất cả loại cây ấy đều nương nhờ từ đất, mọc ở trong đất mà lớn lên phát triển tốt, tăng trưởng tốt rồi đơm hoa kết trái, hoặc như mọi công việc trồng trọt đồng áng, công việc xây dựng nhà..., những công việc ấy người ta phải nương nhờ ở đất, đặt trên đất mới thành tựu. Cũng như vậy, người ta chấp sắc uẩn là ta, rồi nương nhờ nơi sắc uẩn mới tạo nên thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp; người ta chấp thọ uẩn là ta, rồi nương nhờ thọ uẩn mới tạo nên thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp; người ta chấp hành uẩn là ta, rồi nương nhờ hành uẩn mới tạo nên thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp; người ta chấp thức uẩn là ta, rồi nương nhờ thức uẩn mới tạo nên thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp,

ĐP: - Nay Aggivessana, người nói rằng: *Sắc uẩn là cái ngã của ta (rùpam me attà), thọ uẩn là cái ngã của ta, tưởng uẩn là cái ngã của ta, hành uẩn là cái ngã của ta, thức uẩn là cái ngã của ta có phải vậy không?*

Sac: - Kính bạch Sa môn Gotama, không phải chỉ riêng tôi nói như vậy, mà nhiều người khác cũng nói như vậy.

ĐP: - Nay Aggivessana, những người khác không liên quan đến tà kiến của người, chính người phải xác nhận sở kiến của mình.

Sac: - Kính bạch Sa môn Gotama, tôi xin xác nhận sở kiến của tôi: Sắc uẩn là cái ngã của tôi, thọ uẩn là cái ngã của tôi, tưởng uẩn là cái ngã của tôi, hành uẩn là cái ngã của tôi, thức uẩn là cái ngã của tôi.

ĐP: - Này Aggivessana, nếu như vậy Như Lai hỏi người, người hài lòng thế nào thì trả lời thế ấy.

Này Aggivessana, ví như Đức vua Pasenadi trị vì xứ Kosala, Đức vua Ajātasattu trị vì xứ Māgadha đã làm lễ đăng quang lên ngôi trị vì vương quốc của mình, các Đức vua ấy có quyền giết người đáng tội chết, tịch thu của cải của người đáng tội tịch thu, lưu đầy những người đáng tội lưu đầy có được chăng?

Sac: - Thừa được, kính bạch Sa môn Gotama! Những Đức vua cai trị vùng Vajji, vùng Malla cũng có thẩm quyền làm được việc ấy, huống gì là Đức vua Pasenadi, Đức vua Ajātasattu các nước lớn ấy.

ĐP: - Này Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này, người nói sắc uẩn nào là: "*Sắc uẩn là cái ngã của ta*" (*rūpam me attā*)? Vậy người có thẩm quyền khiến sắc uẩn ấy rằng:

"Sắc uẩn của ta hãy như thế này!" (evam me rūpam hotu). (Nghĩa là sắc uẩn của ta hãy trẻ trung, mạnh khỏe, sống lâu).

"Sắc uẩn của ta đừng như thế kia!" (evam me rūpam mā ahosi). (Nghĩa là sắc uẩn của ta đừng có già, đừng có bệnh, đừng có chết).

Như vậy có được không?

Nghe Đức Phật hỏi vậy, Saccaka ngồi sững như bị sét đánh, mặt tái ngắt, không nói được lời nào. Đức Phật hỏi lại lần thứ nhì, chàng vẫn ngồi ngậm câm không trả lời được.

Đức Phật bảo Saccaka rằng:

- Này Aggivessana, bây giờ là lúc mà người phải trả lời, không phải lúc người ngồi làm thinh.

Này Aggivessana, khi Như Lai hỏi người nào, về một vấn đề gì hợp với sự thật, đúng với chân lý đến ba lần, mà người ấy vẫn không chịu trả lời, thì cái đầu của người ấy sẽ vỡ thành bảy mảnh ngay tại nơi ấy.

Lúc ấy Đức Sakka vua cõi Tam thập tam thiên liền hoá ra dạ xoa, tay cầm cái chùy kim cang phát ra luồng ánh sáng khiếp người, ngồi trên đỉnh đầu của Saccaka nói cho chàng nghe rằng: "*Này Aggivessana, nếu Đức Thế*

Tôn hỏi người đến lần thứ ba mà người vẫn ương ngạnh, ngoan cố không chịu trả lời thì ta sẽ dùng cái chùy kim cang này đánh vào cái đầu của người vỡ ra thành bảy mảnh".

Sự việc xảy ra như trên chỉ có Đức Phật và Saccaka nhìn thấy. Saccaka kinh sợ, khiếp đảm vô cùng, rớt tóc gáy, toát mồ hôi. Bây giờ chàng chỉ còn biết nương nhờ vào oai lực của Đức Phật mà thôi, bèn chấp tay run sợ bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hỏi lại, con sẽ trả lời ngay.

ĐP: - Này Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này? Người nói sắc uẩn nào là *"Sắc uẩn là cái ngã của ta"*?

Vậy người có thẩm quyền khiến sắc uẩn ấy rằng:

Sắc uẩn của ta hãy như thế này!
Sắc uẩn của ta đừng như thế kia!

Như vậy có được không?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, điều ấy là không thể được.

ĐP: - Này Aggivessana, người hãy suy xét kỹ càng, thấu đáo rồi mới trả lời, đừng để cho lời sau không hợp với lời trước, hoặc lời trước và lời sau của người không tương hợp, không đồng nhất.

Sac: - Con hiểu rõ. Bạch Đức Gotama.

ĐP: - Này Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này?

Người nói thọ uẩn nào là *"thọ uẩn là cái ngã của ta"*?

Vậy người có thẩm quyền khiến thọ uẩn ấy rằng:

"Thọ uẩn của ta hãy như thế này!" (nghĩa là thọ uẩn của ta hãy thọ lạc).
"Thọ uẩn của ta đừng như thế kia!" (nghĩa là thọ uẩn của ta đừng thọ khổ).

Như vậy có được không?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, điều ấy là không thể được.

ĐP: - Này Aggivessana, người hãy suy xét kỹ càng, thấu đáo rồi mới trả lời....

Này Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này?

Người nói tướng uẩn nào là *"tướng uẩn là cái ngã của ta"*?

Vậy người có thẩm quyền khiến tướng uẩn ấy rằng:

"Tướng uẩn của ta hãy như thế này!" (nghĩa là tướng uẩn của ta hãy tướng đối tượng tốt, đối tượng thiện).

"Tướng uẩn của ta đừng như thế kia!" (nghĩa là tướng uẩn của ta đừng tướng đối tượng xấu, đối tượng ác).

Như vậy có được không?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, điều ấy là không thể được.

ĐP: - Này Aggivessana, người hãy suy xét kỹ càng, thấu đáo rồi mới trả lời....

Này Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này?

Người nói hành uẩn nào là *"hành uẩn là cái ngã của ta"*?

Vậy người có thẩm quyền khiến hành uẩn ấy rằng:

"Hành uẩn của ta hãy như thế này!" (nghĩa là hành uẩn của ta hãy hành thiện).

"Hành uẩn của ta đừng như thế kia!" (nghĩa là hành uẩn của ta đừng hành ác).

Như vậy có được không?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, điều ấy là không thể được.

ĐP: - Này Aggivessana, người hãy suy xét kỹ càng, thấu đáo rồi mới trả lời....

Này Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này?

Người nói thức uẩn nào là *"thức uẩn là cái ngã của ta"*?

Vậy người có thẩm quyền khiến thức uẩn ấy rằng:

"Thức uẩn của ta hãy như thế này!" (nghĩa là thức uẩn của ta hãy biết đối tượng tốt, đối tượng thiện).

"Thức uẩn của ta đừng như thế kia!" (nghĩa là thức uẩn của ta đừng biết đối tượng xấu, đối tượng ác).

Như vậy có được không?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, điều ấy là không thể được.

ĐP: - Nay Aggivessana, người hãy suy xét kỹ càng, thấu đáo rồi mới trả lời, đừng để cho lời sau không hợp với lời trước, hoặc lời trước và lời sau của người không tương hợp, không đồng nhất.

Nay Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này:

Sắc uẩn thường hay vô thường?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, sắc uẩn vô thường.

ĐP: - Nay Aggivessana, sắc uẩn nào là vô thường, sắc uẩn ấy khổ hay lạc?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, sắc uẩn ấy là khổ.

ĐP: - Nay Aggivessana, sắc uẩn nào là vô thường, khổ, có sự biến đổi là thường, vậy có nên chấp thủ *sắc uẩn ấy là của ta (do tham ái), sắc uẩn ấy là ta (do ngã mạn), sắc uẩn ấy là tự ngã của ta (do tà kiến)* chăng?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, không nên chấp như vậy.

ĐP: - Nay Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này thọ uẩn..., tưởng uẩn..., hành uẩn....Thức uẩn là thường hay vô thường?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, thức uẩn là vô thường.

ĐP: - Thức uẩn nào vô thường, thức uẩn ấy khổ hay lạc?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, thức uẩn ấy là khổ.

ĐP: - Thức uẩn nào vô thường, khổ, có sự biến đổi là thường, vậy có nên chấp thủ *thức uẩn ấy là của ta, thức uẩn ấy là ta, thức uẩn ấy là tự ngã của ta* chăng?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, chẳng nên chấp như vậy.

ĐP: - Nay Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này?

Người nào đang dính mắc trong sự khổ, đang ở trong sự khổ, đang chịu đựng khổ, mà còn chấp thủ khổ ấy rằng: *"khổ này là của ta, khổ này là ta, khổ này là tự ngã của ta"*. Như vậy, sự thật, người ấy có thể tự mình phân

tách biệt rõ sự khổ được chăng? mong cho hết khổ, giải thoát khổ được chăng?

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, làm sao có được, điều ấy chắc chắn không thể được!

ĐP: - Này Aggivessana, người nghĩ thế nào về điều này?

Có phải chính người đang dính mắc sự khổ, đang ở trong sự khổ, đang chịu đựng khổ, mà người còn chấp thủ khổ ấy rằng: *khổ này là của ta, khổ này là ta, khổ này là tự ngã của ta chăng?*

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, đáng lẽ con không nên chấp như vậy, nhưng mà sự thực con đã chấp nó như vậy.

ĐP: - Này Aggivessana, như một người cần lõi cây, mong muốn lõi cây, tìm lõi cây, mang búa đi vào rừng, thấy một cây chuối rừng cao, to lớn, thẳng đứng, chưa trổ buồng, người ấy bèn chặt cây chuối ấy tận gốc, chặt ngọn rồi lột tất cả bẹ chuối, từ ngoài vào trong ra hết, không hề tìm thấy giác cây thì làm sao y tìm thấy lõi cây được.

Này Aggivessana, cũng như vậy, Như Lai đã xét hỏi về những sở học và những kiến thức của người, chúng đều rỗng tuếch, trống không, vô bổ, không có lợi ích gì, thế mà người dám tự cao ngã mạn tuyên bố với hội chúng ở Vesali rằng: *"Ta không thấy có một Sa môn, một Bà la môn nào, dù là giáo chủ, trưởng giáo phái hoặc bậc đạo sư lỗi lạc tự xưng là bậc Arahán, một khi đối đáp với ta, không ai là không hồi hộp, run sợ, không toát mồ hôi lạnh. Thậm chí, nếu ta cật vấn cây cột không có tâm thức, nó cũng rung chuyển lay động, huống hồ nữa là con người có tâm thức!"*.

Như vậy, này Aggivessana, mồ hôi của người toát ra từ trán, chảy xuống mặt thấm qua áo rồi rơi xuống mặt đất.

Này Aggivessana, trong thân của Như Lai, Như Lai không thấy một giọt mồ hôi nào toát ra cả.

Đức Phật bèn vạch chiếc y của mình để lộ ra màu da vàng óng ánh, cho Saccaka và hội chúng hoàng tộc Licchavi nhìn thấy rõ.

Lúc ấy, Saccaka ngồi co rúm lại, gục đầu, da mặt tái đi, thân toát mồ hôi lạnh, chàng ngồi im lặng, không nói ra được một lời nào nữa.

Trong hội chúng hoàng tộc Licchavi, có ông hoàng Dummukha nhận thấy Saccaka hoàn toàn mất hết nhuệ khí ban đầu, đang ngồi chết lặng vì xấu hổ bèn hướng về Đức Phật mà bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Đức Thế Tôn cho phép con đưa ra một ví dụ.

Đức Thế Tôn làm thỉnh cho phép.

Ông hoàng Dummukha bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, ví như ở gần xóm làng có một cái ao, một nhóm trẻ tinh nghịch kéo nhau đến ao ấy, chúng xuống ao bắt một con cua đem lên bờ để chơi, hễ con cua đưa cái càng nào ra, thì chúng lấy cây hay đá đập gãy càng ấy, cứ như vậy cho đến lúc nó không còn một cái càng nào, bèn phải nằm yên không cựa quậy, không nhúc nhích được, chẳng còn bò đi xuống ao được nữa.

Kính bạch Đức Thế Tôn, cũng như vậy, những tà kiến hiểu lầm, tánh ngã mạn, tự cao tự đại, những luận thuyết của Saccaka như những càng của đã bị trí tuệ của Đức Thế Tôn bẻ gãy. Từ nay về sau, Saccaka sẽ không còn có những ý nghĩ ngông cuồng đối với Đức Thế Tôn như vậy nữa.

Khi nghe vậy, Saccaka nổi giận nói rằng:

- Này Dummukha, xin ông đừng nói nữa!

Chàng hồ thẹn yêu cầu ông hai lần như vậy, rồi chấp tay hướng về Đức Phật:

- Kính bạch Đức Gotama, con thành tâm sám hối những tội lỗi của con, kính xin Ngài từ bi tha thứ những tội lỗi ấy do si mê làm lạc, mà con đã lỡ phạm, con xin phép học hỏi Ngài những điều mà con thắc mắc.

Đức Thế Tôn cho phép, Saccaka bèn bạch hỏi:

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, bậc Thánh Thanh văn đệ tử của Ngài thực hành như thế nào gọi là hành giả hành đúng theo chánh pháp, hành đúng theo lời giáo huấn của Ngài, để đoạn tuyệt được mọi hoài nghi, đạt đến trí tuệ Siêu tam giới, không còn tin vào người khác, sống được an lạc trong giáo pháp của Ngài.

Đức Phật dạy rằng:

ĐP: - Này Aggivessana, trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh văn đệ tử của Như Lai, là hành giả có trí tuệ thiên tuệ thấy rõ sắc uẩn đúng theo thật tánh của các pháp rằng:

"Sắc uẩn nào ở quá khứ, vị lai, hiện tại, sắc uẩn bên trong, sắc uẩn bên ngoài, sắc uẩn thô, sắc uẩn vi tế, sắc uẩn thấp hèn, sắc uẩn cao quý, sắc uẩn ở gần, sắc uẩn ở xa; tất cả sắc uẩn ấy không phải là của ta (netam mama), không phải là ta (neso hamasmi), không phải là tự ngã của ta (na meso attà). Và cũng như vậy, có trí tuệ thiên tuệ, thấy rõ, biết rõ, thọ uẩn..., tưởng uẩn..., hành uẩn..., thức uẩn đúng theo thực tánh của các pháp rằng: "thức uẩn nào ở quá khứ, vị lai, hiện tại, thức uẩn bên trong, thức uẩn bên ngoài, thức uẩn thô, thức uẩn vi tế, thức uẩn thấp hèn, thức uẩn cao quý, thức uẩn ở gần, thức uẩn ở xa; tất cả thức uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải tự ngã của ta."

Này Aggivessana, với trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ uẩn đúng theo thật tánh của các pháp như vậy, gọi là hành giả hành đúng theo chánh pháp, hành đúng theo lời giáo huấn của Như Lai, đạt đến trí tuệ Siêu tam giới, không còn tin vào người khác, sống an lạc trong giáo pháp của Như Lai.

Sac: - Kính bạch Đức Gotama, thế nào gọi là Tỳ khuru bậc Thánh Arahán đã tận diệt được tất cả mọi phiền não trầm luân, đã hoàn thành phạm hạnh, đã hoàn thành mọi phận sự Tứ Thánh đế, đã bỏ được gánh nặng ngũ uẩn, đã chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, đã diệt đoạn tuyệt pháp ràng buộc tái sanh kiếp sau, đã trở thành bậc Thánh Arahán, đã giải thoát khổ?

ĐP: - Này Aggivessana, Tỳ khuru là hành giả có trí tuệ thiên tuệ, thấy rõ, biết rõ *sắc uẩn nào ở quá khứ, vị lai, hiện tại, sắc uẩn bên trong, sắc uẩn bên ngoài, sắc uẩn thô, sắc uẩn vi tế, sắc uẩn thấp hèn, sắc uẩn cao quý, sắc uẩn ở gần, sắc uẩn ở xa; tất cả sắc uẩn ấy "không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta"*.

Cũng như vậy, có trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ *thọ uẩn... tưởng uẩn... hành uẩn..., thức uẩn..." không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta"*.

Này Aggivessana, với trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ uẩn đúng theo thực tánh của các pháp như vậy, gọi là Tỳ khuru là bậc Thánh Arahán đã tận diệt được tất cả mọi phiền não trầm luân, đã hoàn thành phạm hạnh, đã hoàn thành mọi phận sự Tứ Thánh đế, đã bỏ được gánh nặng ngũ uẩn, đã chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, đã diệt đoạn tuyệt pháp ràng buộc tái sanh kiếp sau, đã trở thành bậc Thánh Arahán, đã giải thoát khổ.

Này Aggivessana, Tỳ khuru có tâm hoàn toàn giải thoát khổ như vậy, có ba đặc tính ưu việt là:

- Trí tuệ chứng ngộ ưu việt.
- Pháp hành ưu việt.
- Tâm giải thoát khổ ưu việt.

Này Aggivessana, Tỳ khuru có tâm hoàn toàn giải thoát khổ như vậy, nên thường tôn kính lễ bái, cúng dường Như Lai rằng:

- Đức Thế Tôn là Bạc Chánh Đẳng Giác, tự mình đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh đế.
- Đức Thế Tôn là bậc tự mình đã thực hành xong, rồi thuyết pháp chỉ dạy cho chúng sinh thực hành theo.
- Đức Thế Tôn là bậc tự mình đã diệt đoạn tuyệt phiền não xong, rồi thuyết pháp chỉ dạy cho chúng sinh cùng diệt đoạn tuyệt phiền não.
- Đức Thế Tôn là bậc tự mình đã vượt qua khỏi vùng nước xoáy tử sanh luân hồi, rồi thuyết pháp dạy chúng sinh cùng vượt qua khỏi vùng nước xoáy tử sanh luân hồi như Ngài.
- Đức Thế Tôn là bậc tự mình đã dập tắt mọi phiền não không còn dư sót xong, rồi thuyết pháp chỉ dạy cho chúng sinh cùng dập tắt mọi phiền não.

SACCAKA TỰ THỨ

Lắng nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng xong, Saccaka bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Gotama, chính con là người si mê, không biết đến tài đức cao thượng của người khác, là người có tánh tự cao tự đại, ngã mạn, khinh thường người khác, cho nên con trở nên người tự phụ, nghĩ sai lầm rằng lý lẽ của mình chắc chắn sẽ thắng được lý lẽ của Đức Gotama.

Sự thật, người nào đối chọi với voi lên cơn say, người ấy còn hy vọng thoát thân được; còn người nào đấu trí, luận chiến với Đức Gotama thì chắc chắn chỉ chuốc lấy sự thất bại mà thôi. Tương tự như vậy, một người đang ở trong vòng lửa cháy ngàn ngút bốn bề, hẳn còn chút may mắn thoát ra khỏi; hoặc một người bị rắn độc cắn, hẳn còn hy vọng chữa trị được, còn người nào luận chiến, đấu trí với Đức Gotama thì chắc chắn chỉ chuốc lấy sự thất bại thảm hại mà thôi.

Kính bạch Đức Gotama, chính con là người si mê, không biết Đức Gotama là bậc Toàn tri diệu giác, con quen tánh tự cao ngã mạn, nên tự

phụ nghĩ sai lầm rằng: *con mở cuộc luận chiến, đấu trí với Đức Gotama, con sẽ thắng; nhưng sự thật thì ngược lại, con hoàn toàn thảm bại.*

Kính bạch Đức Gotama, ngày mai, con kính thỉnh Ngài cùng chư Tỳ khưu Tăng ngự đến tịnh xá, để cho con cùng hội chúng hoàng tộc Licchavi được có cơ hội làm phước dâng vật thực cúng dường Ngài cùng chư Tỳ khưu Tăng.

Đức Phật làm thỉnh nhận lời.

Saccaka thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn với tâm vô cùng hoan hỷ và tri ân. Sau đó, Saccaka, một lần nữa, cùng hội chúng hoàng tộc Licchavi đánh lễ Đức Thế Tôn trở về với tâm vô cùng hoan hỷ.

Sau khi Đức Phật đã nhận lời thỉnh mời, Saccaka mới thông báo cho hoàng tộc Licchavi rằng:

- Nay chư quý vị, ngày mai Đức Gotama cùng chư Tỳ khưu Tăng nhận thọ thực tại tịnh xá của tôi, xin quý vị hãy mang những vật thực ngon lành đến cùng tôi để cúng dường Đức Gotama cùng chư Tỳ khưu Tăng.

Đêm đã qua, sáng sớm hôm ấy, tất cả hội chúng hoàng tộc Licchavi mỗi người mỗi phần, gồm cả thầy 500 phần vật thực ngon lành, đem đến tịnh xá của Saccaka, hùn chung để cúng dường Đức Phật cùng chư Tỳ khưu Tăng.

Vào buổi sáng, Đức Thế Tôn mặc y mang bát cùng số đông chư Tỳ khưu Tăng ngự đến tịnh xá Saccaka để thọ thực. Saccaka cùng nhóm hội chúng hoàng tộc Licchavi hân hạnh được đón rước Đức Phật cùng chư Tỳ khưu Tăng, chàng thỉnh Đức Phật ngự chỗ cao quý nhất, tiếp theo là chư Tỳ khưu Tăng. Lúc ấy, Saccaka tự mình dâng những vật thực ngon lành đến Đức Phật cùng chư Tỳ khưu Tăng.

Khi Đức Phật cùng chư Tỳ khưu thọ thực xong, Saccaka ngồi một nơi hợp lẽ ở chỗ thấp hơn bên bạch với Đức Thế Tôn:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, cầu mong phước thí và quả báu của phước thí này sẽ được thành tựu hạnh phúc, an lạc đến cho tất cả mọi người trong hoàng tộc Licchavi.*

Đức Phật dạy rằng:

- Nay Aggivessana, phước thí này những thí chủ do nương nhờ ở con là người chưa diệt được phiền não tham, sân, si thì sẽ được thành tựu an lạc đến cho tất cả thí chủ trong hoàng tộc Licchavi.

Này Aggivessana, phước thí này con nương nhờ ở Như Lai là Bạc đã diệt đoạn tuyệt phiền não tham, sân, si thì sẽ được thành tựu sự an lạc đến cho con.

Saccaka cùng toàn thể thí chủ trong hoàng tộc Licchavi vô cùng hoan hỷ theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn.

SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ BẢY

ĐỨC PHẬT CHO PHÉP ĐẠI ĐỨC MAHÀMOGGALLÀNA

THU PHỤC RỒNG CHÚA NANDOPANANDA

-ooOoo-

Đức Phật cho phép Đại đức Mahàmooggallàna vận dụng thần thông để thu phục Rồng chúa Nandopananda, là Rồng tà kiến có nhiều thần thông.

(Phỏng theo Chú giải Theragàthà và Apàdàna, chuyện Đại đức Mahàmooggallàna)

Thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana gần thành Sàvatthi. Phú hộ Anàthapindika, sau khi nghe xong thời pháp, rất hoan hỷ đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con kính thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng 500 vị Tỳ khuru ngự đến thọ thực tại tư gia của chúng con vào ngày mai.

Đức Phật làm thỉnh nhận lời thỉnh mời của ông, biết Đức Phật đã nhận lời, tâm ông phú hộ vô cùng hoan hỷ đánh lễ Đức Thế Tôn rồi xin phép trở về.

Vào canh chót đêm ấy, như lệ thường, Đức Phật nhập đại bi định, khi xả định quán xét thế gian xem chúng sinh nào hữu duyên nên tế độ. Ngài nhìn thấy Rồng chúa Nandopananda hiện ra trong mạng lưới đại bi tế độ của Ngài. Đức Phật quán xét thấy Rồng chúa là Rồng tà kiến, không có đức tin nơi Tam bảo, rất hung dữ có nhiều thần thông. Nhưng cuối cùng, nó sẽ có đức tin rồi quy y Tam bảo. Vậy, ai là người có khả năng thu phục được Rồng chúa này? Ngài biết rằng Đại đức Mahàmooggallàna có năng lực thu phục được Rồng chúa này.

Sáng hôm ấy, Đức Phật gọi Đại đức Ànanda dạy:

- Này Ànanda, con hãy thông báo cho 500 vị Tỳ khuru cùng đi theo Như Lai lên cõi Tam thập tam thiên.

Cũng vào sáng hôm ấy, tại cung điện Long vương có tổ chức yến tiệc linh đình, Rồng chúa Nandopananda ngự trên ngai có lông trắng che, bá quan văn võ áo mũ chỉnh tề ngồi theo thứ bậc, cùng hoàng tộc nhà Rồng đang say mê xem những vũ khúc kỳ diệu của các long nữ, và cùng nhau thưởng thức những món ngon vật lạ đặc biệt chốn long cung.

Ngay lúc ấy, Đức Phật cùng với 500 vị Tỳ khưu Tăng đang bay qua khoảng không gian phía trên địa phận cung điện của Rồng chúa, cố ý làm rơi bụi xuống đầu, cốt để cho chúng Rồng nhìn thấy như chọc tức, như khiêu khích, cho nên Rồng chúa Nandopananda nổi cơn thịnh nộ, tuyên bố với bọn bày tôi thuộc hạ: *"Bọn Sa môn đầu trọc này lên cỡi Tam thập tam thiên, dám bay ngang qua cung điện của ta, ta sẽ làm cho họ phải kính nể, để về sau không dám bay ngang qua đây nữa"*. Rồng chúa tức giận đi đến chân núi Sineru dùng phép thuật hoá thân hình to lớn và dài bao vòng quanh, cuộn tròn cả ngọn núi, chồng lên nhau bảy vòng, rồi phồng mang che phủ luôn cả đỉnh núi, bao trùm cả cỡi Tam thập tam thiên. Thế là từ xa chẳng ai còn nhìn thấy cỡi trời đâu nữa.

Khi ấy, Đại đức Ratthapàla bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, trước kia mỗi lần lên ngang đây, con đều nhìn thấy, không những núi Sineru mà còn nhìn thấy cỡi Tam thập tam thiên, nhìn thấy cả cung điện Vejeyantapasàda của Đức vua trời Sakka cùng lá cờ trên đỉnh cung điện ấy, nhưng bây giờ con chẳng nhìn thấy được gì cả.

Kính bạch Đức Thế Tôn, do nhân duyên nào vậy, Bạch Ngài.

Đức Phật dạy rằng:

- Nay Ratthapàla, Rồng chúa Nandopananda tức giận các con, nên đã hoá thân hình to lớn và dài, bao quanh núi Sineru chồng lên bảy vòng, rồi phồng mang che phủ luôn cả đỉnh núi, bao trùm cả cỡi Tam thập tam thiên, cho nên con không nhìn thấy được gì nữa.

Đại đức Ratthapàla bạch với Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Đức Thế Tôn cho phép con được dạy Rồng chúa bớt tánh kiêu căng ngã mạn ấy.

Đức Phật không cho phép, rồi lần lượt Đại đức Bhaddiya, Đại đức Ràhula... vị nào cũng muốn trừng phạt Rồng chúa ấy, nhưng Đức Phật đều không cho phép, cuối cùng Đại đức Mahāmoggallāna bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Đức Thế Tôn cho phép con được thu phục Ròng chúa Nandopa-nanda ấy.

Đức Phật chấp nhận cho phép Đại đức Mahà-monggallàna vận dùng thần thông biến hoá thành con Ròng có thân hình to lớn và dài hơn Ròng chúa Nandopananda, bao quanh thân hình Ròng chúa, chồng lên nhau 14 vòng, siết chặt lấy thân hình của nó, phồng mang lớn đè lên mang của nó, Đại đức Mahàmonggallàna càng siết vào, thân mình Ròng chúa càng đau đớn chịu không nổi.

Ròng chúa tức giận hoá ra luồng khí độc phun ra để làm hại Ngài Đại đức Mahàmonggallàna, nhưng không hại được Ngài, ngược lại Ngài Đại đức cũng hoá ra luồng khói mạnh hơn làm cho Ròng chúa vô cùng khó chịu.

Ròng chúa càng tức giận hoá ra luồng lửa phun ra để thiêu đốt Ngài, Ngài Đại đức cũng hoá ra luồng lửa mạnh hơn làm cho thân hình Ròng chúa nóng như thiêu như đốt.

Thế là một phần thân thể bị siết chặt, đau đớn, một phần thì bị khói và lửa thiêu đốt không sao chịu nổi được nữa.

Ròng chúa muốn biết vị Sa môn này là ai, bèn hỏi rằng:

- Ngươi là ai? Sao dám làm khổ ta đến như vậy?

Đại đức Mahàmoggallàna trả lời:

- Đây Nandopananda, bản đạo là Mahàmoggallàna đây!

Ròng chúa yêu cầu Ngài Đại đức rằng: Bạch Đại đức, xin Ngài hiện trở lại hình tướng vị Tỳ khưu.

Đại đức Mahàmoggallàna biết mưu mô xảo quyệt của Ròng chúa muốn hại Ngài, cho nên Ngài vừa hiện ra, liền đi thẳng vào lỗ tai bên phải, đi sang lỗ tai bên trái, rồi từ lỗ tai bên trái đi sang lỗ tai bên phải của Ròng chúa. Ròng chúa đau đớn khó chịu, nhanh như chớp, Ngài lại đi vào từ lỗ mũi bên phải đi sang lỗ mũi bên trái, rồi từ lỗ mũi bên trái đi sang lỗ mũi bên phải của Ròng chúa.

Ròng chúa càng đau đớn, càng khó chịu gấp bội phần, dường như không còn chịu đựng được nữa, nó van xin Ngài Đại đức tha lỗi cho nó; nhưng thật tâm của nó chưa chịu khuất phục, đây chỉ là một mưu kế chờ có cơ hội là hại Ngài, ngay tức khắc. Ngài Đại đức biết rõ ác tâm của nó, cho nên Ngài vừa thoát ra khỏi lỗ mũi, khi Ròng chúa vừa mở miệng, Ngài lại nhanh như chớp đi thẳng vào miệng của Ròng chúa mà nó không hề hay

biết, Ngài đi thẳng vào bụng của nó, mở đường đi kinh hành từ hướng Đông sang hướng Tây, rồi đi ngược lại, và từ hướng Nam sang hướng Bắc, rồi đi ngược lại làm cho Ròng chúa đau đớn và khó chịu vô cùng.

Đức Thế Tôn nhìn thấy như vậy, nhắc nhở Đại đức Mahāmoggallāna.

- Nay Moggallāna, con nên thận trọng, Ròng chúa có nhiều phép màu lợi hại và ác tâm, vậy con hãy cẩn thận kéo nguy hiểm.

Đại đức Mahāmoggallāna bạch với Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con đã luyện Iddhipāla (tứ thần túc) đến chỗ thuần thực, vận dụng như ý. Còn ý nghĩ độc ác của Ròng chúa thì con biết rõ.

Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài đừng bận tâm lo cho con. Dầu có hàng trăm, hàng ngàn Ròng chúa như Nandopananda thì con cũng có khả năng thu phục được dễ dàng, huống hồ gì chỉ có một con. Bạch Ngài.

Ròng chúa Nandopananda nghĩ rằng: *"Lúc đầu vị Sa môn này đi vào miệng mà ta chẳng hề hay biết, bây giờ ta chờ y ra, ta sẽ cắn răng, nhai nuốt y vào bụng mới hả cơn tức giận này"*.

Ròng chúa bạch Ngài Đại đức:

- Kính bạch Đại đức, tôi xin chịu khuất phục Ngài rồi, kính thỉnh Ngài từ bi ra ngoài, Ngài đi qua, đi lại trong bụng của tôi, làm cho tôi đau đớn khó chịu quá!

Ngay lúc ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đi ra khỏi miệng, mà Ròng chúa Nandopananda không hề hay biết gì cả. Ngài hiện ra đứng trước mặt, vừa nhìn thấy Ngài Đại đức Ròng chúa bằng giọng căm tức nói:

- Chính Sa môn này đây à!

Nhanh như chớp, từ hai lỗ mũi, Ròng chúa phun ra hai luồng khí độc như vũ bão cực kỳ nguy hiểm để giết hại Ngài Đại đức; ngay tức khắc, Ngài Đại đức liền nhập đệ tứ thiền hữu sắc, nên luồng khí độc của Ròng chúa không thể làm cho đầu sợi lông chân của Ngài lay động.

Thấy vậy, Ròng chúa Nandopananda vô cùng kinh ngạc, nghĩ rằng vị Sa môn này có thần thông thật là phi thường.

Lúc ấy, Đại đức Mahāmoggallāna hoá ra điều vương Garuda, to lớn phát ra một luồng khói mạnh, phóng thẳng đến Ròng chúa, làm cho thân hình

của nó quần quai lão đảo một cách khốn khổ. Ròng chúa tự biết mình không thể chịu đựng nổi oai lực của Ngài Đại đức nên đành chịu khuất phục trước uy lực và đức độ của Ngài.

Ròng chúa hoá ra một cậu bé chấp tay đánh lễ Đại đức rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại đức, con đem hết lòng thành kính xin nương nhờ nơi Ngài, rồi y cúi đầu đánh lễ dưới chân của Ngài Đại đức một cách thành kính bằng tâm phục thiện.

Như vậy, Đại đức Mahāmoggallāna đã thu phục được Ròng chúa Nandopananda cái ác từng thiện, cái tà quy chánh, Ngài Đại đức bảo Ròng chúa rằng:

- Này Nandopananda, có Đức Thế Tôn đang ngự ở kia, con hãy đi theo thầy đến hầu đánh lễ Ngài.

Ròng chúa Nandopananda ngoan ngoãn vâng lời thầy đi theo sau đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn:

*Con đem hết lòng thành kính xin qui y Phật.
Con đem hết lòng thành kính xin qui y Pháp.
Con đem hết lòng thành kính xin qui y Tăng.
Con đem hết lòng thành kính xin qui y Phật, lần thứ nhì.
Con đem hết lòng thành kính xin qui y Pháp, lần thứ nhì.
Con đem hết lòng thành kính xin qui y Tăng, lần thứ nhì.
Con đem hết lòng thành kính xin qui y Phật, lần thứ ba.
Con đem hết lòng thành kính xin qui y Pháp, lần thứ ba.
Con đem hết lòng thành kính xin qui y Tăng, lần thứ ba, kể từ nay cho đến trọn đời.*

Đức Thế Tôn truyền dạy rằng: "Này Ròng chúa Nandopananda, cầu chúc cho con được sự an lạc lâu dài".

Ròng chúa Nandopananda có duyên lành đã quy y Tam bảo trở thành Ròng chúa có chánh kiến, có đức tin trong sạch nơi Tam bảo.

Sáng hôm ấy, công việc hoá độ Ròng chúa Nandopananda đã hoàn thành, Đức Phật cùng 500 vị Tỳ khưu Tăng vân hành trở lại kinh thành Sāvattthi ngự đến tư thất phú hộ Anāthapindika để thọ thực cũng vừa đúng Ngọ.

Vị trưởng giả đại thí chủ hoan hỷ đón rước Đức Phật cùng chư Tỳ khưu Tăng xong bèn bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, do vì nhân duyên nào mà Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu Tăng ngự đến trễ như thế này?

- Nay Anàthapindika, sáng nay Như Lai cùng chư Tỳ khưu Tăng trên đường đến Tam thập tam thiên, ngang qua cung điện của Rong chúa Nandopananda, Như Lai đã cho phép Moggallàna dùng thần thông để thu phục Rong chúa có tà kiến, nhiều thần thông ấy.

- Kính bạch Đức Thế Tôn kết quả như thế nào? Bạch Ngài?

- Nay Anàthapindika, Moggallàna đã thu phục được Rong chúa Nandopananda, nó đã cải ác tùng thiện, cải tà quy chánh, trở thành Rong chúa có chánh kiến, có đức tin trong sạch và đã quy y Tam bảo.

Nghe vậy, vị đại phú hộ vô cùng hoan hỷ bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, thật là hạnh phúc biết dường nào! Vậy, con kính thỉnh Đức Phật cùng 500 vị Đại đức Tăng ngự đến thọ thực nhà con suốt 7 ngày, để mừng Ngài Đại đức Mahàmoggallàna đã thu phục được Rong chúa Nandopananda có đức tin quy y Tam bảo.

SỰ TÍCH PHẬT LỰC THỨ TÁM

ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG PHẠM THIÊN BAKA

-ooOoo-

Đức Phật cảm thắng Phạm thiên Baka chấp thủ thường kiến mê lầm, do nhờ trí tuệ.

(Bộ Samyuttanikàya, phần Sagàthavagga, kinh Bakabrahmasutta. Bộ Chú giải Jàtaka...)

Tóm lược bài kinh Bakabrahmasutta và Chú giải Jàtaka.

Thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Jetavana của ông trưởng giả Anàthapindika gần thành Sàvatthi; lúc ấy, ở cõi trời sắc giới Abhassara (Quang âm thiên), Phạm thiên Baka phát sanh thường kiến mê lầm rằng: "Chư thiên ở cõi trời sắc giới Phạm thiên này là thường tồn, vĩnh hằng, thường hữu, bền vững mãi mãi, không có sự hủy hoại, không sanh, không già, không chết, không chuyển kiếp, bất sanh, bất diệt....Ngoài cõi sắc giới Phạm thiên này ra, không có một cảnh giới nào khác có được những tính chất thù thắng như thế này".

Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng tha tâm thông, biết rõ thường kiến mê lầm của Phạm thiên Baka, biết rõ ông có duyên lành có thể hoá độ được, với thời gian ngắn, như lực sĩ duỗi cánh tay ra, Ngài biến kim thân từ chùa Jetavana, hiện ra ở cõi trời sắc giới phạm thiên Abhassana ấy.

Phạm thiên Baka nhìn thấy Đức Thế Tôn ngự lên đến đây, tỏ vẻ vô cùng hoan hỷ bạch Ngài rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, tôi rất hân hạnh đón tiếp Ngài, chiêm ngưỡng Ngài.

Kính bạch Đức Thế Tôn, "chư thiên ở cõi trời sắc giới phạm thiên này là thường tồn, vĩnh hằng, thường hữu, bền vững mãi mãi, không có sự hủy hoại, không sanh, không già, không chết, không chuyển kiếp, bất sanh, bất diệt.... Ngoài cõi sắc giới Phạm thiên này ra, không có một cảnh giới nào khác có được những tính chất thù thắng như thế này".

Nghe xong, Đức Thế Tôn liền thông báo rằng:

- Nay chư Phạm thiên! Phạm thiên Baka này đã sa vào thường kiến mê lầm rồi! Thường kiến mê lầm như thế nào: ***"Chư thiên ở cõi trời sắc giới phạm thiên này là vô thường mà Phạm thiên Baka cho là thường tồn; không vĩnh hằng cho là vĩnh hằng; không thường hữu cho là thường hữu; không bền vững cho là bền vững; bị hủy hoại cho là không bị hủy hoại; có sự sanh, sự già, sự chết, chuyển kiếp hoá kiếp, sanh diệt là thường, thế mà Phạm thiên Baka cho là không sanh, không già, không chết, không chuyển kiếp, không hoá kiếp, bất sanh, bất diệt..."***, và còn dám nói rằng: ***"Ngoài cõi sắc giới phạm thiên này ra, không có một cảnh giới nào khác có được những tính chất thù thắng như thế này"***.

Phạm thiên Baka bị Đức Phật quở trách nặng nề cảm thấy khó chịu, kinh ngạc, bèn tìm cách chạy tội, nên y đem nhóm 72 bạn hữu cùng sanh ở cõi trời sắc giới Phạm thiên này bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng tôi có 72 vị đã từng tạo sắc giới thiện nghiệp, cho quả tái sanh lên cõi sắc giới Phạm thiên này.

Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng tôi tái sanh lên cõi sắc giới Phạm thiên này là kiếp chót, không còn sanh, già nữa, chúng tôi đã chứng đắc đến tột đỉnh, đến cứu cánh cuối cùng của phạm hạnh. Trên thế gian, có nhiều chúng sinh khác, họ ngưỡng mộ chúng tôi, mong ước ở địa vị chúng tôi, họ tán dương rằng: ***"Chư Phạm thiên ở cõi trời sắc giới này là Đại Phạm thiên, không một ai có thể không chế được, chư Đại Phạm thiên là những"***

bậc có đại quyền lực, là Đấng Tạo Hoá vạn vật, là Tối Thượng Tôn, là Tổ Phụ của muôn loài đã sanh và đang sanh".

Phạm thiên Baka có tà kiến mê lầm, lại còn được một số chúng sinh khác tán dương, do đó, y càng thêm ngā mạn và tự phụ vì si mê, không còn biết mình là ai nữa.

ĐỨC PHẬT NHẮC LẠI TIỀN KIẾP CỦA PHẠM THIÊN BAKA

Với tâm đại bi, Đức Phật chỉ cho Phạm thiên Baka nhớ rõ lại tiền kiếp của mình rằng:

- Nay Phạm thiên Baka, sở dĩ con phát sanh tà kiến mê lầm như vậy, là vì con không còn nhớ đến tiền kiếp của mình.

Khi Đức Phật nói như vậy, Phạm thiên Baka muốn biết những tiền kiếp của mình nên kính thỉnh Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài nhắc lại những tiền kiếp của con.

- Nay Phạm thiên Baka, những tiền kiếp của con đã sanh làm người vào thời đại không có Đức Phật xuất hiện trên thế gian, con từ bỏ nhà xuất gia làm đạo sĩ, tiên hành thiên định đã chứng đắc **đệ tứ thiên hữu sắc**, sau khi chết, được hoá sanh lên cõi trời sắc giới **Vehapphala** (*Quảng quả thiên*) có tuổi thọ 500 đại kiếp trái đất [*]. Trong thời gian ở cõi trời sắc giới này, tiền kiếp con đã tiên hành thiên định, đã chứng đắc **đệ tam thiên hữu sắc**, khi hết tuổi thọ ở cõi trời sắc giới Vehapphala, sau khi chết, được hoá sanh xuống cõi trời sắc giới **Subhakinha** (*Biển tịnh thiên*) có tuổi thọ 64 đại kiếp trái đất. Trong thời gian ở cõi trời sắc giới này, tiền kiếp con đã tiên hành thiên định, đã chứng đắc **đệ nhị thiên hữu sắc**, khi hết tuổi thọ ở cõi trời sắc giới Subhakinha, sau khi chết, được hoá sanh xuống cõi trời sắc giới **Abhassarà** (*Quang âm thiên*) có tuổi thọ 8 đại kiếp trái đất. Kiếp hiện tại này con là Phạm thiên Baka đang ở cõi trời sắc giới Abhassarà này, đã trải qua thời gian quá lâu, nên con phát sanh thường kiến mê lầm, bởi do vô minh, làm quên mất hẳn những tiền kiếp của mình.

[] Đại kiếp trái đất trải qua 4 thời kỳ: thành-trụ-hoại-không, mỗi thời kỳ khoảng 1 a-tăng kỳ. Như vậy 1 đại kiếp gồm 4 a-tăng kỳ.*

Đức Thế Tôn nhắc nhở Phạm thiên Baka:

- Nay Baka, con quan niệm tuổi thọ nào nhiều, tuổi thọ nào ít? Con chẳng còn sống được bao lâu nữa đâu! Như Lai biết rõ tuổi thọ của con chỉ còn trăm ngàn nirabbuda mà thôi (*1 nirabbhuda là số 1 theo sau là 63 số không = 10 lũy thừa 63 năm*).

Lắng nghe Đức Phật tường thuật lại những tiền kiếp của mình, Phạm thiên Baka vô cùng kính phục và tri ân Đức Thế Tôn, đối với mình cảm thấy bàng hoàng sửng sốt, như vừa tỉnh lại, sau khi trải qua một cơn mê triền miên.

Bây giờ, Phạm thiên Baka có đức tin hoàn toàn nơi Đức Thế Tôn, muốn biết thêm pháp hành của mình ở tiền kiếp, nên thỉnh cầu Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, *"Ngài thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự tử của tất cả chúng sinh không cùng tận, những căn duyên phiền não ngấm ngấm của mỗi chúng sinh..."*.

Kính bạch Đức Thế Tôn, con kính xin Ngài chỉ dạy rõ những pháp hành thiện của con ở tiền kiếp như thế nào? Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn nhắc lại cho Phạm thiên Baka biết rõ những pháp hành thiện của y ở tiền kiếp như sau:

- Nay Phạm thiên Baka, tiền kiếp của con đã sanh làm người trong gia đình giàu có, thọ hưởng đầy đủ ngũ trần, nhưng con đã sớm thấy rõ tội lỗi của ngũ trần, muốn xa lánh ngũ trần, nên từ bỏ nhà xuất gia làm đạo sĩ trong rừng núi, tiến hành thiền định, đã chứng đắc đệ tứ thiền hữu sắc và chứng đắc thân thông. Sau đó, con làm một cốc lá ở bên bờ sông Gangà, sống và thọ hưởng sự an lạc trong thiền định.

Lúc ấy, có một đoàn thương buôn với 500 cỗ xe bò đang vượt qua một bãi sa mạc vào ban đêm, vì ban ngày trời nắng nóng như thiêu như đốt không thể đi được, họ phải nghỉ. Đoàn xe bò cứ đi mãi trong đêm tối, tất cả chỉ trông cậy vào con bò đầu đàn. Người trưởng đoàn nghĩ rằng chỉ còn một đêm nay, đoàn xe bò sẽ vượt qua khỏi bãi sa mạc đầy nguy hiểm, họ sắp đến làng mạc dân cư đông đúc, cho nên ông ra lệnh bỏ hết củi, nước cho xe nhẹ.

Trời hừng sáng, người trưởng đoàn chợt phát hiện ra đoàn xe đang quay lui trở lại lối cũ, không phải tiến về phía trước. Như vậy, họ vẫn còn ở giữa sa mạc mênh mông. Mọi người đều kinh hoàng thất sắc. Gần trưa, trời nắng nóng như thiêu như đốt, cả đoàn thương buôn người và vật, vừa khát nước, vừa đói, ai cũng mệt lả, nằm núp dưới lườn xe để chờ đợi thần chết đến dần dần, chẳng có phương nào cứu nguy được nữa.

Sáng sớm hôm ấy, đạo sĩ ra khỏi cốc lá, ngồi nhìn giòng sông Gangà nước cuộn cuộn chảy dài, một ý nghĩ chợt phát sanh trong tâm đạo sĩ: *"có chúng sinh nào đang đau khổ vì khát hay không?"*. Đạo sĩ dùng **thiên nhãn thông** thấy rõ đoàn thương buôn với 500 cỗ xe bò đang nằm chờ

chết khát, chết đói ở bãi sa mạc. Khởi tâm bi mẫn, đạo sĩ nghĩ là phải cứu họ thoát chết. Đạo sĩ nhập định, luyện thần thông rồi phát nguyện rằng: *"Xin cho đường nước chảy qua bãi sa mạc đến chỗ đoàn người thương buôn cùng 500 con bò để có nước uống, nước dùng khỏi chết khát"*.

Đạo sĩ vừa phát nguyện xong, những người lái buôn nghe tiếng nước và nhìn thấy dòng nước trong trẻo đang cuộn cuộn chảy đến. Quả là một phép lạ nhiệm mầu, họ chấp tay tạ ơn trời đất, vô cùng mừng rỡ reo cười, uống no, tắm mát cả người lẫn thú. Đoàn thương buôn thế là thoát chết, cùng 500 cỗ xe vượt sa mạc an toàn, chở hàng đến kinh thành như ý.

Đức Thế Tôn nhắc lại việc hành thiện của tiền kiếp Phạm thiên Baka xong, tóm tắt bằng bài kệ:

*"Này Phạm thiên Baka,
Tiền kiếp con, đạo sĩ,
Dùng năng lực thần thông,
Dẫn dòng nước mát mẽ,
Cứu sống đoàn thương buôn,
Cùng đoàn bò đang khát,
Giữa sa mạc mênh mông,
Trong mùa hạ nóng bỏng,
Đó là pháp hành thiện,
Của con trong tiền kiếp."*

Trường hợp khác, vị đạo sĩ ấy đang ở cốc lá bên bờ sông Gangà, gần xóm làng. Một hôm có một bọn cướp kéo vào xóm làng, chúng cướp đoạt tất cả tài sản, lừa bắt đi những đoàn gia súc trâu, bò, dê, lợn... còn bắt người làm nô lệ để khuân vác, tập trung nghỉ ở bên bờ sông Gangà. Dân làng bị hành hạ, kêu la than khóc. Với thiên nhĩ thông, đạo sĩ nghe rõ được tiếng than khóc kêu la ấy, đạo sĩ quán xét biết rõ, những dân làng và đàn súc vật bị bọn cướp chiếm đoạt và bị hành hạ, nên phát sanh tâm bi mẫn cứu dân làng thoát nạn.

Đạo sĩ nhập định rồi luyện thần thông hoá ra một đội quân tinh nhuệ rầm rộ kéo đến. Bọn cướp vừa thoáng thấy tướng rằng quân triều đình, chúng kinh hoàng khiếp đảm bỏ chạy thoát thân, không kịp mang theo cả binh khí. Đạo sĩ thu hồi lại thần thông, dân làng vô cùng ngạc nhiên, khi vừa chứng kiến một phép lạ chưa từng có bao giờ. Mọi sự việc đều trở lại bình thường, họ vô cùng vui mừng khôn xiết, tất cả của cải súc vật... của người nào hoàn trả lại cho người ấy, họ được an toàn, an vui và hạnh phúc.

Đức Phật nhắc lại việc hành thiện của tiền kiếp Phạm thiên Baka xong, tóm tắt bằng bài kệ:

*"Này Phạm thiên Baka,
Tiền kiếp con, đạo sĩ,
Dùng năng lực thần thông,
Đã giải phóng dân làng,
Thoát khỏi tay bọn cướp,
Hung ác và dã man,
Đó là pháp hành thiện,
Của con trong tiền kiếp".*

Một trường hợp khác, hai gia đình sống bằng thuyền trên dòng sông Gangà, một chiếc ở mé sông phía bắc và một chiếc ở mé sông phía nam, cả hai gia đình kết bạn thân thiết với nhau. Một hôm, hai gia đình kết hai chiếc thuyền lại với nhau để mở tiệc ăn mừng thả thuyền trôi trên dòng sông Gangà, mọi người ăn mặc điểm trang đẹp đẽ, đờn ca múa hát, ăn uống linh đình thâu đêm.

Long vương Gangeyyaka nổi giận nghĩ rằng: *"nhóm người này không vì nể ta, ta sẽ nhận chìm chúng xuống dòng sông Gangà này"*. Nghĩ xong, Long vương hung ác bèn hóa thân hình to lớn tạo nên những cơn sóng lớn làm cho hai chiếc thuyền mỏng manh trôi trên sóng dữ, đồng thời lại còn phồng mang phì hơi để nhận chìm hai chiếc thuyền. Mọi người trên thuyền hét hoảng kêu la cầu cứu.

Đạo sĩ ở cốc lá nghe tiếng kêu cứu nghĩ rằng: *"nhóm người trên thuyền vừa mới đờn ca múa hát vui chơi, nay lại kêu la cầu cứu, do nguyên nhân nào vậy?"*. Đạo sĩ nhìn thấy Long vương Gangeyyaka có ác tâm muốn hại những người này. Với tâm bi mẫn, cứu người trong hoạn nạn, đạo sĩ nhập định rồi luyện thần thông biến hoá thành **Điểu vương** Garuda to lớn, hiện ra tại chỗ hai chiếc thuyền bị nạn. Long vương Gangeyyaka vừa nhìn thấy Diểu vương liền kinh hoàng bạt vía lặn trốn xuống nước sâu.

Thế là mọi người trên hai chiếc thuyền đột nhiên thấy sóng lặng, dòng sông trở lại bình thường, tất cả mọi người được an toàn tính mạng, họ vui mừng khôn xiết.

Đức Phật nhắc lại việc hành thiện trên của Phạm thiên Baka xong, tóm tắt bằng bài kệ:

*Này Phạm thiên Baka,
Tiền kiếp con, đạo sĩ,
Dùng oai lực thần thông,
Biến hoá thành Diểu vương,
Khống chế được Long vương,
Cứu mọi người trên thuyền,*

*Trên dòng sông Gangà,
Thoát khỏi bị đắm thuyền.
Đó là pháp hành thiện,
Của con trong tiền kiếp.*

Một trường hợp khác, tiền kiếp của con xuất gia làm đạo sĩ tên là Kesava, tu hành rất chơn chánh và tiền kiếp của Như Lai thuở ấy, là học trò của đạo sĩ, tên là Kappa. Cậu học trò không những hộ độ thầy rất chu đáo và tín cẩn, mà còn rất thông minh, có trí tuệ sắc bén, có tài năng xuất chúng, đặc biệt có tài đức vẹn toàn, cho nên được thầy yêu mến, thật sự, vị thầy nương nhờ ở người học trò, thầy và trò luôn luôn sống bên nhau an lạc.

Đức Phật nhắc lại tiền kiếp của Phạm thiên Baka xong, tóm tắt bằng bài kệ:

*"Này Phạm thiên Ba-ka,
Tiền kiếp của Như Lai,
Từng là đệ tử ngươi,
Tên gọi là Kap-pa,
Được ngươi yêu thương nhất,
Tín cẩn và nương nhờ.
Như Lai hiểu rõ ngươi,
Vốn là người chánh kiến,
Có nhiều pháp hành thiện,
Tiền kiếp ngươi như vậy".*

Khi Đức Thế Tôn nhắc lại những tiền kiếp và pháp hành thiện của Phạm thiên Baka một cách rõ ràng minh bạch. Phạm thiên Baka vô cùng hoan hỷ, tán dương ca tụng Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài không những biết rõ tuổi thọ còn lại của con, mà còn biết rõ những tiền kiếp và mọi pháp hành thiện của con một cách rõ ràng minh bạch. Bởi vì Ngài là Bạc Chánh Đẳng Giác, bậc Toàn Tri Diệu Giác, là Đức Phật....

Đức Thế Tôn ngự đến cõi sắc giới Phạm thiên này để tế độ con và chư Phạm thiên và làm cho cõi phạm thiên này thêm xán lạn.

-ooOoo-

PHẦN PHỤ LỤC

QUẢ CỦA NGHIỆP (KAMMAPHALA)

-ooOoo-

Nghiệp có hai loại: thiện nghiệp và bất thiện nghiệp.

Thiện nghiệp thì cho quả tốt: thân an lạc, tâm an lạc, bất thiện nghiệp thì cho quả xấu: khổ thân, khổ tâm.

Đối với Đức Bồ Tát Siddhattha đã tạo đầy đủ thiện nghiệp: ba mươi pháp hạnh ba la mật, nên cho quả tốt là chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác. Và những tiền kiếp của Đức Phật khi còn là phàm nhân cũng đã tạo nhiều bất thiện nghiệp nên cũng cho quả xấu, chịu khổ trong cõi địa ngục, súc sanh... cho đến khi đã chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác cũng không tránh khỏi quả của bất thiện nghiệp đã tạo ở tiền kiếp.

Trong bộ Chú giải Apàdàna, Đức Phật đã thuyết dạy những quả của bất thiện nghiệp mà Ngài phải thọ lãnh kiếp hiện tại này:

- Đức Bồ Tát phải hành khổ hạnh suốt 6 năm.
- Đức Phật bị nàng kỹ nữ Cincàmanavikà vu khống.
- Cái chết của nàng kỹ nữ Sundarì đồ tội cho Ngài.
- Cái chết của nàng kỹ nữ Sundarì làm cho Đức Phật cùng chư Tỳ khưu Tăng chịu tiếng xấu bị mắng chửi.
- Tỳ khưu Devadatta xô đá xuống có ý để hại Ngài, nhưng không hại được, chỉ bị một mảnh đá vỡ ra đụng phải đầu ngón chân của Ngài bị bầm máu.
- Thái y Jivaka dùng dao mổ chỗ máu bầm của Ngài.
- Voi Nàlàgiri chạy đến để sát hại Ngài.
- Ngài thường bị bệnh đau đầu.
- Ngài thường bị bệnh đau lưng.
- Ngài bị bệnh đại tiểu tiện ra máu....

Đó là những quả bất thiện nghiệp mà tiền kiếp của Ngài đã tạo, đến kiếp hiện tại này, bất thiện nghiệp ấy còn dư sót, nên Ngài phải chịu quả xấu.

Trong tập *"Tám Sự Tích Phật Lực"* này, chỉ trích dịch những bất thiện nghiệp nào có liên quan cho quả xấu mà Đức Phật đã thọ lãnh.

Nguyên nhân đầu tiên Tỳ khưu Devadatta kết oan trái với Đức Phật.

Tỳ khưu Devadatta kết oan trái với Đức Phật không chỉ ở trong kiếp hiện tại, mà đã từng có oan trái nhiều kiếp trong quá khứ, ở bất cứ địa vị nào, dầu là cha với con... sự oan trái lúc nào cũng phát sanh từ phía Devadatta để làm khổ Đức Bồ Tát. Sự oan trái ấy bắt nguồn đầu tiên từ câu chuyện tiền thân **"Hai người buôn bán nữ trang"** (Bộ Chú giải Jātaka, câu chuyện Serivavāṇija-jātaka) , tóm lược như sau:

Thuở quá khứ, Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật, là nhà lái buôn lương thiện, và tiền thân của Devadatta cũng là nhà lái buôn nhưng có tánh tham lam và gian ác. Có một gia đình trước kia là phú hộ, nhưng sau tất cả tài sản khánh kiệt, chỉ còn cái mâm bằng vàng rỗng đóng đầy bụi. Thừa kế gia đình ấy chỉ còn một bà ngoại già và đứa cháu gái, họ không hề biết gì về giá trị của chiếc mâm vàng ấy.

Một hôm, có người buôn nữ trang từ xa đến, đi ngang nhà, cô cháu gái thấy liền năn nỉ xin bà ngoại mua cho mình một món nữ trang.

Bà ngoại già âu yếm bảo cháu: *"Này cháu yêu quý, ngoại không tiếc gì cho cháu cưng đâu. Hiềm một nỗi gia đình mình hiện nay nghèo quá, cơm áo không đủ dùng, thì lấy đâu có tiền bạc mà mua nữ trang cho cháu. Chỉ còn cái mâm cũ kỹ kia để ngoại hỏi người lái buôn xem thử có đổi được món nữ trang nhỏ nào cho cháu không"*.

Bà liền gọi người lái buôn vào, đưa cái mâm cũ kỹ cho y xem. Sau khi thăm soi kỹ, với con mắt nhà nghề, người lái buôn biết rõ là cái mâm bằng vàng rỗng quý giá, mà hai bà cháu không hề biết được giá trị của nó. Tánh vốn tham lam và gian ác, y tự nghĩ *"ta phải chiếm đoạt cái mâm vàng này, mà chỉ cần đổi một món nữ trang nhỏ nhỏ không đáng giá"*. Nghĩ xong, y giả vờ bọc bọc ném cái mâm xuống đất rồi nói:

- Cái mâm cũ kỹ này chẳng có giá trị gì cả, lấy đâu để đổi lấy một món nữ trang? Nó chưa đáng giá 12 xu rưỡi!

Nói xong, người lái buôn tham lam và gian ác kia liền bỏ đi nơi khác.

Ngày hôm sau, người lái buôn lương thiện (*Đức Bồ Tát*) đi ngang nhà, cô cháu gái khóc lóc năn nỉ đòi mua. Vì rất thương yêu và muốn vừa lòng cháu, bà gọi người lái buôn vào nhà, lại đem cái mâm cũ kỹ kia đưa cho người lái buôn này xem. Lần này, thì bà kể lể về hoàn cảnh khốn khổ của mình cho người lái buôn nghe, với hy vọng đổi được món nữ trang nhỏ nào đó cho cháu.

Nhà lái buôn lương thiện cầm cái mâm, lau chùi lớp bụi, phát hiện ra cái mâm này không chỉ là một cái mâm bằng vàng rỗng tinh chất quý giá, mà

còn chạm trổ những phù điêu, hoa văn tinh tế, công phu, thật là một nghệ thuật tuyệt vời.

Đức Bồ Tát hai tay nâng niu cái mâm và từ tốn thưa rằng:

- Thưa mẹ, cái mâm này không những bằng vàng ròng tinh chất, mà còn là một cổ vật quý giá, ít nhất khoảng trên 100 ngàn Kahàpana (đồng tiền vàng Ấn Độ thời xưa). Tất cả giá trị nữ trang và tiền bạc của con mang theo bên người chưa bằng được một phần trăm, thì con đâu dám đụng đến cổ vật vô giá ấy.

Bà ngoại già vô cùng cảm kích trước tấm lòng chân thật của người lái buôn lương thiện, chân thành nói:

- Này con, chính tấm lòng chân thật của con quý hơn cả cổ vật này. Hôm trước có người lái buôn nữ trang như con đã chê cái mâm này. Y nói cái mâm này chưa đáng giá 12 xu rưỡi. Khi đi, y còn ném cái mâm xuống đất và thốt lên lời hằn học nữa. Nếu quả thật, nó bằng vàng quý giá như con nói, thì đó chính là quả phước của con. Vậy, con hãy lấy đi rồi cho cháu một món nữ trang nào cũng được, con đừng ái ngại.

Sau nhiều lần từ chối không được, Đức Bồ Tát đành trao lại tất cả số nữ trang và trọn số tiền của mình, tổng cộng giá trị khoảng một ngàn (1000) đồng tiền vàng cho hai bà cháu, chỉ xin lại tám đồng để chi phí dọc đường.

Đức Bồ Tát vừa đem cái mâm vàng đi thì người lái buôn tham lam gian ác trở lại tìm bà cụ, y bảo:

- Này bà già, hãy đem cái mâm cũ kỹ kia ra đây, tôi sẽ làm bố thí cho cháu bà một món nữ trang nho nhỏ!

Bà cụ nhìn thấy y, con người gian xảo đáng khinh bỉ, bà bảo:

- Này anh kia, cái mâm vàng của tôi đáng giá 100 ngàn đồng, sao trước đây ông chê chưa đáng giá 12 xu rưỡi? Tôi đã bán cho một người lái buôn nữ trang lương thiện, ông ấy đã trao cho tôi trọn số tiền 500 đồng của mình và tất cả số nữ trang còn lại. Tôi đã trao cái mâm vàng cho người ấy mang đi rồi.

Nghe nói vậy, người lái buôn tham lam và gian ác cảm thấy vô cùng tiếc rẻ gào lên:

- Ôi! Ta đã thất bại quá lớn rồi! Tên lái buôn kia đã cướp cái mâm bằng vàng đáng giá 100 ngàn đồng của ta rồi!

Gào thét đến khô hơi tắt tiếng, tâm uất hận đến cực độ, tên lái buôn nằm lăn xuống đất ngất xỉu. Khi tỉnh dậy, như người điên, y xả bỏ quần áo, đồ nữ trang vung vãi, với đầu bù tóc rối, y chạy đuổi theo Đức Bồ Tát. Lúc ấy, Ngài đã qua quá nửa dòng sông, vẫn nghe văng vẳng tiếng gào thét của y: *"Hãy trở lại! Hãy trở lại!"*. Ngài bảo người lái đò chèo thuyền qua bên kia sông.

Bên bờ sông này, quá thất vọng và tiếc của, quá uất hận, cơn nóng giận cực độ làm cho người lái buôn máu trào ra miệng, lăn ra chết ngay tại chỗ. Trước khi tắt thở, với tâm sân hận y thốt ra lời nguyên độc địa kết oan trái với Đức Bồ Tát: ***"Ta sẽ kết oan trái với người dù bất cứ ở địa vị nào"***.

Bởi vậy, trong suốt khoảng thời gian tử sanh luân hồi, hễ mỗi khi hai người gặp lại nhau, ở hoàn cảnh nào, địa vị nào hậu kiếp của người lái buôn tham lam gian ác kia cũng tìm cách giết hại hoặc làm khổ Đức Bồ Tát; dầu ở địa vị làm cha, Đức Bồ Tát làm con, thì người cha ấy cũng tìm đủ lý do để giết hại Đức Bồ Tát. Thậm chí cho đến kiếp cuối cùng, hậu kiếp của người lái buôn nữ trang lương thiện là Thái tử Siddhattha, đã chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác và hậu kiếp của người lái buôn tánh tham lam gian ác kia là Hoàng tử Devadatta dòng Sakya (*thân quyến của Thái tử Siddhattha*) xuất gia trở thành Tỳ khưu Devadatta, đệ tử của Đức Phật, y tìm đủ mọi mưu mô thâm độc để giết hại Đức Phật. Nhưng do oai lực của Đức Phật, do đó không có một ai trên thế gian có khả năng giết hại được, chỉ có thể làm cho kim thân của Đức Phật bầm máu mà thôi.

Nguyên nhân từ bất thiện nghiệp quá khứ nào khiến Tỳ khưu Devadatta lăn đá làm bầm bần chân của Đức Phật?

Cũng theo bộ Chú giải Apàdàna, phần Buddha-pàdàna.

Trong tiền kiếp của Đức Phật có một người em trai cùng cha khác mẹ, khi cha mẹ qua đời, để lại cho hai anh em kế thừa một gia sản lớn. Vì si mê nghe theo lời xúi dục của bọn gia nhân ác tâm, Đức Bồ Tát đã giết hại đứa em của mình bằng cách xô xuống núi lăn đá đè chết để chiếm đoạt toàn bộ tài sản.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do ác nghiệp ấy cho quả tái sanh vào cảnh địa ngục chịu khổ suốt nhiều ngàn năm, đến khi mãn nghiệp ở địa ngục, mỗi khi được tái sanh làm người, phải chịu quả yếu thọ.

Đến kiếp hiện tại này, tuy Ngài đã chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác rồi, do năng lực của bất thiện nghiệp ấy còn dư sót, khiến Tỳ khưu Devadatta cô ý lăn đá đè chết Ngài, nhưng nhờ Ngài đã trở thành Đức

Phật, nên không một ai có thể sát hại được, chỉ bị một mảnh đá vỡ văng đụng đầu ngón chân cái của Ngài làm bầm máu mà thôi.

Nguyên nhân từ bất thiện nghiệp quá khứ nào khiến nàng Cincàmànavikà vu không Đức Phật?

Theo bộ Chú giải Apàdàna, phần Buddha-pàdàna dạy:

Trong thời quá khứ, có một Đức Phật xuất hiện trên thế gian, Ngài có một vị Thánh Thanh Văn đệ tử tên là Nanda, vị Thánh Tăng có giới đức hoàn toàn trong sạch. Thế mà tiền kiếp của Đức Phật đã vu không cho bậc Thánh Tăng ấy phạm giới hành dâm.

Đức Bồ Tát sau khi chết kiếp ấy, do khẩu ác nghiệp này cho quả tái sanh vào địa ngục chịu khổ suốt 10 ngàn năm. Đến khi mãn nghiệp, mỗi khi được tái sanh làm người, dầu ở địa vị nào Đức Bồ Tát cũng thường bị vu không, bị mắng nhiếc về tội hành dâm như vậy.

Đến kiếp cuối cùng, ở địa vị Đức Chánh Đẳng Giác, khẩu ác nghiệp còn dư sót khiến cho nàng Cincàmànavikà vu không Ngài đã hành dâm với nàng có thai.

Nguyên nhân từ bất thiện nghiệp quá khứ nào, mảnh đá vỡ văng đụng đầu ngón chân của Đức Phật?

Cũng trong bộ Chú giải Apàdàna, phần Buddha-pàdàna, tóm tắt câu chuyện tiền kiếp như sau:

Trong quá khứ xa xưa, tiền kiếp của Đức Phật sanh làm một cậu bé tinh nghịch, rấn mắt. Một hôm, cậu đang đùa với bọn trẻ trên đường, nhìn thấy Đức Phật Độc Giác đang đi trì bình khát thực. Cậu bé phát sanh ác tâm, nghĩ rằng: "*Tên Sa môn đầu trọc này từ đâu đến đây?*" rồi cậu cúi xuống, lấy mảnh đá ném đụng chân của Ngài, làm trầy da chảy máu.

Cậu bé sau khi chết, do bất thiện nghiệp này cho quả tái sanh vào địa ngục chịu khổ nhiều ngàn năm, đến khi mãn nghiệp ở địa ngục, mỗi khi được tái sanh làm người cũng thường chịu quả khổ do bởi ác nghiệp ấy.

Đến kiếp hiện tại này, tuy Ngài đã trở thành Đức Phật, do năng lực ác nghiệp ấy còn dư sót nên Ngài vẫn bị mảnh đá vỡ văng đụng đầu ngón chân của Ngài làm cho bầm máu, và cũng do năng lực ấy, khiến Tỳ khưu Devadatta sai nhóm xạ tiễn đi bắn Ngài.

Cũng trong bộ Chú giải Apàdàna, phần Buddha-pàdàna dạy:

Trong quá khứ xa xưa, tiền thân của Đức Phật là một vị vua cai trị một nước nhỏ ở biên địa. Đức vua có tính ham chơi và thường hay thân cận với bọn nịnh thần hung ác. Một hôm, bỗng dưng vua phát cơn điên cuồng, loạn trí xả bỏ áo mũ, đi chân đất vào thành dùng gươm giết chết nhiều người vô tội. Đức vua sau khi chết, do ác nghiệp đậm chém ấy cho quả tái sanh vào địa ngục, khi mãn nghiệp ở đó, mỗi khi tái sanh lại làm người phải chịu khổ đâm chém.

Đến kiếp hiện tại, tuy Ngài đã chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, nhưng do năng lực ác nghiệp ấy còn dư sót, nên Ngài phải bị thái y Jivaka dùng dao mổ xẻ chỗ máu bầm ở chân của Ngài.

Nguyên nhân từ bất thiện nghiệp quá khứ nào khiến voi Nàlàgiri định xông đến chà Đức Phật?

Cũng trong bộ chú giải Apàdàna, phần Buddha-pàdàna dạy:

Trong quá khứ xa xưa, tiền thân của Đức Phật làm nghề giữ voi. Một hôm, lúc đang cỡi voi vào thành, trông thấy một Đức Phật Độc Giác đang đi trì bình khát thực, y phát sanh ác tâm nghĩ: "*Sa môn đầu tặc này từ đâu đến?*" rồi lấy búa khiến voi xông đến để làm hại Ngài. Người giữ voi sau khi chết, do ác nghiệp ấy cho quả tái sanh vào ác đạo chịu khổ nhiều ngàn năm, đến kiếp hiện tại này, đầu đã trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, do năng lực của ác nghiệp ấy còn dư sót, khiến Tỳ khuru Devadatta, âm mưu dùng voi Nàlàgiri uống rượu say chạy xông đến để hại Ngài.

Trên đây sơ lược một số bất thiện nghiệp trong những tiền kiếp của Đức Phật. Mặc dầu, bất thiện nghiệp ấy đã cho quả khổ suốt nhiều ngàn năm, nhiều kiếp thế mà đến kiếp cuối cùng Ngài đã trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, năng lực của ác nghiệp ấy vẫn còn có thể cho quả. Đến khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, khi ấy tất cả bất thiện nghiệp cũng như mọi thiện nghiệp đều trở thành vô hiệu nghiệp, vì không còn tái sanh kiếp sau, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

Theo quan niệm Phật giáo, tất cả quả tốt: quả thân an lạc, tâm an lạc đều phát sanh từ thiện nghiệp; và ngược lại, tất cả quả xấu: quả khổ thân, khổ tâm đều phát sanh từ bất thiện nghiệp. Nhưng tất cả mọi bất thiện nghiệp và mọi thiện nghiệp không nhất thiết đều phải cho quả. Nghiệp nào cho quả, nghiệp ấy phải hội đủ nhân duyên, nếu thiếu nhân duyên, nghiệp không thể cho quả được. Cho nên, có những bậc Thánh Arahán tịch diệt Niết Bàn, không còn tái sanh kiếp sau, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới, thì tất cả thiện, ác nghiệp đã tạo đều trở thành vô hiệu nghiệp.

JAYAMAN GALAGÀTHÀ

1)* *Bàhum sahasamabhinimmitasāvudhantam
Girimekhalam uditaghoram sasenamàram,
Dànàdidhammàvidhinà jìtavà Munindo
Tam tejasà bhavatu me (te) jayamangalaggam.*

2)* *Màratirekamabhiyujjhita sabbarattim,
Ghoram panàlavaka makkhamathaddhayakkham,
Khantì sudantavidhinà jìtavà Munindo,
Tam tejasà bhavatu me (te) jayamangalaggam.*

3)* *Nàlàgirim gajavaram atimattabhùtam,
Dàvaggicakkamasaniva sudàrunantam
Mettambusekavidhinà jìtavà munindo,
Tam tejasà bhavatu me (te) jayamangalaggam.*

4)* *Ukkhittakhaggamabhihatthasudàrunantam.
Dhàvam tiyojanapathangulimàlavantam
Iddhibhisaīkhatamano jìtavà Munindo,
Tam tejasà bhavatu me (te) jayamangalaggam.*

5)* *Katvāna katthamudaram iva gabbhaniyam,
Cincāya dutthuvacanam janakāyamajjhe,
Santena somavidhinà jìtvà Munindo,
Tam tejasà bhavatu me (te) jayamangalaggam.*

6)* *Saccam vihāya atisaccakavāda ketum
Vādābhiropitamanam atī andhabhùtam
Pannāpadīpajalito jìtavà Munindo,
Tam tejasà bhavatu me (te) jayamangalaggam.*

7)* *Nandopananda bhujagam vividham mahiddhim,
Puttena therabhujagena dhunāpayanto.
Iddhūpadesavidhinà jìtavà Munindo,
Tam tejasà bhavatu me (te) jayamangalaggam.*

8)* *Duggāhaditthibhujagena sudatthahattham,
Brahmam sutam jutimahiddhim Bakābhidhānam.
Nānāgadena vidhinà jìtavà Munindo,
Tam tejasà bhavatu me (te) jayamangalaggam.*

**** Etāpi Buddhajayamangala atthagàthā,
Yo vācano dinadine sarate mantadī.**

***Hitvānanekavividhāni cupaddavāni,
Mokkham sukham adhigameyya naro sapaṇṇo.***

Dịch nghĩa:

Bài Kệ An Lành Thù Thắng

1) Đức Bồ Tát toàn thắng, Ác Ma Thiên,
Hóa ngàn cánh tay đều cầm vũ khí,
Cỡi voi trời Gi-ri-me-kha-la,
Cùng vô số thiên ma binh, ma tướng,
Tiếng hét la vang dậy cả không gian,
Nhờ ba mươi pháp hạnh ba la mật:
Bố thí, giữ giới, xuất gia, trí tuệ....
Ác Ma Thiên bị thảm bại hoàn toàn.
Nhờ Phật lực toàn thắng Ác Ma Thiên,
Mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

2) Đức Phật cảm thắng dạ xoa Ālavaka,
Là dạ xoa tự cao và tàn nhẫn,
Hung bạo, dũng mãnh hơn Ác Ma Thiên,
Hoá phép tấn công Đức Phật trọn đêm,
Đức Phật cảm thắng nhờ pháp nhẫn nại,
Do nhờ Phật lực tế độ dạ xoa,
Mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

3) Đức Phật cảm thắng voi Nàlàgiri,
Là voi dữ trong cơn say điên cuồng,
Hung ác như lửa rừng, như sấm sét,
Nhờ pháp rải tâm từ làm mát dịu,
Đức Phật đã tế độ được voi ấy,
Do nhờ Phật lực cảm thắng voi dữ,
Mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

4) Đức Phật cảm hóa Angulimāla,
Là kẻ cướp sát nhân rất hung ác,
Cắt ngón tay người làm vòng đeo cổ,
Là kẻ tàn nhẫn và rất tinh nhuệ,
Cầm gươm đuổi theo cố giết Đức Phật,
Suốt ba do tuần mà vẫn không kịp,
Nhờ Đức Phật ứng hoá phép thần thông,
Tế độ được An-gu-li-mà-la,
Do nhờ Phật lực cảm hóa kẻ ác,
Mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

5) Đức Phật thắng nàng kỹ nữ Cin-cà,
Nàng dùng gỗ đẽo tròn mang vào bụng,
Giả như người đàn bà mang thai thật,
Rồi vu khống Đức Phật giữa tứ chúng,
Nhờ pháp an tịnh, Đức Phật thắng nàng,
Do nhờ Phật lực thắng nàng Cin-cà,
Mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

6) Đức Phật cảm thắng ngoại đạo Saccaka,
Kẻ si mê tối tăm như người mù,
Tự cho mình có trí tuệ hơn cả,
Dùng lý lẽ mình đê bẹp người khác,
Dương danh sự thật không phải là thật,
Phủ nhận sự thật chân lý mọi người.
Đức Phật đã cảm thắng Sac-ca-ka,
Nhờ trí tuệ như ngọn đèn chiếu sáng.
Do Phật lực cảm thắng Sac-ca-ka,
Mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

7) Rong chúa Nan-do-pa-nan-da,
Là Rong tà kiến có nhiều thần thông
Đức Phật dạy trưởng tử Moggallàna,
Dùng phép thần thông hoá thành Rong lớn,
Phun khói để thu phục Rong chúa ấy,
Do nhờ Phật lực thu phục Rong chúa,
Mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

8) Phạm thiên Ba-ka có đại thần lực
Và hào quang nổi danh khắp mọi cõi,
Có thường kiến chấp thủ quá mê lầm,
Như bị rắn độc cắn phải ở tay,
Nhờ trí tuệ, như linh dược giải độc,
Đức Phật đã cảm thắng Phạm thiên ấy
Do nhờ Phật lực tế độ Phạm thiên,
Mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Bậc Thiện trí hằng ngày thường tụng đọc,
Tám bài kệ "Hạnh phúc thù thắng" này,
Tán dương sự cảm thắng của Đức Phật,
Thì tránh khỏi vô số điều tai hại.
Được thành tựu mọi hạnh phúc an lạc,
Tạo duyên Niết Bàn, giải thoát khổ sanh.

-ooOoo-

